

# Trước thêm Thánh điện



Annie Besant



**ANNIE BESANT**

Dịch giả: **BẠCH LIÊN** và **CAO THỊ LAN**

**TRƯỚC THỀM**

# **THÁNH ĐIỆN**

**(THE OUTER COURT)**

Nhóm Hội Viên Thông Thiên Học Hải Ngoại  
hiệu đính và xuất bản tại Hoa Kỳ

**2006**

## MỤC LỤC

VÀI LỜI NÓI ĐẦU

I - SỰ TINH LUYỆN

II - SỰ TẬP LUYỆN CÁI TRÍ

III - SỰ LẬP HẠNH HAY LÀ LUYỆN TÁNH

IV - TINH THẦN HOÁ HAY LÀ KHOA LUYỆN KIM  
TINH THẦN

V - TRƯỚC THÈM THÁNH ĐIỆN

HỘI THÔNG THIÊN HỌC



# VÀI LỜI NÓI ĐẦU

Năm đề tài sau đây:

I.- Tinh Luyện.

II.- Tập Luyện Cái Trí.

III.- Lập Hạnh.

IV.- Tinh Thần Hoá hay là Khoa Luyện Kim Tinh Thần.

V.- Trước Thềm Thánh Điện.

Bà tiến sĩ Annie Besant thuyết trình vào tháng 8 năm 1875, tại Chi Bộ Thông Thiên Học Blavatsky, một trong những Chi Bộ lớn ở Luân Đôn.

Những đề tài liên quan mật thiết với nhau, do đó được in ra thành sách nhan đề: “The Outer Court.”

Nhận thấy cuốn sách này hữu ích cho tất cả tín đồ các tôn giáo và cho những ai muốn tìm đạo, không phải chỉ riêng cho các hội viên Thông Thiên Học, nên chúng tôi cố gắng dịch ra Việt ngữ không ngoài ý muốn cống hiến cho tất cả các bạn một tác phẩm rất có giá trị của một vị đại đức và là đệ tử của Chơn Sư đã hy sinh tất cả để phụng sự nhân

loại và đã từng châu du khắp thế giới để thuyết đạo.

Cuốn “Trước Thềm Thánh Điện” này đi đôi với cuốn “Con Đường Của Người Đệ Tử.” Phải đọc trước, mới thật hiểu những lời của đức bà Annie Besant giải trong cuốn “Con Đường Của Người Đệ Tử.”

Chúng ta bền chí tu tâm luyện trí theo phương pháp của Ngài chỉ dạy trong hai quyển đó thì khoảng 10 năm sau không gián đoạn sẽ thấy mình đổi mới, tức là trở thành một người biết tuân theo thiên ý, sống một đời sống cao thượng hơn trước và chắc chắn sẽ có những bậc cao minh tới điểm hoá cho.

Điều này đúng với sự thật, vì theo luật nhân quả con người gieo giống nào gặt giống nấy. Học đạo và hành đạo với sự cố gắng không ngừng sẽ đắc đạo. Còn thuyết đạo mà không hành đạo như đứng một chỗ không cất bước đi. Như thế không biết đến bao giờ đạt mục tiêu mình đã định.

Nửa thế kỷ trước những sách đạo chỉ hợp với một số rất ít người muốn tìm chân lý, chỉ những vị lão thành giàu kinh nghiệm, chán nản những trò đời giả dối, cuộc thế đảo điên.

Thời gian qua, nhân loại đã tiến đến khúc quanh lịch sử. Một chu kỳ mới, chu kỳ huyền bí học, mở màn vào năm 1975. Con người đua nhau học hỏi những bí mật của tạo công và tìm hiểu ảnh hưởng của những cõi vô hình bao bọc quả địa cầu của chúng ta, ảnh hưởng này rất lớn đối với người và vật.

Những sách các nhà huyền bí học viết ra về vũ trụ và nhân sinh rất hữu ích cho các bạn thanh niên nam nữ hiện giờ. Quý bạn có sẵn một kim chỉ nam để nhận định phương hướng chính phải theo cho đúng và hợp với cơ tiến hoá. Quý bạn tự biết mình rồi sẽ biết vũ trụ và các vị Thượng Đế, vì con người đồng bản tánh với trời đất. Mỗi người trong chúng ta đều là một vị Thái Dương Thượng Đế vị lai, trong mình có đủ chất khí đã tạo ra càn khôn vũ trụ.

Câu xin cuốn “Trước Thềm Thánh Điện” đem ánh sáng thiêng liêng soi tỏ bước đường của quý bạn cũng như đã từng giúp chúng tôi rất nhiều trong công việc tu tâm luyện tánh hằng ngày.

Châu Đốc, ngày 14 tháng 2 năm 1964.

Mùng 2 Tết, năm Giáp Thìn.

BẠCH LIÊN

## I - SỰ TINH LUYỆN

Từ một cú điểm trong không gian, chúng ta có thể nhìn con đường tiến hoá mà học về lịch sử các dãy hành tinh theo một quan niệm tưởng tượng, rồi hình dung ra mọi việc, chớ không phải tùy vào những cảnh hồng trần, trung giới và thượng giới của những bầu đó, chúng ta có thể đứng từ bên ngoài mà nhìn những chúng sinh đang tiến tới, nhân loại đang tiến hoá, chúng ta có thể diễn tả mọi sự kiện giống như một bức hoạ. Tôi thấy một ngọn núi cao đứng sừng giữa không gian, từ dưới chân núi có một con đường đi lên vòng quanh cho đến đỉnh núi. Con đường này gồm có 7 vòng khu ốc. Mỗi vòng có 7 trạm nghỉ cho khách hành hương dừng chân trong một thời gian, và ở mỗi trạm nghỉ đó, họ còn phải do một con đường khu ốc<sup>1</sup> mà leo lên cao nữa.

Đi theo các vòng khu ốc cho tới tận cùng, chúng ta thấy rõ: theo cách nào con đường đã leo lên đỉnh núi, dẫn đến một toà thánh điện trang

---

<sup>1</sup> Con đường tiến hoá của nhân loại trong chu kỳ hiện tại là phải đi 7 lần vòng quanh một dãy hành tinh có 7 bầu. Trên mỗi bầu, con người phải ở lại nhiều triệu năm và có 49 lần ở lại như vậy: tất cả có 7 bầu; trên mỗi bầu nhân loại phải ở lại 7 lần.



nghiêm, một toà thánh điện như làm bằng cẩm thạch trắng, nổi bật, sáng chói và huy hoàng trên nền trời xanh thẳm. Toà thánh điện đó là mục đích của cuộc hành hương, ai vào được bên trong là hoàn tất cuộc hành trình của mình. Ít nhất là đối với ngọn núi này, và nếu họ còn ở trên núi, đó chỉ là với mục đích duy nhất: để giúp đỡ những kẻ đang đi lên mà thôi. Nếu chúng ta nhìn ngắm toà thánh điện, chúng ta muốn biết được xây theo lối nào, chúng ta sẽ thấy nơi trung tâm có một linh đài, xung quanh có 4 cái sân xếp theo những hình tròn đồng một trung tâm điểm. Những sân này ở phía trong vòng thánh điện; có những bức tường ngăn cách sân này với sân nọ, và muốn đi từ sân ngoài vào sân trong, người hành hương phải bước qua một cánh cửa, cánh cửa duy nhất của mỗi bức tường bao quanh sân. Phía ngoài thánh điện, có một cái sân thứ năm, đó là vòng ngoài đông khách hành hương hơn ở trong thánh điện.

Vậy chúng ta có ngay dưới mắt một bức hoạ miêu tả sự tiến hoá của nhân loại và con đường mà nòi giống ta đang đi theo và nút con đường là toà thánh điện. Trên đường, rất đông người đang đi lên rất chậm, chậm đến nỗi hình như mỗi khi họ tiến lên được một bước thì họ lùi lại một bước vậy. Xu hướng chung của toàn thể là đi lên, nhưng họ

đi chậm chạp đến nỗi người ta phải khó nhọc lắm mới nhận thấy họ đang tiến. Sự tiến hoá không ngừng của nhân loại qua mọi thời đại có vẻ dài dòng và mệt nhọc đến nỗi người ta phải tự hỏi làm sao các khách hành hương lại có can đảm trèo lên mãi trong một thời gian lâu thế. Phải cần đến hàng triệu năm để theo dõi nhân loại đi vòng quanh ngọn núi; muốn theo dõi một khách hành hương duy nhất trên con đường thì phải mất nhiều triệu năm khác nữa, và chúng ta thấy hình như người hành hương này phải trải qua vô số kiếp luân hồi liên tiếp để tiến lên mãi. Chúng ta sẽ mệt mỗi khi nhìn thấy những đám đông ấy tiến lên chậm chạp như thế, từng nấc một trên con đường vòng quanh. Nhìn ngắm họ, chúng ta tự hỏi rằng: “Tại sao họ trèo lên chậm thế? Tại sao hàng triệu người này phải theo một cuộc du hành dài thế? Tại sao họ luôn luôn cố gắng tiến về phía toà thánh điện dựng trên đỉnh núi?”

Khi ta quan sát thì dường như họ đi chậm, vì không nhìn thấy mục đích, không biết phương hướng của cuộc du hành của nòi giống. Nếu chúng ta nhận xét riêng biệt vài ba người trong bọn, ta thấy luôn luôn rời xa đường lộ, bị nơi này nơi kia quyến rũ; thái độ không có gì là nhất định cả. Thay vì tiến thẳng về phía trước như những

người bận rộn, lại đi lang thang chỗ này chỗ kia, giống như những đứa trẻ rời bỏ đường cái để hái bông hoa hay đuổi theo con bướm. Đường như trọn cả cuộc đời bị lãng phí, và đêm tối đến là khi tử thần tới rước, họ dừng chân một thời gian và tiến hoá rất ít. Hình như sự phát triển về trí thức, dù có chậm chạp đến đâu, cũng không thúc giục đi mau hơn được. Những kẻ mà trí khôn vừa mới được thành hình, dường như đang ngủ mê sau mỗi ngày, tức là mỗi kiếp của cuộc đời, chỉ tiến hơn được chút ít, nếu đem so sánh với giai đoạn của ngày vừa qua tức là tiền kiếp, và những ai trí khôn được phát triển khá hơn cũng không đi nhanh hơn và dường như sự tiến bộ rất ít trong mỗi kiếp. Nhìn thấy họ đi lên như vậy, ta phải nản lòng và tự hỏi tại sao không ngược mắt nhìn xem con đường sẽ dẫn đến đâu. Và dường như con đường dài khu ốc đi vòng quanh núi không phải là con đường duy nhất dẫn đến sân ngoài của toà thánh điện, cái sân đầu tiên nơi đó đôi ba người dẫn đầu cuộc tiến hoá đã bước vào. Khi nhìn kỹ, chúng ta thấy có nhiều điểm trên con đường khu ốc do đó người ta có thể đi đến sân ngoài, bằng cách theo những con đường tắt, ngắn hơn, không đi vòng quanh núi, mà đi thẳng lên đỉnh núi. Người hành hương có tấm lòng can đảm, tay chân cứng cáp, có thể chọn con đường tắt này. Và nếu

chúng ta tìm cách hiểu tại sao một số người đã đi đến sân ngoài nhanh chóng hơn đồng loại, ta thấy họ đã rời bỏ con đường dài để lần đầu tiên dẫn bước trên đường tắt khi lần thứ nhất nhìn thấy được một ánh sáng tự nơi thánh điện toả ra. Vì toà thánh điện trắng ngần đứng trên đỉnh núi hằng phát ra những tia sáng chiếu rọi xuống sườn núi. Thỉnh thoảng, một khách lữ hành không mãi mê nhìn những con bướm và những hòn sỏi trên đường nữa thì tia sáng dường như chiếu vào mắt; ngừng đầu về phía toà thánh điện, nhìn thấy nó chốc lát, và sau cái nhìn thoáng qua ấy, không còn giống như trước nữa. Dù chỉ trong chốc lát, cũng đã nhận ra được mục đích, một cứu cánh; đã thấy thoáng qua đỉnh núi mà y muốn tiến đến, y đã thấy con đường tắt dốc hiểm nguy, nhưng ngắn hơn không biết bao nhiêu lần, vượt ngay lên sườn núi và dẫn đến chót đỉnh, trên đó toà thánh điện đang chiếu sáng rực rỡ.

Và khi linh hồn nhìn nhận được mục đích phải đạt được, nhờ tia sáng trực giác chớp nhoáng, ngay lúc hiểu biết, rằng thay vì con đường dài xoay quanh trái núi và theo hình khu ốc nhiều lần, có một con đường tắt dẫn đến mục đích. Trong lúc giác ngộ chớp nhoáng này, linh hồn còn hiểu thêm rằng con đường tắt có một danh từ là phụng sự và

tất cả những ai đi theo con đường rút ngắn đó đều phải chui qua một cánh cửa có ghi những chữ vàng rực rỡ sau đây: **“phụng sự nhân loại.”** Linh hồn chúng ta theo dõi, lúc đó hiểu ngay rằng trước khi có thể đi vào sân ngoài của thánh điện, phải đi qua cánh cửa đó và nhận định rằng: người ta sống là để phụng sự chứ không phải làm thoả mãn những dục vọng ích kỷ, và phương pháp duy nhất để tiến lên nhanh hơn, là tiến lên để làm điều ích lợi cho những ai đang chậm bước, ngõ hầu tòa thánh điện có thể ban phát cho những khách hành hương đi theo con đường dài một sự giúp đỡ có hiệu lực hơn là những trường hợp khác.

Như tôi đã nói, đó chỉ là một chớp nhoáng, một sự thấy thoáng qua mà thôi, rồi tan mất ngay, vì chỉ có một tia sáng từ ngọn núi phóng ra rọi vào mắt mà thôi. Suốt dọc đường ngoằn ngoèo rải rác không biết bao nhiêu sự quyến rũ thu hút linh hồn một lần nữa. Nhưng một khi đã thấy được ánh sáng rồi, thì rất dễ mà thấy một lần nữa. Một khi đã thấy thoáng qua mục đích phải đạt cho được, đã hiểu rõ bốn phận và khả năng phụng sự, mặc dầu sự hiểu biết này chỉ là nhất thời trong ánh sáng trực giác vẫn còn lại ở tận đáy lòng một ý muốn đi theo con đường ngắn nhất và tìm lối thẳng tiến lên sân ngoài thánh điện. Sau khi đã

nhìn thấy như thế lần thứ nhất, thỉnh thoảng tia sáng đó cũng nhấp nháng hiện ra. Từ ngày này sang ngày khác trong cuộc leo núi dài thăm thẳm, tia sáng cứ xuất hiện mãi, có lẽ mỗi ngày một rực rỡ hơn. Và chúng ta thấy những linh hồn này bắt đầu đi lên một cách vững chắc hơn đồng loại. Tuy họ còn đi vòng quanh trái núi, họ lập hạnh (trau giòi tánh nết) một cách đều đặn hơn và hiến mình cho tôn giáo một cách quả quyết hơn, tôn giáo này cố gắng chỉ dẫn cho họ thấy có thể lên tới thánh điện bằng cách nào.

Linh hồn nào thoáng thấy mục đích có thể đạt được và tự biết mình có xu hướng để theo đường này nhiều hay ít, sẽ nổi bật lên giữa đám đồng loại do tánh siêng năng và chú ý, chẳng bao lâu sẽ dẫn đầu đám đông còn rải rác trên đường. Họ đi nhanh hơn, tiến một cách quả quyết hơn, họ đã bắt đầu hiểu phương hướng đang theo, nên họ cố gắng – tuy lúc đầu còn bất toàn – để tiến lên, nghĩa là sống theo mục đích nhất định. Tuy mới vừa hiểu được mục đích đó sẽ là gì – (có trực giác mập mờ về điều này hơn là sự hiểu biết rõ ràng) – cũng không còn đi lang thang rày đây mai đó nữa, không còn để ngày mai cướp mất cái gì mà họ đã thu thập được ngày hôm nay. Từ nay, không tiến trên đường vòng quanh, và trong mỗi ngày tức là

mỗi kiếp của cuộc đời, trèo lên nhanh hơn một chút, cho tới khi họ rõ ràng vượt hẳn đám đông nhờ đời sống tinh thần, nhờ những tánh tốt, và nhờ ý muốn luôn luôn giúp đỡ đồng loại. Những linh hồn này, tuy hãy còn đi trên đường vòng quanh, nhưng đang mau tiến bước lên đỉnh núi và bắt đầu nỗ lực một cách rõ ràng hơn; cố gắng giúp đỡ đồng loại và đưa bàn tay dịu hiền ra để lôi kéo những kẻ xung quanh tiến bước nhanh hơn.

Chẳng bao lâu, khi đang bước tới cùng những linh hồn yêu mến để giúp đỡ, sẽ thấy có một hình dáng rất đẹp đẽ - mới nhìn qua có vẻ như nghiêm khắc - đang tiến đến gặp tất cả những linh hồn trên đường tiến hoá. Hình dáng này bắt đầu nói nhỏ về một con đường ngắn hơn và chỉ dẫn cho những điều kiện của sự tiến bộ nhanh chóng hơn. Hình dáng đó chính là sự giác ngộ vậy. Sự giác ngộ này là chị em với hai thế lực phổ độ mà chúng ta đã nói đến; ấy là phụng sự nhân loại và tôn giáo giúp đỡ những linh hồn trong sự trau dồi đức hạnh. Giác ngộ, phụng sự và tôn giáo, ba ảnh hưởng này cùng nhau dìu dắt bước đường của linh hồn cho đến khi một buổi bình minh sáng lạng hơn hiện ra với một sự hiểu biết đầy đủ hơn. Lúc đó chư huynh thấy linh hồn bắt đầu có một quan niệm rõ ràng về mục đích của sự tiến hoá

của mình; không phải mơ mộng đến tương lai mà thôi, rán làm cho giấc mơ trở thành mục đích nhất định, cố gắng đạt cho được, công nhận phụng sự là định luật của đời sống.

Giờ đây, tuân theo sự kích động tự nhiên, linh hồn thì thầm thốt lên một lời phát nguyện thành thật, là sẽ giúp đỡ nòi giống tiến hoá. Đó là lời ước nguyện đầu tiên, lời ước nguyện một ngày kia sẽ hiến mình để phụng sự nhân loại. Tuy nhiên giờ đây chưa phải là một lời thành tâm ước nguyện, nhưng sau này linh hồn sẽ thốt lên lời ước nguyện rõ rệt như thế. Trong một cuốn kinh thánh, người ta có chép một Vị trong các Đấng cao cả đã theo con đường ngắn nhất, đã đi trên con đường khó khăn hiểm trở nhất, và Ngài đã vượt qua con đường này một cách nhanh chóng đến nỗi Ngài bỏ lại phía sau Ngài toàn thể nhân loại và Ngài tiến bước một mình. **Gương Ngài bảo đảm trong tương lai nhân loại sẽ có thể thành đạo như Ngài;** Ngài giống như bông lúa sớm kết hạt của vụ gặt: người ta ghi chép rằng Đấng cao cả này đã mang danh hiệu là đức Phật (đã hoàn tất lời nguyện ước của mình từ đại kiếp này sang đại kiếp khác). Sự hoàn tất công nghiệp của Ngài phải khởi đầu bằng lời ước nguyện là phụng sự. Lời nguyện ước đầu tiên của linh hồn ràng buộc với những Đấng cao



cả đã đi trước, và như thế tạo thành một sợi dây lồi cuốn vào con đường thử thách, đường này dẫn đến sân ngoài, và khi đã đi xuyên qua khoảng sân ngoài ấy rồi sẽ đi đến chính thềm thánh điện.

Sau nhiều kiếp cần lao và gắng sức, linh hồn càng ngày càng tinh tấn, càng cao thượng và càng khôn ngoan hơn, từ kiếp này sang kiếp khác, sau cùng thốt ra một cách rõ ràng, minh bạch, ý muốn của mình, ý muốn này bây giờ đã trở nên mãnh liệt. Khi mà ý muốn biểu lộ ra như một sự quyết định hẳn hoi và đích xác chớ không còn là một tiếng nói thì thâm tỏ bày hoài vọng nữa, khi ý muốn là một lời nói sáng tạo ban hành mệnh lệnh, lúc đó cả quyết đến gõ cửa sân ngoài, và không ai có thể hiểu lầm tiếng gõ cửa đó, vì diễn tả cái mãnh lực của một linh hồn nhất định chiến thắng, một linh hồn khá thông minh nên hiểu được tầm rộng lớn, bao la bát ngát của công việc định làm. Giờ đây đã đi đến thềm của sân ngoài, linh hồn biết rõ công việc đang rần sức hoàn thành, hiểu rằng sự khó khăn đang chờ đợi thật là phi thường. Ra khỏi nhân loại, đó là điều trừ định làm, ra khỏi đám nhân loại đang tiếp tục đi lên mãi theo vòng quanh núi trong vô số thế kỷ, cứ đi như vậy từ thế giới này sang thế giới khác, xung quanh dãy hành tinh, và cuộc hành trình cứ tiếp tục như thế mãi

cho đến khi mỏi mệt. Linh hồn anh dũng đang gõ cửa sân ngoài muốn trèo lên núi trong vài ba kiếp ngắn ngủi, xông pha lên những sườn núi dốc hiểm nhất, muốn vượt từng bước một con đường tắt dẫn ngay đến trung tâm thánh điện. Trong khoảng thời gian vài chục kiếp, linh hồn muốn hoàn tất công việc thường đòi hỏi ở nhân loại vô số kiếp luân hồi, công việc phi thường cho đến nỗi chỉ ngấm nhìn ta cũng thấy hoa mắt, một công việc anh dũng đến nỗi linh hồn nào muốn làm việc đó, tức là **đã nhận định được bản chất thiêng liêng của mình, uy quyền tuyệt đối ẩn tàng nơi mình**. Muốn thành đạo, nhân loại không những chỉ phải trải qua thời gian sống trên địa cầu này, mà còn phải trải qua những cuộc tuần hoàn<sup>2</sup> vị lai nữa; nay linh hồn muốn hoàn thành trọn vẹn công việc vĩ đại đó trong vài ba kiếp, bắt đầu từ điểm tiến hoá của nhân loại hiện nay; đó thật là **một công việc vô cùng khó khăn, một công việc chỉ có Thượng Đế mới làm nổi**. Sự hoàn tất công việc vĩ đại như thế chỉ rõ cho ta thấy rằng uy quyền của Thượng Đế đang tự hoàn thành trong tâm con người.

---

<sup>2</sup> Một cuộc tuần hoàn là sự đi vòng quanh một dãy hành tinh gồm 7 bầu.

Như vậy khi linh hồn gõ cửa đạo, thì cửa đạo mở cho linh hồn bước vào, và tiến đến sân ngoài. Giờ đây phải vượt qua sân ngoài từng bước một, tiến đến cửa đầu tiên dẫn đến chính thánh điện, cửa đầu tiên trong số 4 cửa, mỗi cửa là biểu hiện của một lần đại điểm đạo. **Không một linh hồn nào có thể vượt qua ngưỡng cửa đó, nếu không vĩnh viễn hiến mình cho Thượng Đế**, nếu vẫn còn quyến luyến những sự vật phù du của cõi trần đang bao vây; vì khi đã vượt qua ngưỡng cửa của thánh điện rồi linh hồn không bao giờ đi trở ra ngoài nữa. Linh hồn đã vượt qua khỏi cái cửa đầu tiên của những vòng trong dẫn dắt đến trung tâm thánh điện, linh hồn không bao giờ lùi lại; đã lựa chọn phần của nó trong những thế kỷ vị lai, đã đi vào chốn mà không ai quay trở ra một khi đã bước chân tới đó. Vậy sự đại điểm đạo lần thứ nhất được cử hành ngay ở trong thánh điện. Nhưng linh hồn mà ta đang theo dõi đây chỉ mới bắt đầu chuẩn bị thôi. Ở sân ngoài, sửa soạn, trong những kiếp vị lai, leo lên 7 nấc thang dẫn đến cửa thứ nhất. Tới đó rồi, phải đợi được cho phép bước qua ngưỡng cửa của chính thánh điện.

Vậy nhiệm vụ sân ngoài là gì? Trong những kiếp sống ở đó, phải sống theo cách nào để xứng đáng được gõ cửa thánh điện. Đó là đề tài đang chờ đợi

chúng ta; để trình bày đề tài này cùng chư huynh, tôi không quản công lao khó nhọc, dù chỉ có 1 hay 2 người nơi đây thật sự có đủ khả năng lợi dụng được buổi nói chuyện này. Thừa chư huynh, tôi đã biết rất rõ: trong khi tôi miêu tả sân ngoài, sẽ có những điều khó khăn và không hứng thú chút nào đối với chư huynh. Chỉ một việc tìm thấy con đường dẫn đến sân ngoài cũng là điều quá khó khăn cho thí sinh cố gắng thực hành đạo lý và trau dồi tánh tốt; khiến cho linh hồn có thể gõ cửa cấp ngoài của sân ngoài bao vây thánh điện, đó là một công việc rất nhọc nhằn; thế nên những ai được vào nơi đó, đều đã tiến bộ nhiều trong dĩ vãng. Vậy có thể chắc chắn trong nhóm chư huynh đây, có những người không ưa thích lối sống mà tôi sẽ miêu tả, vì rất ít người nhận định được mục đích và lý do đời sống của mình. Chư huynh nhớ điều này; **chỉ riêng những ai đã trọn vẹn hiến mình để phụng sự nhân loại mới được vào sân ngoài;** đã cho ra tất cả mà không đòi hỏi một đặc ân nào trả lại, ngoài đặc ân phụng sự kẻ khác; đã nhận định rõ ràng tính cách phù du của sự vật hồng trần; đã mạnh dạn nhận lãnh nhiệm vụ muốn làm; đã quay lưng không nhìn về phía những con đường đầy đầy hoa thơm cỏ lạ leo quanh sườn núi và đã quyết định đi thẳng lên đỉnh núi, mặc dầu khó nhọc đến đâu, mặc dầu phải gắng sức trong

những kiếp đầu thai liên tiếp một cách nhanh chóng. Ở sân ngoài, phải cố gắng, cố gắng rất nhiều, vì đó là nơi mà ta phải làm xong nhiều việc trong một thời gian ngắn.

Những sự phân tách trong đề tài vốn do tôi tự đặt ra và không phải là những cấp bậc nối tiếp nhau khi người ta đi ngang qua sân ngoài. Ta phải lần hồi nhìn xét tất cả những giai đoạn và phải thi hành không ngừng công việc của mỗi giai đoạn. Đó là nhiều sự luyện tập làm tất cả cùng một lúc, nếu tôi phải chia chúng ta thành từng giai đoạn ấy là để có thể trình bày đề tài một cách rõ ràng mà thôi. Tôi đã cho những giai đoạn đó những danh từ sau đây: sự tinh luyện, sự tinh luyện cái trí, sự lập hạnh, khoa luyện kim tinh thần và trước thềm thánh điện. Một lần nữa, chúng ta không nên coi công việc phân chia những giai đoạn này như là riêng biệt. Phải làm tất cả những việc này cùng một lúc; phải cố gắng không ngừng; và linh hồn đi đến sân ngoài sẽ ra sức làm nhiệm vụ của mình trong mỗi kiếp. Đó là những bốn phận phải làm xong, ít nhất là một phần, trước khi dám trình diện trước cửa thánh điện. Nếu tôi lần lượt giải riêng về những bốn phận, từng việc nọ đến việc kia, ấy là giúp ta hiểu chúng một cách rõ ràng hơn. Ngoài ra, xin chư huynh hiểu rằng muốn đi đến

ngưỡng cửa của sự điếm đạo lần thứ nhất ta không cần phải làm trọn vẹn hoặc đầy đủ những bốn phận đó. Nhưng cần phải làm được một phần nào những bốn phận ấy, linh hồn phải tận lực làm việc một cách hữu hiệu, có kết quả; phải hiếu công việc cần phải hoàn thành và chuyên tâm sốt sắng làm việc ấy. Khi mà công việc được hoàn thành một cách trọn vẹn thì linh hồn được vào trung tâm thánh điện.

Công việc đầu tiên linh hồn phải làm ở sân ngoài là sự tinh luyện, tinh luyện bản thể thấp hèn cho đến mức làm cho tất cả những bộ phận đều rung động điều hoà một cách tuyệt đối với Chơn Nhơn cao cả. Phải tinh luyện tất cả cái gì thuộc về phần giả tạm của con người, tất cả những gì mà ta gọi là bản ngã, tất cả cái đại thể gồm những tánh và những nét đặc biệt không trường tồn mà con người đã thu thập chung quanh mình trong vô số kiếp sống. (Ở đây, tôi muốn nói những tánh nét, những sự kiện bên ngoài, chúng bao bọc linh hồn, tất cả những lớp y phục mà linh hồn tự khoác lên mình và giữ lấy từ kiếp này sang kiếp khác, tất cả những gì mà linh hồn gặp lại mỗi khi đầu thai xuống trần, tất cả những gì mà con người thiệt thòi thu thập chung quanh mình trong đời sống hồng trần để rút lấy tinh hoa và đồng hoá để biến ra

thành phần của Chơn Nhơn luôn luôn tiến bước mãi vô cùng vô tận.)

Ông Sinnet dùng một câu miêu tả rất đúng vị trí của linh hồn ở ngay vào lúc mà ta đang nói đến, vị trí của linh hồn vừa tự ý bước vào sân ngoài và nhận định được công việc phải làm. Ông nói: “Linh hồn trở thành chư hầu của Chơn Nhơn cao cả” - từ ngữ này có ích cho ta nếu ta hiểu rõ. Nghĩa là ta nhất quyết từ bỏ mọi điều phù du nhất thời, tất cả những gì thuộc về bản ngã thấp hèn. Tất cả những kiếp sống ở cõi trần này chỉ dùng để gom góp những vật liệu hữu ích và truyền đạt chúng lên Chơn Nhơn cao cả. Chơn Nhơn lớn và phát triển nhờ những điều mà bản thể thấp hèn thu thập được. Khi bản ngã thấp hèn hiểu biết sự hợp nhất khản yếu với Chơn Nhơn cao cả hơn đang ngự trị; khi biết lý do duy nhất của nó sinh ra ở cõi trần này là để làm một dụng cụ nhất thời với mục đích là thu thập những gì mà Chơn Nhơn trường tồn bất diệt cần dùng đến - thì như tôi đã nói - bản ngã thấp hèn nhất định trọn cả kiếp sống ở cõi trần chỉ để dành làm công việc đó mà thôi; hiểu mục đích đời sống chỉ là để gom góp những vật liệu để sau này mang lên hiến dâng cho Chơn Nhơn là tinh hoa thiết thọ của bản thể, những vật liệu này sẽ dự phần vào sự phát triển của Chơn

Nhơn trường tồn bất diệt cao cả hơn phàm nhơn của một kiếp.

Vậy thì “trở thành chư hầu của Chơn Nhơn cao cả” có nghĩa là bản ngã thấp hèn phải tự nhìn nhận có bốn phận phụng sự chủ nhân ông của mình, từ nay sẽ không sống cho mình mà sống để phụng sự cái gì trường tồn bất diệt. Đời sống của con người ở sân ngoài là hết lòng phụng sự chân thành: tất cả công việc hiến dâng cho Chơn Nhơn cao cả trường tồn bất diệt; đời sống của Chơn Nhơn càng ngày càng mở mang rực rỡ, nhờ sự tận tâm chơn thành và hồn nhiên của bản ngã là vị sứ giả mà Chơn Nhơn đã gọi ra ngoài giới.

Trong quyển sách này, tôi thí dụ con người đã hoàn thành xong công việc mà những thánh kinh toàn cầu coi như là sự tự chuẩn bị để tìm kiếm linh hồn mình một cách tích cực. Chắc chư huynh cũng nhớ là trong một quyển kinh Upanishad có viết: “Ai muốn tìm thấy linh hồn mình thì trước hết phải rời bỏ con đường tội lỗi.” Linh hồn mà ta quan sát đã làm công việc này trước khi bước vào sân ngoài. Vì những ai đã vào đó rồi thì không còn bị những sự vật tầm thường của hồng trần quyến rũ nữa. Đã vượt qua chúng, vì vậy nên trong kiếp bước vào sân ngoài, ít nhất cũng đã lìa xa “con đường tội lỗi” và không còn ưa thích nữa. Nếu khi



ta thấy ai đi trên con đường đó, ấy là hậu quả của sự sa ngã bất ngờ và sẽ được sửa chữa lại ngay tức khắc; sinh ra đời với một lương tâm không ưa thích tội lỗi, nếu có cơ hội làm lành, làm trước nhất. Tuy lương tâm họ chưa có kinh nghiệm hoàn toàn, nên có thể bị lầm lạc trong sự chọn lựa trước và cả sau khi vào sân ngoài, nhưng nó vẫn nồng nhiệt muốn chọn điều lành bất cứ lúc nào.

Bản ngã thấp hèn không còn có thể tự mình không tuân theo mạng lệnh Chọn Nhon, vì ai làm trái mạng lệnh thì không bao giờ được vào sân ngoài và còn lâu lắm mới vào đó được. Những linh hồn được lựa chọn vào ít nhất cũng đã cố gắng tự hướng về điều thiện và muốn vâng lời tiếng nói nội tâm, khuyên nhủ phải làm lành, và không muốn cố ý cãi lại. Những linh hồn này sinh ra đời sau khi đã vượt qua quãng đường dài dốc đứng và thành thực muốn làm điều thiện cao cả nhất mà họ có thể quan niệm được.

Bây giờ, linh hồn phải chiến đấu với những sự quyến rũ tế nhị hơn, sự quyến rũ đang đợi ở sân ngoài. Đó không phải là những sự quyến rũ thô bỉ của thế gian, mà lại là những sự quyến rũ sâu sắc hơn, thậm thía hơn, chúng tấn công linh hồn trong khi phải vượt qua nhiều kiếp mau lẹ và phải hồi hải leo lên sườn núi lớn. Linh hồn không có thì giờ

do dự trốn tránh trước sự quyền rũ, không có thì giờ lập hạnh bồi đức dần dần. Khi chân bước vào thánh điện, dù mới ở sân ngoài, đã tự cảm thấy nó phải tiến lên mãi, không ngừng, nghỉ, phải leo lên sườn núi không bao giờ dừng bước. Và nơi đây, bị tấn công tứ phía bởi những nỗi khó khăn và những sự quyền rũ thuộc về lý trí, bởi lòng tham vọng, bởi tánh kiêu căng của cái trí, bởi sự hãnh diện về những điều đã thâm thập được và cho rằng những điều đã thực hiện được là do công lao nó. Ngoài sự tấn công đáng sợ của lòng tham vọng, ngoài bản tánh kiêu ngạo của con người muốn chiếm giữ tất cả và muốn xây dựng một bức tường giữa mình và kẻ dưới, linh hồn còn muốn hiểu biết cho riêng mình, hiểu biết để chiếm hữu, để lấy sự thông thái của mình mà chống lại mọi người, chớ không phải để làm điều hữu ích. Cảm giác này được che đậy dưới một lớp là lòng yêu mến khoa học vì khoa học, yêu mến chân lý vì chân lý, và thường thường linh hồn phát giác ra rằng, khi nhìn thấy một cách rõ ràng và thấu đáo, điều mà người ta tưởng đó là lòng yêu mến khoa học một cách vô tư, thật ra chỉ là ý muốn xa cách đồng loại, có được điều mà họ không có, hưởng những lợi lộc mà họ không được chia sẻ. Tánh chia rẽ, sự kiêu căng, ý muốn đứng riêng biệt, học hỏi, phát triển, được thực hiện để chiếm hữu, đó

là một trong những sự nguy hiểm ghê gớm nhất đe dọa linh hồn đang phát triển. Đó là một trong những sự cám dỗ, chờ đợi linh hồn khi linh hồn vừa bước qua khỏi cửa sân ngoài. Vì linh hồn sẽ thấy mình có thể giơ tay nắm lấy sự hiểu biết và có ý muốn chiếm lấy sự hiểu biết này, sẽ thấy quyền năng ở trước mặt và muốn có quyền năng, như vậy, hoàn toàn không phải chỉ vì muốn phụng sự, mà một phần là vì những điều này sẽ làm cho linh hồn được lớn thêm. Linh hồn thấy cần phải xây một bức tường xung quanh mình để thọ hưởng những điều đã thực hiện được. Nhưng chẳng bao lâu linh hồn hiểu được, nếu một ngày kia, muốn vượt qua khỏi sân ngoài để đi đến cánh cửa lớn đang chói sáng ở phía đằng xa thì phải lìa bỏ tất cả lòng tham vọng và tánh kiêu căng cùng là ý muốn thu thập kiến thức cho riêng mình; nói tóm lại, phải lìa bỏ mọi thứ chia rẽ với các linh hồn khác, anh em với nó. Lúc đó, nó bắt đầu tinh luyện bản chất cái trí của nó, nó xét kỹ lý do thúc đẩy nó cố gắng, lý do thúc đẩy nó hoạt động; bắt đầu xét mình một cách kỹ lưỡng dưới ánh sáng của đời sống tinh thần đang chói rạng nơi trung tâm thánh điện và soi sáng sân ngoài. Dưới ảnh hưởng của ánh sáng ấy, mọi bóng tối trở nên dày đặc hơn, và linh hồn bắt đầu nhận thấy dường như những sự vật đã chiếu sáng ở cõi hạ giới, thật ra,

chỉ là những cái bóng, và tự chúng, chúng không có ánh sáng thiệt thọ. Lúc đó, linh hồn hiểu được “bản chất dục vọng mang theo mình pha lẫn với trí thức cần phải được thanh lọc hết mọi vết nhơ của bản ngã riêng tư.” Linh hồn quả quyết bắt đầu tự tinh luyện, tự ý bắt đầu làm việc một cách cẩn thận sáng suốt, cố gắng không ngừng để loại trừ tất cả những gì ngăn cách linh hồn, dù bằng cách nào, với những kẻ ở mức dưới đang theo vết chân nó, cũng như với những Đấng cao cả hơn đã đi trước. Thật vậy, đây là điều mà linh hồn học được, và đây cũng là một trong những bài học cao siêu ở sân ngoài, nếu một ngày kia nó thấy cửa thánh điện mở rộng ra thì nó phải phá vỡ những bức tường ngăn cách nó với những huynh đệ của nó ở phía dưới. Chỉ lúc đó những bức tường ngăn cách với những Vị cao cả mới bỗng nhiên tan mất đi. Vì cánh cửa mà ta phải vượt qua chỉ tự mở rộng ra trước người nào xin phép bước vào nếu đã đập tan được những bức tường của chính bản ngã y dựng lên và ưng thuận chia sẻ với mọi người cái kết quả những sự cố gắng của y.

Vậy bắt đầu tinh luyện những dục vọng và điều khiển bản ngã thấp hèn để xoá bỏ mọi vết nhơ. Y tự tinh luyện bằng cách nào? Y không được tiêu diệt một cái gì cả, vì những gì đã thu thập được

trong cuộc hành hương của mình, đó chính là những kinh nghiệm và kinh nghiệm đã được biến hoá thành ra khả năng và mãnh lực; giờ đây đang cần dùng đến tất cả sự dũng mãnh của mình; nếu tiêu diệt nó thì đại đột và vụng về vậy. Khi đi trình diện, phải mang theo tất cả năng lực của mình, những năng lực đã được tinh luyện chớ không phải những năng lực ô trược. Nhưng phải làm cách nào để tinh luyện chúng, tiêu diệt chúng là một công việc dễ dàng biết bao. Xoá bỏ một vài tánh tình, như thế sẽ là một sự thử thách dễ dàng hơn đối với lòng kiên nhẫn của mình. Dường như sẽ vui lòng tấn công chúng, tiêu huỷ chúng để được yên thân một lần chót.

Nhưng người ta không thể đi vào thánh điện bằng lối ấy; phải mang đến đó như là lễ vật đầu tiên tất cả những gì đã thu thập được trong dĩ vãng, những gì đã được biến hoá thành ra khả năng và mãnh lực. Đó là sự hy sinh phải hiến dâng tự nơi ngưỡng cửa của sự điếm đạo. Không thể nào vào đấy với hai bàn tay trắng. Người chí nguyện phải mang tới đó nguyên vẹn tất cả... những gì đã gặt hái được trong đời sống hồng trần. Đã không được phép tiêu diệt thì phải lo việc tinh luyện khó khăn hơn, gìn giữ sự tinh hoa của mọi tánh tình và đồng thời loại trừ cái gì có tánh

cách cá nhân. Tất cả những bài học mà con người học được về tánh tốt, về tật xấu, chính là tổng số kinh nghiệm gặt hái được trong dĩ vãng, trong cuộc hành hương sẽ gìn giữ tinh hoa của mọi tánh tình, vì đó là kết quả của tất cả sự tiến bộ, nhưng y sẽ mang nó đến trước bàn thờ tinh khiết như vàng ròng không hề lẫn lộn một chút cặn bã nào hết.

Ta hãy xem xét riêng rẽ một vài tánh ấy để biết rõ sự tinh luyện là gì. Một khi đã hiểu được cách áp dụng phương pháp này vào một, hai tánh nhất định chư huynh có thể tùy ý mình mà suy nghĩ để sử dụng trong những trường hợp khác. Việc học phương pháp tinh luyện này là một trong những bài học quan trọng hơn hết.

Đầu tiên tôi xin nói với chư huynh về một sức mạnh mãnh liệt có ở nơi mỗi người; đã được biểu lộ ra trong những giai đoạn đầu tiên khi ta mới phát triển, đã theo ta khi ta tiến hoá, và đây là lúc nó phải được tinh luyện lần cuối cùng. Ở trình độ thấp nhất, sức mạnh này là sự tức giận, sự phẫn nộ, một sức mạnh ghê gớm phát triển nơi con người, nhờ nó con người tạo được cho mình một chỗ đứng trong đời sống và có khi vượt được mọi nỗi khó khăn; là một năng lực kinh khủng của linh hồn, nó đột nhập vào bản ngã thấp hèn và tự tạo

cho mình một con đường đi bằng cách phá tan mọi trở ngại. Sự tức giận là một năng lực vô trật tự, vì vậy mà có tính cách phá hoại, trong những giai đoạn đầu tiên khi con người mới phát triển, khi chưa học được cách điều khiển và tự chủ. Sự tức giận là một sức mạnh ghê gớm, vì nó là một sức mạnh nên ta phải nhìn nhận giá trị của nó, dù khi tác động ở cõi hạ giới có phá hoại đến thế nào đi nữa.

Trước khi bước vào sân ngoài, con người đã thay đổi nhiều sức mạnh ấy của tâm hồn; đã biến nó thành một tánh tốt thực sự mà y đã trau giồi từ lâu ở ngoài đời. Từ khi được biến thành tánh tốt, mang tên: “sự phẫn nộ cao thượng,” lòng phẫn nộ đối với sự bất công, lòng thù ghét tất cả mọi điều ác, thấp hèn, ti tiện, độc hiểm, và dưới vô số hình thức của sức mạnh phá hoại đó, đã phụng sự chủ nhân ở ngoài đời một cách cao thượng. Trước khi bước chân vào sân ngoài, đã làm việc cho đời, đã thực hành tánh tốt đó. Y nổi giận khi thấy người ta tàn ác với kẻ yếu, phẫn nộ khi thấy một kẻ bạo ngược bất công. Khi thực hành đức tánh này, đã tinh luyện cho sức mạnh đó không còn chứa chấp phần cặn bã ích kỷ lớn lao, vì trong những kiếp sống đầu tiên còn dã man, đã tức giận cho chính bản thân. Nổi giận mỗi khi người ta làm cho bị

thiệt hại, trả đũa khi người ta đánh mình. Nhưng từ lâu, đã kèm chế, đã thắng phục được sự tức giận hung bạo của bản ngã thấp hèn, nó đem sức mạnh phá hoại ra mà tự bảo vệ lấy mình, lấy ác trả ác, lấy oán báo oán. Đã lâu rồi trước khi đi vào sân ngoài, đã vượt qua trình độ cô sơ ấy và đã học được cách biến hoá một phần nào sức giận dữ đó rồi; đã tinh luyện rất nhiều tính cách cá nhân, đã có thói quen tức giận khi người ta làm thiệt hại kẻ khác chứ không phải làm cho mình bị thiệt hại; đã quen nổi nóng khi thấy kẻ khác đau khổ chứ không phải khi chính mình bị đau khổ. Khi thấy một người độc ác giày xéo lên một kẻ yếu đuối bất lực, liền chạy đến cứu giúp kẻ yếu, đánh kẻ áp chế và xua đuổi nó đi một cách quyết liệt. Như thế đã sử dụng sự tức giận cao thượng để chiến thắng sự tức giận thấp hèn, đã dùng một sự bông bột cao thượng hơn để tiêu diệt sự bông bột hung bạo của bản ngã thấp hèn. Trong những kiếp sống ở một dĩ vãng xa xăm, con người đã học cách tinh luyện cho sự tức giận không còn tính cách thô bạo nữa, và đi đến mức không tức giận khi nghĩ đến chính mình, mà chỉ tức giận chỉ vì lo cho những người mà y muốn giúp đỡ.

Chư huynh nhớ nơi đây linh hồn đã nhìn nhận từ lâu việc phụng sự là một bổn phận, và một trong những cách phụng sự là tiêu diệt những kẻ áp chế,



xua đuổi những kẻ làm cho người khác đau khổ. Sự tức giận nồng nhiệt phản đối lại mọi hình thức của sự ác, đã làm việc cho những kẻ yếu, và có lẽ đã hành động như một vị anh hùng trên thế gian.

Nhưng trong bầu không khí yên tĩnh hơn của sân ngoài thánh điện, nhờ ánh sáng của lòng từ bi vô lượng của linh đài soi tỏ không còn chỗ để chấp chứa sự tức giận được nữa, dù sự tức giận đó đã được tinh luyện rồi, và không còn tính cách cá nhân. Bây giờ người chí nguyện phải biết: những kẻ làm điều ác cũng là huynh đệ của y, và do những việc ác của chính họ, họ sẽ phải đau khổ một cách sâu xa, thậm thía hơn là những người đã bị họ áp chế và ức hiếp; phải biết sự phẫn nộ cao thượng ấy, sự tức giận trước sự ác, sự hăng hái có tính cách phá hoại như thế, chống đối với sự áp chế, không còn là những nét đặc biệt của linh hồn cố gắng tiến đến gần Thượng Đế nữa, vì Thượng Đế yêu mến tất cả các con cái của Ngài mà Ngài đã cho đầu thai xuống trần, dù những kẻ này ở vào trình độ nào, cao hay thấp cũng vậy, dù mức tiến hoá của họ có thấp kém đến đâu đi nữa, không một sự gì có thể thoát ra khỏi lòng từ ái của Thượng Đế. Ngài đã sinh ra vạn vật, Ngài là trung tâm của mọi sự, Ngài ngự trong lòng của kẻ gian ác cũng như các bậc thánh nhân. Trong sân ngoài,

ta phải nhìn nhận Thượng Đế, dù những đám mây che phủ Ngài còn dày đặc đến đâu chăng nữa, con mắt tinh thần phải được mở rộng và không được để cho một tấm màn nào che lấp mà không thấy được Chơn Nhơn của người khác. Vì thế cho nên sự phấn nộ cao thượng này phải được tinh luyện cho đến mức không còn một sự giận dữ nào nữa, nó phải biến thành một sức mạnh phù trợ, giúp đỡ mọi sinh linh, không loại trừ một ai. Cái năng lực mạnh mẽ này của linh hồn phải trở nên hoàn toàn tinh khiết, nó phải làm việc lành cho kẻ bạo chúa cũng như cho kẻ nô lệ, nó phải lấy lòng từ ái mà bao trùm cả kẻ áp bức và người bị áp bức. Các Đấng cứu thế không hề chọn người nào mà các Ngài ưa thích để các Ngài cứu giúp. Các Ngài cứu giúp tất cả mọi người, không hề phân biệt ai cả. Những Vị phụng sự đời không bao giờ thù ghét một sinh linh nào trong vũ trụ. Do sự tinh luyện, sự tức giận xưa kia nay trở thành sự che chở cho kẻ yếu đuối, sự phản đối vô tư đối với tội lỗi truy lạc, và sự công bằng tuyệt đối đối với tất cả mọi người.

Người ta đã tinh luyện sự tức giận như thế nào thì cũng phải tinh luyện tình yêu như thế này. Lần đầu tiên, ở giai đoạn đầu của sự phát triển của con người, thì tình yêu tự biểu lộ dưới cái hình thức

thấp hèn và ti tiện nhất; có thể hẹp hòi và ô trược, như lòng dục mù quáng nhắm vào một người khác, và trong khi khao khát được thoả mãn, nó không hề lo lắng chút nào những điều có thể đến cho người yêu. Theo sự phát triển của tâm hồn, tính cách tình yêu đã thay đổi, trở thành cao thượng hơn trước, ít ích kỷ, ít có tính cách cá nhân hơn, đến khi quyền luyến chỉ vì mến những nét cao thượng của người yêu, chớ không phải quyền luyến cái vỏ xác thịt bên ngoài. Tình yêu thoát đầu chỉ là dục vọng, nay trở thành tinh khiết và có tính cách luân lý. Nhưng ở sân ngoài của thánh điện, còn phải trở nên tinh khiết hơn thế nữa. Thí sinh phải mến yêu, nhưng phải mến yêu một cách không riêng tư, độc quyền, tình yêu càng ngày càng phải lan rộng, nồng nhiệt, rạng rỡ, đầm ấm hơn, nói tóm lại không còn chứa đựng cái gì thấp hèn thuộc về bản ngã nữa.

Một tình yêu như thế luôn luôn nhắm về phía người khác, tìm cách để phụng sự họ, chớ không phải để phụng sự chính mình. Nên tự hỏi: “Ta có thể ban phát ra bao nhiêu” và không bao giờ nghĩ: “Ta thu nhận được những gì.” Một tình yêu mà được như thế thì tinh hoa đang trở nên thiêng liêng, vì tự ban ra theo nhu cầu của kẻ khác, chớ

không phải tùy theo số tiền bạc mà người ta sẽ đền bù lại cho mình.

Trong khi linh hồn cố gắng tự tinh luyện như thế, bằng cách làm việc hết sức mình để phụng sự nhân loại, phải tự kiểm soát mình mỗi lúc không ngừng. Sự vô tư sẽ là “thanh gươm Ithuriel,<sup>3</sup>” là hòn đá thử vàng được mang ra áp dụng trong mọi hoạt động. Khi linh hồn giúp ai việc gì, làm một việc mà cho là hữu ích đối với nhân loại, phải thận trọng dò xét hành động và lý do của việc đó, để xem chất độc tế nhị của cái “tôi” có xen lẫn trong sức lực đã tổn hao không. Nếu linh hồn khám phá ra tìm kiếm sự thành công của chính mình hơn là sự thành công của việc làm; nếu khi thấy kẻ khác thành công trong một việc mà ta đã thất bại không làm xong, nổi đấng cay bồng xen lẫn vào nỗi vui mừng vì thấy công việc được hoàn thành – lúc đó ta biết bản ngã hãy còn; nếu ta thật trong sạch thanh cao, thì chỉ lo lắng sao cho công việc phụng sự được thành tựu mà thôi, và không bận lòng đến việc mình đã được dự phần vào đấy. Nếu thấy sự thất bại cá nhân làm cho sinh ra một mối thất vọng, nếu chán nản, ngã lòng khi đã phí sức mà không thành công, nếu có một việc gì gọi là

---

<sup>3</sup> *Lưỡi gươm thần chạm vào đâu sẽ làm tan ảo ảnh nơi đó và bắt mọi vật phải hiện nguyên hình.*

“tôi không hiểu tại sao” làm xáo trộn sự an lạc và yên tĩnh trong chốc lát, thì lúc đó, thấy ngay được sự đả đốn cay và sự xáo trộn này là dấu vết của bản ngã, cần phải tiêu diệt, phải quả quyết loại trừ nhược điểm ấy, để làm tan đám mây đang che mắt ta. Ngoài ra, nếu khi phân tách, và thử thách tình yêu linh hồn thấy ở đáy cũng có một cảm tình lạnh nhạt, một chút thất vọng khi người khác được mến yêu mà vẫn tỏ vẻ lãnh đạm, mặc dầu đã phụng sự người yêu một cách cao thượng, triu mến người một cách sâu xa thấm thía; nếu tình yêu được ban rải ra nay muốn quay về trở lại, muốn ngừng nghỉ vì không được người yêu yêu mình lại, thì lúc đó linh hồn - tự nghiêm khắc với mình bao nhiêu thì lại phải từ bi đối với tất cả những kẻ khác bấy nhiêu, vì hiểu ngay được đó cũng là mùi hương tế nhị của bản ngã hãy còn lại, linh hồn cũng vẫn còn làm việc cho bản thân mình, thay vì muốn tìm thấy sự vui cao thượng chỉ vì được vinh dự ban rải tình thương ra ngoài. Vậy linh hồn đi qua sân ngoài lại phải tự tinh luyện để diệt trừ dấu vết của bản ngã còn lại cho đến khi tình yêu chói rạng mà không bao giờ tự hỏi có được người ta đền đáp lại không, mà cũng không bao giờ đợi chờ một sự trả lời. Thật vậy, kẻ nào không đền đáp được tấm lòng người ta yêu mến mình, thì kẻ đó chính là kẻ cần được thương

yêu nhiều nhất; cá nhân nào không có gì đền bù lại ơn của kẻ khác đã từng giúp đỡ mình, thì chính cá nhân ấy cần thụ hưởng lòng từ bi bác ái hơn mọi người khác. Theo lối đó, linh hồn quả quyết tự phát triển phải tự rèn luyện mình một cách nghiêm khắc, không ngớt tinh luyện bản ngã thấp kém của mình bằng cách tiếp tục cố gắng và triệt để khắc kỷ. Vì luôn luôn tự so sánh với Đấng cao cả ở trên, chớ không phải những người trẻ dại ở dưới, mắt phải luôn luôn hướng về những Vị đã hoàn thành xong công việc tinh luyện bản thân, thay vì nhìn xuống đám đông đang đi lên sân ngoài; không ngừng nghỉ chút nào, không thể hài lòng cho tới ngày nhìn thấy mục đích tiến lại gần một cách mau lẹ, cảm thấy không còn là một chướng ngại lớn lao cho ánh sáng rực rỡ của các Đấng cao cả thiêng liêng.

Trong sân ngoài, con người bị thử thách và sa ngã vì tánh tốt, chớ không phải vì tật xấu của mình. Những sự quyến rũ tế nhị đến tận công và hiện ra như là những thiên thần chói sáng. Những linh hồn đang đi lên này bị thử thách bởi những điểm cao thượng nhất. Kẻ thù nắm lấy những tánh tốt và lợi dụng sự vô minh mà biến chúng thành những quyến rũ. Những linh hồn đã vượt qua điểm mà những tánh xấu có thể làm hại hay lung lạc, và ảo tưởng chỉ có thể mang bề ngoài đức

hạnh mới có hy vọng làm cho đi sai đường lạc lối. Vì vậy phải hết sức nghiêm khắc với mình, phải khắc kỷ không ngừng. Tự biết do những thất bại của chính mình và của những đạo hữu, những đức tánh khó thực hiện nhất ở ngoài đời, đều trở nên dễ dàng ở sân ngoài, lúc đó có thể nói những đức tánh này bị bản ngã trộm lấy và biến chế thành những cám dỗ làm cho người tân tín đồ phải vấp ngã trên đường hiểm trở. Theo cách đó, các linh hồn biết được chỉ có một cách duy nhất để thành công mà thôi, đó là luôn luôn sống theo ánh sáng của Chơn Ngã, cho nên các linh hồn tin chắc mình không bao giờ dám đến trình diện ở cửa thánh điện, khi mà ánh sáng này không chiếu rọi sáng ngời trong tim mình.

Làm sao dám bước vào chốn ánh sáng huy hoàng trước những tia chói rạng, tất cả những gì thế gian gọi là rực rỡ, quang minh chỉ là những bóng tối lò mờ thôi, làm sao dám vào chốn ánh sáng chói loà cho đến đôi khi không có con mắt phàm tục nào nhìn ngắm nó được, cái mà người ta gọi là đức lành, tánh tốt bị soi thấu để lộ ra những chỗ bất toàn, còn tất cả những gì mà ta gọi là tốt tươi, đẹp đẽ đều chẳng qua là những cái xấu xa, tầm thường, vô vị; nói tóm lại, làm sao dám bước vào thánh điện ngay dưới cái nhìn nghiêm nghị của Chơn

Sư; ở nơi đây linh hồn phô bày trọn vẹn chân tướng của mình không còn giấu giếm che đậy cái chi được nữa, làm sao dám ở lại chỗ thiêng liêng như thế, nếu lòng còn điểm nhỏ chưa được hoàn hảo, khi Chơn Sư dò xét, Ngài còn thấy một vết nhơ làm xốn mắt tinh anh của Ngài?

Cho nên ở sân ngoài, những thử thách mà đòi cho là khó nhọc lại biến thành những nỗi vui, sự đau khổ tinh luyện ta, ta niềm nở đón tiếp nó như là một người bạn. Thế nên Thượng Đế, Vị khuôn mẫu của những nhà tu sĩ Đô Ghi,<sup>4</sup> Đấng mà người ta gọi là nhà Đô Ghi cao cả, Sư Phụ và chủ nhân tất cả mọi người, Ngài luôn luôn đứng giữa giàn hoả thiêu, xung quanh là những ngọn lửa hồng đốt tiêu mọi vật chạm đến. Vì trong trái tim của những ai đi qua sân ngoài, hãy còn có những nơi sâu kín mà ánh sáng chưa chiếu vào được, muốn tinh luyện trọn vẹn tấm lòng, trước khi vào thánh điện, phải cần đến những ngọn lửa linh động của chính Thượng Đế. Những ngọn lửa này đốt cháy tất cả sự ác ẩn tàng, mắt không trông thấy được những nơi sâu kín của tấm lòng của kẻ sắp làm đệ tử, đã hiến mình cho Sư Phụ và không còn giữ lại một cái gì cho mình. Tự nơi giàn hoả oai nghiêm dựng lên ngay trước cửa thánh điện, túa ra những

---

<sup>4</sup> Yogis.



ngọn lửa hồng rực rỡ mà ai ai cũng phải đi qua ngọn lửa này trước khi cửa thánh điện mở rộng ra để đón tiếp. Nét mặt của Thượng Đế hiện ra với ta xuyên qua ngay chính giữa những ngọn lửa này. Thượng Đế, nhà Đô Ghi tối cao, Ngài là nguồn cội của những ngọn lửa này, nhờ sự hiện diện vinh quang của Ngài trong lửa, nên lửa mới có được tính cách tinh luyện ấy. Chính là nhờ Thượng Đế, đức Sư Phụ tối cao mà người đệ tử được tinh luyện lần chót. Rồi linh hồn vượt qua thềm thánh điện, sau cánh cửa này linh hồn sẽ không còn liên hệ gì với những danh lợi hồng trần nữa; trừ công việc phụng sự, không còn có một dục vọng phạm tục nào, ngoài ý muốn làm việc để cứu rỗi nhân loại. Trên địa cầu không còn cái gì có thể quyến rũ nó được, vì đã nhìn thấy nét mặt của Thượng Đế và trước vẻ huy hoàng oai nghiêm của Ngài, mọi ánh sáng khác đều phải lu mờ vậy.



## II - SỰ TẬP LUYỆN CÁI TRÍ

Trong phần thứ hai đề tài của tôi có lẽ chư huynh sẽ nhận thấy một sự khác biệt rõ ràng hơn là bất

cứ ở đâu về cách nhận xét của một người ở ngoài đời, tánh nết trầm tĩnh, thẳng bằng, có đạo đức, với nhận xét của một nhà huyền bí học. Tôi đưa chư huynh từng bước, từ lúc đầu để chỉ cho chư huynh thấy cách nhận xét đó được thay đổi theo lối nào. Nhất là về trí thức; vị trí trong con người, phận sự trong việc mở mang nhân tánh, nhiệm vụ và cách làm tròn nhiệm vụ, nhất là đối với những vấn đề đó thì có nhiều quan điểm trọng đại khác nhau sinh ra tùy theo phương tiện của người đứng ra xem xét, tùy theo quan niệm về cuộc đời và vai tuồng phải nhận lãnh. Nói cho rõ hơn, chúng ta hãy tìm hiểu chốc lát một người tốt, công bình, thuộc về hạng trí thức, một người chắc chắn không phải là vô tư lự, nhẹ dạ, phù phiếm theo nghĩa thường – chúng ta hãy tìm hiểu một người như vậy, với đầu óc minh mẫn, trí hoá thông minh, thẳng bằng, sẽ quan niệm sự làm chủ cái trí của mình như thế nào.

Một người tốt, nhất quyết theo đuổi một lý tưởng về đức hạnh cố gắng thực hiện, một lý tưởng về bốn phận phải cố gắng hoàn thành, một người như vậy, khi ấn định lý tưởng của mình, khi suy nghĩ về quan niệm, về nhiệm vụ, sẽ nhìn nhận rằng cần phải làm chủ cái “bản ngã” thấp hèn và sẽ tìm cách bắt buộc bản ngã này phải vâng lời

“Chơn Nhơn cao siêu.” Đó là điều chắc chắn không còn có thể nghi ngờ gì nữa. Những sự đắm mê và thèm khát của xác thân, những mối xúc cảm lôi cuốn ta đi một cách vội vàng mau lẹ, không suy nghĩ đắn đo, tất cả khía cạnh ấy của con người chịu ảnh hưởng bên ngoài và tự biểu lộ ra bằng những hành động vô tâm, không suy nghĩ, con người đức hạnh sẽ cho rằng tất cả những sự ấy phải được kèm chế và điều khiển. Nói một cách thông thường, kèm chế được bản ngã thấp hèn của mình, đã kiểm soát được cái trí như đã nói trên, thế nên lý trí kiểm soát được những dục vọng.

Chúng ta hãy nhận xét về một người đã được tiếng là có ý chí mạnh mẽ, một tánh tình đàng hoàng, hành động theo một lối cư xử nhất định, một ý chí dù ở trong trường hợp rất khó khăn vẫn có thể điều khiển được bản tính theo phương hướng đã được ấn định rõ ràng. Ở một người như vậy, ta luôn thấy một cái trí vô cùng phát triển, nên hành động không phải vì bị kích thích bởi những trường hợp ngoại cảnh, những sự quyến rũ ở xung quanh, hay vì thú tánh đã hưởng ứng những sự quyến rũ ấy, mà chính là do một căn bản kinh nghiệm tích trữ trong trí nhớ, bao gồm những kỷ niệm của sự việc đã qua và bao gồm sự

so sánh những hậu quả những việc ấy, trí thông minh đã chọn lọc những kinh nghiệm, đã xếp hạng, so sánh chúng, rút lấy kết luận do sự cố gắng của lý trí và lẽ phải. Trí khôn gìn giữ kết quả này như là một định luật về hạnh kiểm và khi con người ở vào những trường hợp rối ren, khuất phục được ý chí yếu đuối và một người tâm thường sẽ bị sa đường lạc lối, thì trí thông minh mãnh liệt hơn và được phát triển hơn, sẽ cư xử theo định luật về hạnh kiểm đã được ấn định trong một lúc bình tĩnh, tránh khỏi sự quyến rũ và không để cho sự quyến rũ hay sự kích thích trong chốc lát làm cho lạc hướng. Khi giao thiệp với một người như vậy, chư huynh có thể đoán trước được việc mà y sẽ làm. Chư huynh biết được chiều hướng chính yếu của tư tưởng y, và chư huynh có thể tin chắc được rằng tánh tình vững vàng ấy, mãnh liệt và quả quyết, trong khi chiến đấu - mặc dầu tất cả những quyến rũ bên ngoài - sẽ thực hiện lý tưởng đã quan niệm được trong khi bình tĩnh và suy tưởng.

Thường thường một người tự chủ thì như thế. Đó là một người trong khi tự phát triển đã đạt được mức khá cao mà chúng ta vừa miêu tả, một người đã tự rèn luyện để chiếm đắc, kèm chế và điều khiển bản ngã thấp hèn của mình, để cho linh hồn

có thể đứng vững trước những sự tấn công của dục vọng, mặc dầu sự kích thích bên ngoài lên đến cực độ. Một người như thế sẽ hành động một cách cao thượng, dù những sự cảm dỗ mạnh mẽ đến thế nào, những sự cảm dỗ này xúi giục hành động một cách ti tiện hay sa ngã theo những sự kích động của bản ngã thấp hèn.

Mẫu người mà chúng ta đang nghiên cứu, chúng ta có thể gọi là một người đức hạnh. Đó là một người tánh tình cao thượng, tư tưởng minh bạch, có cách xét đoán không sai lầm, không bị những trường hợp đẩy đưa sang bên này hay bên kia, giống như những kẻ sa đoạ phóng đảng hay không biết tiết chế. Còn có một trình độ cao hơn nữa mà người này có thể tiến tới được; có thể chịu ảnh hưởng của một nền triết lý cao cả về đời sống, triết lý này giảng dạy cho y thấy một cách trọn vẹn hơn về cách tác động của trí khôn con người; có thể tiếp xúc với những giáo lý của Thông Thiên Học cao siêu được trình bày trong những kinh sách thuở xưa hay bây giờ, dù nguồn gốc ở Ấn Độ, Ai Cập, Hi Lạp hay Âu Châu hiện đại. Nền triết lý này sẽ có thể mang lại một quan niệm mới mẻ về vũ trụ và biến đổi sâu xa sự thấy của con người.

Thí dụ một người như vậy gia nhập vào Hội Thông Thiên Học và chấp nhận những giáo lý căn

bản. Ngay lúc đó sẽ bắt đầu nhận thấy ảnh hưởng to tát của tư tưởng một cách rõ ràng hơn là khi chưa nhập vào trào lưu học hỏi này; bắt đầu hiểu trí khôn, khi nó hoạt động, sẽ có mãnh lực sáng tạo như đa số chư huynh đã biết. Con người sẽ biết tư tưởng tạo ra những đời sống, những sinh vật rõ ràng, và do quyền lực sáng tạo ấy mà khoảng không gian xung quanh có đầy dẫy những sinh vật hoạt động theo đường thiện hay đường ác, và luôn luôn ảnh hưởng đến tư tưởng và đời sống của những kẻ xa lạ không bao giờ giao thiệp trực tiếp với người đã phát sinh ra những tư tưởng ấy; bắt đầu hiểu tư tưởng không cần được diễn ra thành lời hay câu văn mà vẫn ảnh hưởng được đến tâm trí của đồng loại. Tư tưởng không cần được biểu lộ ra hành động hay là làm gương mới có một ảnh hưởng mãnh liệt về điều thiện hay điều ác; có thể là một người vô danh theo ý nghĩa thường ở ngoài đời, một người mà đồng loại không hề biết đến, có thể chỉ ảnh hưởng đến một số ít bà con, bè bạn giao thiệp ngay với y thôi. Tuy nhiên có một sức mạnh vượt qua hẳn sức mạnh của lời nói; hiểu rằng tuy là một người không ai biết đến, một người xa cách hẳn mọi việc của đời sống hồng trần, mà vẫn có một ảnh hưởng mãnh liệt đến kẻ khác, về điều thiện cũng như về điều ác; có thể làm cho những linh hồn sống đồng thời

trở nên trong sạch, tinh khiết hay ô trược, xấu xa; có thể dự phần vào sự tiến bộ của nhân loại hay làm cản trở sự tiến bộ ấy; có thể nâng cao nòi giống lên hay hạ nó xuống, nói tóm lại, không cần phải làm gương mẫu, hay nêu ra những qui tắc – là những phương tiện duy nhất của người thường – vẫn có thể ảnh hưởng đến tinh thần của thời đại bằng những mãnh lực tế nhị của tư tưởng, bằng những hình tư tưởng hoạt động lan tràn khắp thế giới loài người; chúng sinh ra những hiệu quả rất chắc chắn vì những tư tưởng này làm việc mà không ai thấy chúng, có một ảnh hưởng rất rộng rãi vì chúng là những tư tưởng tinh vi tế nhị, cảm nhiệm quần chúng mà quần chúng không hay biết.

Như thế, khi con người càng có những kiến thức rộng rãi thì tư tưởng càng có một khía cạnh mới mẻ; bắt đầu biết được chỉ một sự sử dụng cái trí của mình cũng khiến cho có một trách nhiệm rất lớn lao; hiểu trách nhiệm này lan rộng khỏi tầm mắt, và thường khi dự phần một cách rất thiết thực vào những tội ác làm nhơ danh xã hội, cũng như dự vào những hành vi cao thượng anh hùng khiến cho xã hội được phấn khởi. Sau cùng, hiểu được nguyên tắc chủ yếu, trọn cả trách nhiệm của việc làm không phải luôn luôn kẻ làm việc đó phải gánh chịu, mà trái lại mỗi hành động là biểu hiện

một ý niệm, ấy là một ý niệm được thành hình, ai đã dự phần vào sự phát sinh ra những ý niệm đó đều có một trách nhiệm về những hành động mà ý niệm đã sinh ra.

Được hiểu biết một cách mới mẻ như vậy về ý nghĩa rộng rãi của sự sống, con người bắt đầu cẩn thận, coi chừng sự hoạt động của cái trí mình; bắt đầu hiểu phải làm chủ tư tưởng, về điều này, khác xa hẳn lối hiểu biết của một người thường. Nhưng như vậy chưa phải là hết. Khi học hỏi một cách sâu xa hơn, chẳng bao lâu sẽ nhận thấy những tư tưởng ở ngoài giới tự thu hút vào mình phần nhiều có tính chất giống như tính chất của những tư tưởng mà chính y đã phát sinh ra; giống như một hòn đá nam châm, không phải chỉ vì phát ra những làn tư tưởng mãnh liệt trên khắp vùng xung quanh, ví như một từ trường, còn thu hút vào mình những chất tương ứng với những tư tưởng đã phát ra. Những tư tưởng tốt lành hay ô trược nó đổ xô vào trí phần lớn là do chiều hướng của sức mạnh của thể trí, như thế bắt đầu hiểu khi phát sinh ra một tư tưởng tốt, không những đã làm đầy đủ bốn phạm cao siêu đối với đồng loại, mà tư tưởng tốt vừa phát ra cũng có ích cho chính mình nữa.



Điều này luôn luôn xảy ra khi con người làm việc đúng với luật trời. Mỗi khi ban rải một tư tưởng cao thượng cho đời, thì y cũng tự biến mình thành một trung tâm thu hút những tư tưởng cao thượng khác, chúng do sự đồng thanh tương ứng tạo nên. Những tư tưởng này từ phía ngoài đi vào sẽ giúp đỡ và tăng cường trí khôn của con người. Càng suy nghĩ bao nhiêu thì con người lại càng nhìn nhận một cách hồ thẹn và đau khổ khi phóng ra ngoài đời một tư tưởng ô trược, khiến cho tâm thức trở thành một trung tâm ô trược, thu hút những tư tưởng ti tiện ở xung quanh và khiến cho xu hướng về điều ác trở nên mạnh mẽ, giống như sự suy tưởng về điều lành sẽ làm cho xu hướng về điều thiện được mạnh mẽ hơn. Khi hiểu được sự liên quan tương đồng về thể trí ràng buộc tất cả mọi người lại nhau, sẽ thay đổi hoàn toàn cách suy tưởng của mình. Càng ngày càng thấy trách nhiệm của mình, nhận thấy những sợi dây tương liên tự bủa rải tứ phía, đi về phía những người khác, rồi lại từ những người khác lại quay trở về với mình. Và trong đời sống hàng ngày, bắt đầu coi chùng tư tưởng hơn là sự hành động; hiểu rằng mọi mãnh lực đều được phát sinh chính nơi cảnh giới tư tưởng của cõi vô hình, rồi sau mới tự biểu lộ ra trong đời sống tâm linh và đời sống hữu hình.

Khi đã đi đến sân ngoài rồi, con người sẽ bước thêm một bước nữa. Như chúng ta đã thấy, bây giờ đang leo lên con đường ngắn hơn và hiểm trở hơn để đi đến đỉnh núi, bước vào thời kỳ phải chịu thử thách để chuẩn bị được điễm đạo. Lúc này, chỉ hiểu được trách nhiệm của mình đối với đồng loại mà thôi – như trước kia ta đã hiểu – như vậy thật là chưa đủ. Khi đã bước qua ngưỡng cửa của sân ngoài rồi, con người nhận thấy sau cái trí của mình còn có một thể cao hơn nữa, đối với cái trí thì thể này có nhiệm vụ cũng giống như nhiệm vụ của thể trí đối với bản ngã thấp hèn. Trong lúc phát triển và sau khi đã nhìn nhận thể trí cao hơn những dự vọng, lúc bước qua cửa của sân ngoài, và ngay cả khi chưa bước qua ngưỡng cửa đó - vì chính điều này là một phần đã dẫn dắt đến thêm cửa của sân ngoài - con người nhìn nhận rằng đã lầm lẫn khi tưởng cái trí là tốt cùng cao cả. Ngày hôm qua hãy còn đồng ý với một tư tưởng gia chủ trương rằng: “Trong thế gian chỉ có con người là cao hơn hết, và trong con người chỉ có cái trí là cao hơn hết” mà thôi. Nhưng ngày hôm nay nhìn nhận rằng đó chỉ là một ảo tưởng, vì đã nhìn sự vật theo một quan điễm thấp và tầm mắt nhìn đã bị lu mờ. Mắt đã mở rộng và đã thấy trong vũ trụ còn có một cái gì cao cả hơn cái trí mà trước đó cứ tưởng là chót đỉnh của nhân loại – có cái gì bao la

rộng rãi hơn, cao siêu hơn, đã có lần chiếu sáng trong chốc lát, rồi lại bị che phủ và hình như biến mất. Con người nhìn nhận không phải do sự nhận xét trực tiếp, mà do những điều đã học được ở ngoại giới, vừa mới thoáng nhìn được linh hồn, một tia sáng phát sinh từ một cảnh giới cao cả hơn đã chiếu vào trí, cùng một lúc ánh sáng này cho cảm tưởng đó chính là tinh hoa của cái trí vậy. Vì thế cho nên thoát đầu có sự lộn xộn, có một sự dò dẫm trong bóng tối giữa một bên là cái trí, và bên kia là “một cái gì” liên cảm rằng nó giống hệt, tuy trước kia đã tưởng y chính là cái trí vậy; nguyên tố mới mẻ này vừa là con người, vừa lớn hơn, cao cả hơn, và thoát đầu con người không biết ánh sáng này từ đâu mà tới mình, không biết niềm hy vọng mà tia sáng đó đã làm nảy sinh là một sự thật hay chỉ là một giấc mộng.

Trước khi làm sáng tỏ vấn đề, phải định nghĩa rõ ràng danh từ “cái trí,” và “linh hồn.” Đối với chúng ta, danh từ này không phải chỉ là những phiếu, những thẻ dùng để đánh bạc không có giá trị thật sự. Chúng phải giống như những đồng tiền thiết thọ có một giá trị tinh thần phong phú, phải là một kho quan niệm mà chúng ta có sẵn. Ta hãy xem xét những danh từ này trong chốc lát để biết ý nghĩa của chúng là gì, hay tôi đang dùng

chúng nơi đây theo ý nghĩa nào. Cho nên những cách giải nghĩa sau đây của tôi sẽ minh bạch, dù chư huynh có đồng ý hay không về cách định nghĩa những danh từ của tôi.

Tôi định nghĩa linh hồn con người là nguyên lý cá nhân hoá đại hồn của vũ trụ, nó tập trung ánh sáng thiêng liêng vào một tiêu điểm duy nhất. Có thể so sánh linh hồn con người với một cái bình trong đó đại hồn của vũ trụ tuôn vào. Linh hồn con người tự biểu lộ thành ra riêng biệt, thật ra nó luôn luôn đại đồng và giống hệt với đại hồn.

Sự chia cách riêng rẽ này là để cho một cá nhân có thể nảy sinh và phát triển, và để cho đời sống cá nhân đó có thể hoạch đắc được quyền năng và kiến thức trong mọi cảnh giới của vũ trụ, cõi trần, cõi tâm linh cũng như cõi tinh thần, luôn luôn sáng suốt không bao giờ bị gián đoạn trong trạng thái thức tỉnh, sáng suốt để cá nhân có thể tự tạo lấy những thể cần thiết ngõ hầu học hỏi ở những cảnh giới khác hẳn cảnh giới của mình và có thể lần lần tinh luyện những thể này để mai sau chúng không hành động như những tấm màn dày đặc, những chướng ngại, mà trở nên những trung tâm truyền đạt tinh khiết và trong suốt, nhìn qua đó có thể thấu thập được những sự hiểu biết rõ ràng về mỗi cảnh giới. Khi dùng danh từ “cái

bình” và hình ảnh do danh từ này phát sinh ra, tôi làm cho chư huynh lầm lẫn. Lấy những từ ngữ đem áp dụng vào cách tác động của cái trí, thì hình ảnh tuy đúng thật theo phương diện này, nhưng vẫn là sai lầm theo một phương diện khác. Vì cách đại hồn tự biến hoá ra làm thành cá nhân không hề giống sự nắn thành một cái bình mà hình dáng qui định tức khắc hình dáng chất của người ta đồ vô bình. Hiện tượng đại hồn biến thành cá nhân, thật ra giống như sự thành lập một hệ thống vĩ đại trong vũ trụ, như sự thành lập một thái dương hệ chẳng hạn. Lấy trí tưởng tượng đi ngược dòng thời gian, chư huynh có thể hình dung cõi không gian nơi đó người ta không trông thấy một vật gì cả. Cõi không gian này tuy dường như trống rỗng, thật ra chứa đựng mọi sự viên mãn với mắt thường không thấy được. Chư huynh hãy tưởng tượng trong sự trống rỗng giả tưởng này, một đám sương mù nhẹ nhàng nhưng hãy còn quá mong manh tế nhị, chưa xứng đáng với danh từ “sương mù,” đó là một sự phối hợp khởi đầu mà ta không thể gọi bằng danh từ gì đúng hơn nữa được. Khi chư huynh cứ nhận xét mãi, đám sương mù trở nên dày đặc, tỷ trọng càng ngày càng tăng, và càng ngày nó càng tách ra rõ ràng khỏi cõi không gian xung quanh. Sau cùng, đám sương mù thoát đầu chỉ là một bóng mờ, nay

bông có một hình dáng càng ngày càng rõ; đám tinh vân đông đặc lại, nét chu vi lần lần trở nên rõ hơn cho đến khi một hệ thống được thành hình; hệ thống này gồm mặt trời ở chính giữa và xung quanh là những hành tinh.

Dù sự miêu tả trên đây có vẻ khiếm khuyết đến thế nào chăng nữa, dường như đại hồn cũng theo một phương pháp giống như thế mà tự nhân cách hoá; giống như một bóng mờ hiện ra trong khoảng trống của vũ trụ, khoảng trống này thật ra là sự viên mãn nhất trong những sự viên mãn. Nhưng rồi bóng mờ trở thành một đám sương mù, có hình dáng càng ngày càng thấy rõ, trở nên càng ngày càng rõ ràng cho tới khi chúng ta thấy có một cá nhân, một linh hồn ở nơi mà lúc thoát đầu chỉ có một bóng mờ khó mà nhìn thấy được. Một linh hồn, một tâm thức cá nhân được tạo thành theo kiểu đó. Nếu chư huynh có thể hiểu rõ ý niệm này, chư huynh sẽ biết thoát đầu linh hồn không được đầy đủ trọn vẹn, linh hồn không đi xuống cảnh giới của vật chất như một người thợ lặn lao mình xuống nước; linh hồn tự tạo mình một cách chậm chạp, rất chậm, tự đông đặc lại dần dần, như trên đã nói cho tới mức từ trạng thái đại đồng, trở thành một linh hồn cá nhân. Cá nhân này phát triển không ngừng theo đà tiến hoá. Nó

là linh hồn thiết thọ trường tồn từ kiếp này sang kiếp khác, qua những thời đại vô tận vô biên, qua những vô số thế kỷ như chúng ta đã biết; là một cá nhân luôn luôn tăng trưởng, và lương tri đã thâm nhập được mọi kinh nghiệm đã có sẵn trong những tiền kiếp, khi phát triển. Linh hồn con người là thế, linh hồn này giờ đây đã trở nên mãnh liệt trong nhiều người. Linh hồn có trong dĩ vãng một lịch sử dài dòng luôn luôn hiện ra trong lương tri đã trở thành rộng lớn mênh mông theo với thời gian, lương tri rộng lớn này thu gồm bao nhiêu kiếp sống của linh hồn lại trong đời sống duy nhất biết trọn vẹn cả cái dĩ vãng của mình. Mỗi khi phải đầu thai lại lần nữa, khi phải xuống trần để tìm kiếm thêm kinh nghiệm, linh hồn đã từng phát triển không ngừng qua các thời đại, lại cho một phần của bản thể mình khoác những lớp y phục mới. Và phần này của linh hồn phải đi xuống những cảnh thấp, dụng cụ này cung cấp những kiến thức mới mẻ để linh hồn phát triển, phần này linh hồn phóng ra ngoài chính là cái trí hay là sự thông minh của con người vậy. Đó là phần linh hồn làm việc trong khối óc, bị khối óc hạn chế và làm trở ngại, bị xác thịt nặng nề đè nén, bị chôn vùi dưới một lớp vật chất nặng nề, và xuyên qua vật chất đó, lương tri của linh hồn tự biểu lộ ra một cách khó nhọc. Điều cao cả mà

chúng ta gọi là trí thức của con người chỉ là một phần của linh hồn đang cố gắng, đang chịu nhọc nhằn trong khối óc để có thể giúp cho cá nhân thiết thọ phát triển được. Khi càng cố gắng thì càng biểu lộ được những quyền lực của linh hồn, vì chính là linh hồn dưới lớp dày vật chất. Tất cả cái gì có thể biểu lộ qua khối óc thì làm ra sự thông minh của con người như ta thường biết ở cõi trần này, có khi tự biểu lộ rất nhiều, có khi rất ít, tùy theo cái trình độ tiến hoá đã đạt được.

Nói tóm lại, khi đã bước chân vào sân ngoài rồi, con người hiểu được bản thể thiết thọ là linh hồn mà chúng ta vừa nói trên, còn trí thông minh chỉ là một sự biểu lộ tạm thời của linh hồn thôi. Lúc đó, bắt đầu hiểu nếu trí khôn - phần của linh hồn thiết thọ bị giam hãm - phải làm chủ xác thân và dục vọng, thì đến lượt trí khôn phải từng phục linh hồn, vì trí khôn chỉ là một sự biểu lộ tạm thời của linh hồn mà thôi. Trí khôn là một dụng cụ, một cơ quan của linh hồn, với mục đích duy nhất là phụng sự linh hồn, một cơ quan dùng để thu thập mọi kinh nghiệm ở ngoại giới, rồi mang những kinh nghiệm đó lên cho linh hồn, là tinh hoa thiết thọ của trí khôn.

Một khi đã hiểu được những điều này thì thí sinh phải có một thái độ như thế nào? Trí khôn phải



học hỏi. Khi tiếp xúc với cõi đời bên ngoài, trí khôn thu thập những sự việc, xếp loại và so sánh chúng, linh hồn xét đoán chúng, nói tóm lại linh hồn làm đầy đủ những nhiệm vụ đặc biệt của mình. Kết quả của tất cả sự làm việc này được truyền đạt vào nội tâm, đi ngược dòng từ trí khôn lên đến linh hồn; khi lên thiên đàng linh hồn mang theo mình kết quả ấy để đồng hoá và biến đổi thành minh triết. Vì minh triết và hiểu biết là hai điều khác hẳn nhau. Sự hiểu biết là tổng số kiến thức, với những cách người ta xét đoán chúng và với những kết luận do sự xét đoán phát sinh ra. Minh triết là tinh hoa gạn lọc từ toàn thể, là sự khôn ngoan rõ rệt mà linh hồn đã gạt hái được do tất cả những kinh nghiệm, như người ta đã biết; biến đổi những kinh nghiệm thành ra minh triết chỉ được thực hiện ở thiên đàng mà thôi.

Người chí nguyện biết mọi điều này, hiểu rằng ta chính là linh hồn, linh hồn này đã tiến bước qua mọi tiền kiếp và đã tự tạo trong lúc đi hành hương.

Giờ đây, nó hiện ra như là bản thể thiệt thọ của con người, trong khi chờ đợi có thể nhìn thấu được những bề sâu thẳm hơn thế nữa; hiểu tại sao ngay từ lúc đầu của đường đạo, người ta đã nói thí sinh phải biết phân biệt giữa Chơn Nhơn

trường tồn và cái trí khôn chỉ là một sự biểu lộ nhất thời của linh hồn trong cõi vật chất mà thôi, một sự biểu lộ chỉ để phụng sự những quyền lợi của linh hồn. Giờ đây người đệ tử có thể hiểu được câu trả lời của Sư Phụ khi lần đầu tiên xin Ngài dạy dỗ. Người đệ tử bỗng bật kêu lên: “Thưa Sư Phụ, con phải làm gì để có được sự minh triết? Con phải làm gì để được toàn thiện, thưa Chơn Sư minh triết?” Chơn Sư trả lời: “Con hãy tìm kiếm con đường đạo. Nhưng hỏi đệ tử, trước khi lên đường, tấm lòng con phải trong sạch. Trước khi cất bước lần đầu tiên, con hãy tập phân biệt sự chân và sự giả, cái luôn luôn thay đổi với cái trường tồn bất diệt.”<sup>5</sup> Rồi Chơn Sư lại tiếp tục dạy dỗ. Ngài chỉ dạy sự khác nhau giữa kiến thức và minh triết. Ngài chỉ bảo cho đệ tử thấy sự vô minh là gì, sự hiểu biết là gì, kế tiếp, sự minh triết nối tiếp hai cái đó là gì. Rồi Ngài lại phân biệt giữa trí khôn “giống như một tấm gương phản chiếu hình ảnh nhưng cũng thu hút những bụi bặm” với sự minh triết của linh hồn giống như một làn gió thổi tan những bụi bặm của ảo tưởng làm cho tấm gương trở nên trong sạch.

Nghe những lời này, nếu thí sinh khôn ngoan thì phải suy nghĩ. Sự khác biệt giữa cái chân và cái

---

<sup>5</sup> *The Voice of the Silence (Tiếng Nói Vô Thình) trang 36.*

giả là gì? Và tại sao sự khác biệt này lại có liên quan đến sự biểu lộ của trí khôn. Giữa tấm gương phản chiếu những hình ảnh và linh hồn có nhiệm vụ phải phủi sạch bụi bặm của tấm gương để làm tan những ảo ảnh của chúng ta, có sự khác biệt, sự khác biệt này là cái gì? Người ta đang gán một nhiệm vụ mới mẻ nào cho cái trí, trước đây trí khôn là một yếu tố khẩn thiết, cho đến đời chúng ta coi như là hiện thân của con người. Nói tóm lại, nhiệm vụ thiết yếu của trí khôn là gì nếu ở bước đầu tiên trên đường đạo phải cần phân biệt sự chân với sự giả, và nếu trí thông minh có liên quan ngay đến sự nảy sinh các ảo tưởng, đó là do sự tiếp xúc tế nhị như thế nào?

Người đệ tử nhớ lại những lời nói khác do các đấng Chơn Sư minh triết thốt ra; nhớ đến một qui luật lạ lùng nói đến “vị chúa tể những giác quan,” vị vua cai trị bản ngã thấp hèn, nhưng không phải là bạn thân của đệ tử. Chính lời giáo huấn này cũng khuyên nên tìm kiếm “vị chúa tể của giác quan” để hiểu một cách kỹ càng, vì chính nó “phát sinh ra những tư tưởng, chính nó kêu gọi ảo tưởng” và có một câu khác nữa “trí khôn là kẻ tiêu

diệt sự thật, vậy người đệ tử phải trừ khử kẻ sát nhân đi.”<sup>6</sup>

Hình như ở đây chúng ta đang theo dấu vài tư tưởng có thể soi đường cho người đệ tử khi tìm kiếm vị chúa tể của giác quan. Vị chúa tể hay vị vua của các giác quan là kẻ sinh ra tư tưởng, mặt khác kẻ sinh ra tư tưởng, cùng một lúc, lại kêu gọi ảo tưởng và giết chết sự chân thật. Chúng ta biết trong thế giới tinh thần, có thật thể. Khi sự sai biệt càng tiến triển thì ảo tưởng lại phát sinh, và chính là trí khôn, trí khôn đang phát triển đã sinh ra ảo tưởng. Chính trí khôn đang phát triển này luôn luôn tạo ra những hình ảnh, nó có năng khiếu mà ta gọi là sự tưởng tượng cùng năng khiếu lý luận, xây dựng bằng cách lấy hình ảnh hư vô do sự tưởng tượng đã tạo ra làm căn bản: cái trí thật là kẻ đã tạo nên ảo tưởng, đã tiêu diệt sự chân thật ngay lúc con người được làm đệ tử. Vậy công việc đầu tiên của người đệ tử là phải trừ khử kẻ sát nhân. Vì nếu không giải trừ được những ảo ảnh của trí khôn thì sẽ không khi nào vượt qua khỏi sân ngoài được.

Nếu người đệ tử còn nghe thêm lời của Chơn Sư, nghe một tiếng nói khuyên tìm cách hợp nhất trí

---

<sup>6</sup> *The Voice of the Silence (Tiếng Nói Vô Thinh), trang 17.*

khôn với linh hồn.<sup>7</sup> Phận sự là phải biến đổi hạ trí mình, khiến có thể hợp nhất với Chơn Nhơn, phải tiêu diệt khả năng phát sinh ảo tưởng để có thể biết đến linh hồn bất tử, để đức Chúa Cha và đức Chúa Con có thể hợp nhất được với nhau.

Người đệ tử còn biết rằng y phải tiêu diệt nguyệt thể và tinh luyện thể trí của mình. Khi học hỏi qui tắc này và tìm hiểu ý nghĩa của lối nói thần bí này, nhờ nhiều lối nói bóng gió, nhiều hình ảnh tượng trưng quen thuộc, hiểu được nguyệt thể là kama, là lòng dục. Thỉnh thoảng người ta gọi thể này là cái vía. Vậy người đệ tử phải tiêu diệt nguyệt thể và tinh luyện cái trí. Sư Phụ nói: “Phải tinh luyện cái trí của con,” vì nếu không phủi sạch bụi bặm ảo tưởng bao phủ, thì không thể nào phục hồi nguyên vị được, không thể nào hợp nhất với linh hồn được.

Bây giờ người tân tín đồ bắt đầu hiểu công việc tinh luyện cái trí ở sân ngoài là thế nào; bắt đầu hiểu chính linh hồn linh động tiến hoá qua nhiều thế kỷ đã phóng ra ngoài bản thể mình một cái trí, một mãnh lực để sử dụng như là một dụng cụ. Thay vì làm chủ, trí khôn phải là kẻ nô lệ biết vâng lời, một dụng cụ trong tay linh hồn, một người tôi

---

<sup>7</sup> *The Voice of the Silence (Tiếng Nói Vô Thình)*, trang 36-37.

tớ dễ dạy mà linh hồn đã gọi xuống trần gian. Khi người đệ tử trông thấy rõ ràng công việc phải làm thì y bắt đầu tinh luyện cái trí vậy. Sự tinh luyện này khởi đầu bằng những việc rất giản dị. Người tân tín đồ nhận thấy tư tưởng của mình luôn luôn bay nhảy từ vật này sang vật khác, nó bướng bỉnh, nó bất trị. Như đức Arjuna đã nhận xét cách đây 5.000 năm, cái trí rất lau chấu, hiếu động và khó cầm giữ trong tay (kinh Bhagavad Gita).

Chư huynh phải bắt đầu hành động để tập rèn như khi ta huấn luyện một con ngựa thành một con vật thuần thục để ta cỡi. Phải trị nó và dạy nó đừng đi lang thang không mục đích, đừng nhảy qua các hầm hố và hàng rào, mà phải đi theo con đường do ý chí của chư huynh đã vạch sẵn, không được phản đối.

Thế nên trong đời sống hàng ngày của mình – vì đời sống hàng ngày của thế tục là khung cảnh nơi đó phải làm công việc chuẩn bị này – thí sinh phải tập lần lần cho cái trí của mình suy nghĩ một cách liên tục và rõ ràng, không để cho vô số những sự quyến rũ xung quanh lôi cuốn, không phung phí thần lực của cái trí ra tứ phía; sẽ tránh, không cho tư tưởng của mình được vẩn vơ, sẽ coi chừng theo một đường lối nhất định, y sẽ không học hỏi một

cách đứt quãng, từng mảnh một, giống như khi không đủ sức để theo dõi một nghị luận khó khăn; sẽ đẹp qua một bên vô số những sự quyến rũ bao vây, trong thời đại phù phiếm của chúng ta. Những sách đọc sẽ được chọn lọc một cách đứng đắn, nhất là ở đây tư tưởng của thí sinh được huấn luyện; sẽ tự ý đọc những lý luận sâu xa, những lý luận dài dòng khiến cho một thời gian khá lâu trí y phải theo con đường duy nhất, được ấn định rõ ràng; sẽ không cho phép tư tưởng của mình nhảy từ đề tài này sang đề tài khác, làm như vậy chỉ khiến cho cái trí không được vững chắc, điều này là một trở ngại trên đường của người đệ tử, nếu không loại trừ ra thì sau này không thể nào tiến bộ được.

Vậy thí sinh phải luôn luôn rèn luyện cái trí của mình; tập luyện cho cái trí suy tưởng một cách liên tục. Ngoài ra, còn phải chọn lọc tư tưởng, không cho những tư tưởng được tự do đi lại trong trí; sẽ không để cho mình bị ám ảnh bởi những ý niệm, thường lọt vào và gắn chặt trong trí của những người thường mà họ bất lực, không xua đuổi chúng được. Người đệ tử tự làm chủ mình. Nếu trong đời sống hàng ngày bị những sự thử thách ào đến tấn công, thì điều đó cũng không sao, những sự thử thách này giúp tự huấn luyện trí

mình. Ở giữa những sự thử thách đau đớn nhất, những sự lo âu nhọc nhằn nhất, nếu người đệ tử sắp muốn nghĩ đến tương lai, nếu lo âu thắc mắc khi nghĩ đến những sự buồn rầu đang chờ đợi trong mấy ngày, mấy tuần lễ, hay mấy tháng, thì hãy quả quyết tự nhủ rằng: “Không, tôi không muốn lo âu như thế, tôi không muốn chất chứa ý nghĩ như vậy trong trí tôi. Trong trí này của tôi, chỉ riêng những ý nghĩ nào mà tôi ưng thuận chứa chấp thì mới được phép nhập vào, ý nghĩ nào đã lọt vào trí mà tôi không cho phép phải tức khắc ra ngoài.” Ban đêm biết bao nhiêu người thao thức không ngủ vì bị những tư tưởng lo âu khuấy rầy; trọn vẹn cả cuộc đời họ bị đầu độc, trọn vẹn cả sức khoẻ của họ bị hao mòn, không phải do những sự thử thách, mà do những nỗi lo âu mà những sự thử thách làm nảy sinh ra trong trí họ; không cho phép trí mình hoạt động một cách tự do, phải cương quyết đóng cửa ngăn cấm ngay mọi tư tưởng tới phá khuấy mãi.

Đó là sự tập luyện có phương pháp, sự tập luyện dài lâu và khó nhọc, vì những tư tưởng thường nổi lên chống với ý chí và phải lấy sức mạnh mà xua đuổi chúng ra. Phải làm như vậy từ lần này đến lần khác, phải lặp lại với một tấm lòng kiên nhẫn không hề biết mệt. Chỉ có một cách duy nhất là mỗi khi có tư tưởng xấu nổi lên, phải nắm



ngay lấy và quả quyết không cho nó trú ngụ. Chư huynh sẽ hỏi tôi rằng: “Muốn được như vậy thì phải làm thế nào?” Thoạt đầu, việc dễ làm nhất là chú ý đến một việc khác; rồi sau người ta chỉ từ chối không cho tư tưởng xấu nhập vô trí. Nhưng trước khi thí sinh có đủ sức mạnh cần thiết để đóng cửa thể trí và giữ được sự bình tĩnh, không bị ảnh hưởng bên ngoài chi phối, phải lấy một ý tưởng này thay thế cho một ý tưởng kia, luôn luôn lấy một tư tưởng cao thượng, có đặc tính trường tồn thay thế cho một tư tưởng phù phiếm định xua đuổi. Phương pháp này có hai điều lợi: một là xua đuổi được tư tưởng phù phiếm, hai là tập cho cái trí đứng vững vàng nơi cảnh giới trường tồn và khiến nhận định rằng hiện tại luôn luôn trôi đi mất, không đáng cho ta quan tâm. Sự tập luyện này thêm sức mạnh cho linh hồn trong lãnh vực những vấn đề trường tồn, khiến cho linh hồn không ngót chăm chú vào cái vô thủy vô chung. Đó là bí quyết của mọi sự an lạc thiết thọ trong cõi trần này cũng như trong các cõi khác.

Vậy thí sinh tập luyện cái trí của mình, lần lần y sẽ làm chủ được. Sau này có thể tự ý lựa chọn đề tài để suy nghĩ và loại trừ những ý tưởng cho là xấu xa; còn phải có thể tiến thêm một bước nữa, nhưng đến đây sự khó khăn lại gia tăng. Thí sinh

phải trốn vạy vượt khỏi cái trí của mình, suy nghĩ mà không cần đến cái trí nữa – không phải vì muốn trở nên vô ý thức, nhưng trái lại vì tìm cách đạt đến một lương tri cao sâu hơn, không phải vì đời sống trở thành mòn mỏi và hôn mê, nhưng vì đời sống này bỗng trở nên nhiệt liệt đến nỗi khối óc không còn đủ sức để chứa đựng nữa. Khi đời sống nội tâm càng nảy nở, khi mà làn sóng sinh lực tự đáy linh hồn dâng lên cao thì người thí sinh sẽ lần lần nhận thấy có thể tiến đến một trạng thái mà tư tưởng không còn là sản phẩm của cái trí, tư tưởng chính là lương tri ở ngay trong linh hồn vậy.

Nhưng lâu lắm, trước khi đạt được lương tri ấy, trước khi có thể tiếp xúc và hợp nhất một cách liên tiếp, thí sinh phải trải qua một thời kỳ đen tối, trống rỗng nội tâm. Có thể đó là một trong những sự thử thách khó nhọc nhất trong đời sống của thí sinh ở sân ngoài. Lúc đó bắt đầu hiểu một cách lờ mờ về ý nghĩa của những lời này của Chơn Sư: “Hãy dùng Chơn Ngã thiêng liêng của con khuất phục phàm ngã thấp hèn. Hãy dùng cái vĩnh cửu trường tồn, kèm chế Chơn Ngã.”<sup>8</sup> Chơn Nhơn thiêng liêng, chính là linh hồn phải làm chủ hạ trí. Rồi ở phía trên cao hơn linh hồn nữa, là đức

---

<sup>8</sup> *The Voice of the Silence (Tiếng Nói Vô Thình)*, trang 48.

Thượng Đế trường tồn, trong tương lai, ở ngay trung tâm thánh điện. Vị Thượng Đế trường tồn này phải làm chủ linh hồn, cũng như linh hồn, tức con người thiêng liêng làm chủ bản ngã thấp hèn vậy.

Kế tiếp thí sinh học được lần lần từng đoạn rằng phải làm chủ mọi vật bao vây y trong lãnh vực của tư tưởng thuần túy. Những sự cảm dỗ tế nhị đến tấn công, những sự cảm dỗ này không liên quan gì đến bản ngã thấp hèn nữa, mà lại mạnh bạo chống cự với bản thể cao cả. Vì không thể thành công với những dục vọng và những cảm dỗ thô lỗ của xác thân, chúng tìm cách dùng trí khôn của người đệ tử mà tiêu diệt y. Và những sự cảm dỗ tế nhị của cõi trí chạy ào đến tấn công từng đám, chúng gài bẫy linh hồn. Khi y bước chân đi trên đường đạo gian lao hiểm trở, chúng từ tứ phía đến bao vây. Người đệ tử phải hoàn toàn làm chủ những hình tư tưởng tạo ra, trước khi có thể tiếp tục lên đường, lãnh đạm, trầm tĩnh, tro như đá, vững như đồng giữa cái đám tư tưởng linh động, mãnh liệt tựa bầy ong bay nhanh đó; không phải cái trí thông minh yếu ớt của người thường nơi hạ giới đã nuôi dưỡng những tư tưởng này, mà chính là một năng lực kinh khủng, thuộc về bản chất những thần lực của cảnh giới thiêng liêng – dĩ

nhiên thuộc về khía cạnh tối tăm chớ không phải khía cạnh sáng sủa, vì những mãnh lực tàn phá này phát sinh từ những kẻ muốn giết chết linh hồn chớ không phải những kẻ sẵn lòng cứu vớt nó.

Ở sân ngoài, thí sinh đương đầu với những tư tưởng đó và chúng tấn công với tất cả sức mạnh của những lực ghê gớm ác độc. Nếu trong sân ngoài, thí sinh không làm chủ được trí khôn của mình, nếu chưa được tập luyện quen để chống đối với những sự tấn công ti tiện ở ngoài đời, thì làm sao có thể đương đầu với những đạo quân của ma vương. Làm sao y có thể vượt qua giai đoạn cuối cùng của sân ngoài, xung quanh đó những kẻ tử thù của linh hồn tụ họp đông đúc, chúng không bao giờ để cho ai đi qua nơi đó một cách dễ dàng, nếu không phải là người hoàn toàn giữ được sự an tịnh nơi mình. Chính lúc đó con người cảm thấy ở nội tâm có một sức mạnh đang phát triển, sức mạnh này phát sinh từ tinh thần vững chắc. Bây giờ đã trở nên khá mạnh mẽ, có thể tùy ý tập trung tư tưởng vào một nơi nào muốn và tâm trí cứ định ở đó mãi, bất di bất dịch, dù xung quanh đông đảo nổi lên dữ dội đến thế nào mặc lòng. Sự định trí này mạnh mẽ, không hề bị lay chuyển đến nỗi không một sức mạnh nào ở bên ngoài có thể

đến khuấy rối được. Giờ đây con người không còn cần phải diệt trừ những tư tưởng xấu nữa, sự cố gắng diệt trừ chúng như vậy đã trở nên vô ích. Linh hồn càng hùng dũng bao nhiêu thì việc làm nó lại đỡ bớt công phu bấy nhiêu; khi mà quyền năng được phát triển thì không còn thấy sự tấn công của ngoại cảnh đến nữa. Rồi sự phát triển về thể trí, con người đạt đến một trình độ vinh diệu, không cần phải lấy ý chí mà diệt trừ những tư tưởng xấu nữa, khi đụng chạm phải thánh điện của linh hồn, những tư tưởng xấu đó tự nhiên rơi xuống tan tành. Cái trí không cần phải diệt trừ nữa, không cần phải kèm hãm nữa, nó đã trở nên trong suốt, tinh khiết và vâng lời. Đến đây, cái trí và linh hồn bắt đầu hợp nhất với nhau, và kết quả của sự khởi đầu hợp nhất này là mọi tư tưởng sai quấy vừa chạm phải cái trí thì liền bị chết khô ngay. Lương tri không cần ra tay tiêu diệt nữa, vì tất cả những ảnh hưởng cần tiêu huỷ bỗng nhiên tiêu tan đi, do sức kích động của chúng bị dội ngược lại. Đó là sự định trí được tượng trưng như một ngọn đèn để ở một chỗ kín đáo nên không có ngọn gió nào làm cho chập chờn được. Chính là ở tại chỗ nghĩ ngợi này mà con người bắt đầu hiểu được ý chí là gì, chính ở nơi đó tìm thấy được sự an toàn hoàn toàn. Đó là một nơi an ổn, dưới bóng mát của những bức tường của thánh điện và kinh

sách đời xưa đã nói đến như sau: “Thoát khỏi dục vọng, thoát khỏi sự đau khổ; con người trong sự an tịnh của giác quan, chiêm ngưỡng vẻ tôn nghiêm của linh hồn mình.”<sup>9</sup>

Lúc ấy lần đầu tiên, nhìn thấy chân lý, đó không phải là những làn ánh sáng chớp nhoáng, những tia sáng loé ra lại tắt ngay, nhưng thấy chân lý trong sự an tịnh và sự bình thản tuyệt đối mà dục vọng và sự buồn rầu không còn có thể đến quấy rối được nữa. Lúc đó linh hồn oai nghiêm chiếu sáng rực rỡ, không còn một đám mây mờ nào bao phủ, và cái trí từ nay sẽ là một tấm gương trong trẻo, không chút bợn nhơ, phản chiếu hình dáng của linh hồn đúng với sự thật. Vì cái trí này trước kia giống như một tấm gương lấm bụi, một cái hồ bị những luồng gió dữ dội làm sóng cuộn ba đào, nay lại giống như một mặt gương sáng chói phản chiếu đúng đắn, như mặt hồ êm ả, in hình non núi, trời xanh; mặt hồ phản chiếu cây cỏ và những vị tinh cầu, cùng là màu sắc thay đổi của vòm trời mà không làm sai lệch sự vật.

Nhưng trước khi đạt được sự an tịnh hoàn toàn này, có một lúc nguy hiểm mà “tiếng nói vô thính” đã thốt lên để báo trước. Có một lúc khi gần đạt

---

<sup>9</sup> *Kathopanishad*, ii,20.

được điếm nơi đó ngọn đèn tâm không còn xao xuyên nữa, mà cái trí và linh hồn vẫn còn chiến đấu với nhau một trận cuối cùng. Lúc đó cái trí vùng vẫy như một con voi điên trong rừng. Phải làm thế nào để thắng được nó. Đó là trận chiến đấu cuối cùng của cái trí, đó là bản ngã thấp hèn cố gắng một lần chót để chống lại với Chơn Nhơn cao cả, để vứt bỏ cái ách mà nó thấy đang đè nặng trên vai. Đó là sự nổi dậy của bản ngã thấp hèn như những kinh sách nói về sự điếm đạo đã đề cập đến. Trong tất cả những kinh sách nói về minh triết huyền bí đều có ghi khi thí sinh đi gần đến thêm cửa, trước khi bước vào thánh điện, tất cả những sức mạnh của thiên nhiên đều họp lại để cản bước y, tất cả những mãnh lực của thế gian đều chống lại để lôi thí sinh về phía sau. Đó là trận chiến đấu cuối cùng trước khi hoàn toàn thắng trận. Ở trên những cảnh giới cao siêu hơn, còn có một trận chiến đấu khác mà trận chiến trên đây chỉ là một phản ảnh yếu đuối; ở trên những cảnh giới cao siêu đến nỗi ta không sao có thể tưởng tượng nổi, đó là những cảnh giới mà chỉ có những Vị cao cả nhất trong những Vị cao cả mới có thể lên đây được. Trận chiến đấu này được hình dung trong trận giặc cuối cùng xảy ra giữa đức Phật và ma vương dưới gốc cây bồ đề. Ở dưới gốc cây này, khi Ngài đã chứng quả vô thượng chánh đẳng

chánh giác thành một vị Phật, tất cả những đạo binh của ma vương họp nhau lại rần rản cản đường Ngài một lần chót. Tuy rằng ở một mức vô cùng thấp hèn hơn nhiều, trận chiến đấu sau cùng đó cũng xảy ra với người chí nguyện, khi đến gần cửa thánh điện.

Phải làm thế nào để chiến thắng? Trên đường đạo đây thử thách phải làm thế nào để nối gót những Vị tiền bối? Lần này, những lời dạy bảo của Chơn Sư lại đến cứu thí sinh, chính Ngài đã thốt ra lời khuyên như để dìu dắt ta; “tiếng nói vô thanh” đã bảo: “Cần phải có những cứ điểm để thu hút linh hồn con người lên với linh hồn kim cương.”

Vậy linh hồn kim cương là gì? Đó là linh hồn đã họp nhất được với Chơn Linh cao cả, đó là linh hồn không khiếm khuyết, không dấu vết, trong suốt như một viên kim cương thuần khiết nó tập trung ánh sáng của đức Thượng Đế trong một tiêu điểm duy nhất cho nhân loại chúng ta. Danh từ oai nghiêm mà tôi vừa kể trên – tôi còn có thể kể nhiều danh từ khác nữa, chúng cũng cùng một ý nghĩa tuy chúng thuộc về những ngôn ngữ của các quốc gia khác nhau – danh từ này là tên của một linh hồn cao cả nhất trong các linh hồn cao cả, xứng đáng với danh hiệu linh hồn kim cương. Ánh sáng của Thượng Đế chiếu rọi qua linh hồn



này không bị lu mờ, vì viên kim cương hết sức tinh khiết, vì linh hồn vô giá này hết sức trong trắng. Trong những lúc ước nguyện cao siêu, chúng ta dâng cao tấm lòng lên đến linh hồn kim cương đó, và linh hồn này chỉ cần phóng ra một tia sáng mỹ lệ, một ngọn lửa phốt qua cũng đủ thu hút ta lên với nó rồi. Giống như bông hoa phát triển hướng về phía mặt trời, linh hồn con người phát triển hướng về nguồn cội của chính bản thể mình, những điếm thu hút nó, chính là những tia sáng huy hoàng mà linh hồn kim cương phóng ra xung quanh vậy. Linh hồn của người đệ tử mặc dầu còn yếu đuối và do dự thì cũng vẫn đồng bản chất với linh hồn cao cả. Vì thế cho nên linh hồn cao cả thu hút linh hồn con người bằng một thần lực rất thiêng liêng để cho hai bên được hợp nhất với nhau. Khi mà sự hiểu biết càng được minh bạch người đệ tử sẽ càng hiểu được linh hồn kim cương là gì; hiểu rằng một ngày kia linh hồn kim cương cũng sẽ phát hiện nơi ta, “Người hãy nhìn chính bản thân người! Người là Phật đấy!” Hiểu rằng trí khôn cũng giống như thể xác, chỉ là những dụng cụ của linh hồn kim cương mà thôi, nếu dụng cụ này không thốt ra được những âm thanh xứng đáng để có thể vang lên trên những cảnh giới cao siêu hơn thì nó thật là không hữu ích và quý báu gì cả. Chính lúc đó những sợi dây đàn của

linh hồn phải nhờ lòng sùng đạo hoàn toàn mà được điều hoà với nhau, lúc đó linh hồn trở thành một cây đàn xúng đáng để bàn tay của Chơn Sư khảy, một cây đàn có thể trỗi vang lên tất cả những bản nhạc du dương của cõi trần và cõi thượng thiên vậy. Sau cùng, người đệ tử đứng ngay trước cửa thánh điện và nhận thức được điều gì đã xảy đến. Đó chính là đã tìm thấy cái bản thể của mình, và linh hồn bây giờ là chính người đệ tử, đang ngược mắt nhìn bản thể cao siêu hơn nữa mà một ngày kia sẽ được hợp nhất với. Sự hợp nhất cao cả hơn chỉ có thể thực hiện được ở giữa thánh điện. Người đệ tử khi đi đến thềm cửa chỉ mới hợp nhất cái bản ngã hữu sinh hữu hoại của mình với Chơn Nhơn trường tồn bất diệt, hợp nhất cá nhân trí thức của mình với Chơn Nhơn thiết thọ mà thôi.

Rồi bắt đầu thờ phượng, sự thờ phượng này nghĩa là sự lần lần hợp nhất lương tri mình với Thượng Đế. Lúc đó hiểu được rằng, trong đời sống hằng ngày, linh hồn con người có thể luôn luôn thờ phượng Thượng Đế, dù trí đang bận rộn về một công việc gì, dù xác thân y đang hoạt động cách nào. Sau cùng hiểu rằng đời sống của người đệ tử là một sự thờ phượng Thượng Đế không ngừng nghỉ, một sự chiêm ngưỡng không ngớt

linh hồn kim cương, chiêm ngưỡng mãi mãi đức Thượng Đế; biết rằng khi linh hồn mắc bận thờ phượng luôn luôn nơi thánh điện thì xác thân và cái trí vẫn làm việc nơi sân ngoài, và còn xa hơn thế nữa, vẫn làm việc trong thế gian để phụng sự nhân loại; biết rằng xác thân mình có thể luôn luôn hoạt động, để làm việc cho loài người, và cái trí của mình có thể luôn luôn bận rộn, vì làm việc cho nhân loại. Khi mà người đệ tử còn sống ở cõi trần, cái trí và xác thân là những dụng cụ, những sứ giả trong thế giới loài người, và trong lúc đó, đang thờ phượng nơi thánh điện. Sau cùng hiểu được đoạn kinh này: “Ở trên trời, những thiên thần đòi đòi chiêm ngưỡng đức Chúa Cha.” Vì sự chiêm ngưỡng Linh Hồn -Tù Phụ là một sự chiêm ngưỡng không bao giờ chấm dứt. Không một đám mây nào của thế gian có thể làm lu mờ sự chiêm ngưỡng ấy, không một việc gì ở cõi trần lại có thể phá rối sự chiêm ngưỡng đó. Linh hồn luôn luôn chiêm ngưỡng thờ phượng, trong khi cái trí và xác thân làm việc.

Đi đến được trình độ này, linh hồn được tự do bước qua thềm thánh điện, và từ ở sân ngoài, đi vào trong thánh điện của đức Thượng Đế.

### III - SỰ LẬP HẠNH HAY LÀ LUYỆN TÁNH

Ngay lúc khởi đầu bài diễn thuyết thứ III này, tôi muốn nhắc lại lời khuyên cáo đã được nói đến ở cuộc hội họp thứ I của chúng ta. Sự khuyên cáo này có liên quan đến những đức tánh mà chúng ta đang khảo học hiện nay, cách thức mà những người đang ở sân ngoài phải tư tưởng và hành động. Xin chư huynh hãy nhớ rằng tôi đã miêu tả vị trí của người chí nguyện đã tiến đến mức này, tôi đã chỉ dẫn cho chư huynh thấy khác xa với vị trí của một người hiền lành, đức hạnh, sùng đạo, nhưng chưa nhìn nhận được mục đích của sự tiến hoá của nhân loại và chưa hiểu được bốn phận của mình rộng lớn như thế nào. Tôi muốn nhắc nhở để chư huynh nhớ rằng trong khi phác hoạ những đức tánh mà những người bước vào sân ngoài cần phải có, tôi luôn luôn coi đó là một sự tập luyện tự ý mình, sau khi đã suy nghĩ kỹ càng để đi đến mục đích đã được ấn định rõ rệt.

Ngoài ra khi nói đến những đức hạnh cần phải có, tôi không nói chúng phải hoàn toàn phát triển trong khi người chí nguyện hãy còn đứng ở sân ngoài thánh điện. Tôi chỉ nói rằng phải bắt đầu xây dựng đức hạnh của mình, phải hiểu hết sức rõ ràng công việc mà mình phải làm, phải cố gắng tiến về phía lý tưởng của mình, dù thành công

được nhiều hay ít. Tôi không bao giờ chủ trương sự tinh luyện trọn vẹn, sự triệt để làm chủ tư tưởng, sự lập hạnh tuyệt đối, sự biến đổi hoàn toàn những năng lực thấp hèn thành những năng lực cao thượng, tất cả những sự toàn thiện toàn mỹ đó phải được thực hiện trước khi người chí nguyện bước qua ngưỡng cửa thánh điện. Thật vậy, ở sân ngoài, lo lắng xây dựng nền móng của toà dinh thự tương lai, vẽ một cách đầy đủ và khá cẩn thận những hoạ đồ của toà nhà muốn hoàn thành một ngày sau. Sự thực hiện những hoạ đồ này, sự sử dụng những vật liệu để xây dựng trên những nền móng đó, sự dựng nên những bức tường, sự đặt viên đá cuối cùng, đỉnh nóc của toà nhà - tất cả công việc hoàn thành rốt ráo này sẽ được thực hiện ngay ở trung tâm thánh điện, sau khi mắt đã được mở rộng, chớ không phải trong khi người chí nguyện hãy còn vô minh, nhìn không thấy tỏ rõ, đang cố gắng ở sân ngoài.

Nhưng điều mà tôi muốn chư huynh hiểu trước hết, đó là bức hoạ đồ đã được vẽ, và được chấp thuận rồi, đó là người thí sinh tự chuẩn bị để đạt được mục đích cao siêu của nhân loại toàn thiện toàn mỹ; theo đà thời gian sẽ được trông thấy những trình độ cao cả hơn. Dù sự ước nguyện như vậy có vẻ bao la rộng lớn đến đâu chẳng nữa, dù

sự phác hoạ công việc phải làm có vẻ vĩ đại như thế nào chẳng nữa - những chi tiết của công việc sẽ được hoàn thành về sau - ở sân ngoài thí sinh vẫn chấp thuận bức vẽ đại cương đó, bức hoạ tổng quát sau này nhiều chi tiết sẽ được lần lượt từng cái một ghi thêm vào. Mặc dầu những sự thực hiện được bây giờ có vẻ nhỏ bé đến đâu, đó cũng vẫn là nền tảng chắc chắn để xây dựng những vinh quang trong tương lai.

Tôi nhấn mạnh về điểm này, vì người ta bảo với tôi rằng nếu tôi ấn định một phạm vi rộng rãi như vậy cho thí sinh ở sân ngoài, thì có thể là đôi ba người ngồi nghe tôi đây sẽ nản lòng, hay sẽ thất vọng. Vì vậy cho nên cần phải để cho mọi người hiểu rằng, dù có phác hoạ một tấm đồ hình tổng quát, thì những khởi đầu cũng chỉ là những khởi đầu, và khi bước qua thềm cửa, còn phải sống trong nhiều kiếp nữa để hoàn thành công việc mới được bắt đầu ở đây. Chư huynh chỉ nên nhớ trọn vẹn cả toà nhà sẽ được hoàn tất theo hoạ đồ mà kiến trúc sư phải vẽ ngay từ bây giờ.

Khi chư huynh hiểu rõ được điều này rồi, tôi xin nói về sự lập hạnh, tức là tự mình xây dựng lấy tánh nết của mình. Đây là một sự xây dựng rõ ràng và thực tế, đó cũng là công việc chánh yếu của người thí sinh nơi sân ngoài thánh điện.

Chúng ta cũng biết trong những tiền kiếp, đã là một người đức hạnh và sùng đạo, phải công nhận rằng y không được để một tật xấu nào trong lòng và không tha thứ một sự ác nào nơi bản thân. Nếu còn một mầm mống tật xấu nào phải loại trừ ngay, nếu còn những xu hướng phạm tội ác thì phải nhất định triệt gốc chúng. Trong sân ngoài này không thể có sự thoả hiệp với điều ác, không được rộng lượng dung thứ điều gì không công bình, không trong sạch, không nhân đức. Có thể rằng thí sinh còn yếu đuối trong khi làm điều thiện, nhưng linh hồn y không thể còn sống bơ thờ trong điều ác được nữa. Người chí nguyện đã hoàn toàn lìa xa điều ác, đã loại trừ những yếu tố ô trược nhất nơi bản tánh mình, đã hoàn thành xong giai đoạn đầu tiên của sự chiến đấu nội tâm; không được mang những hòn đá thô đến xây dựng vòng ngoài thánh điện; phải gọt giũa trau chuốt những hòn đá đó từ kiếp này sang kiếp khác, tánh nết còn phải được tập luyện lâu hơn nữa, trước khi có thể được sử dụng ngay ở vòng ngoài thánh điện.

Chúng ta đã dẹp lại phía sau sự gột rửa sơ lược tánh nết của ta và lo xây dựng những đức tánh tích cực. Như chúng ta sẽ thấy, những đức tánh mà chúng ta sẽ nghiên cứu thật là cao thượng hơn hết. Đó không phải chỉ là những đức tánh được

coi như là cần thiết trong đời sống thường mà là những đức tánh của người chí nguyện phải có để trở thành một Vị phụ tá và một Vị cứu thế, nét đặc biệt của những Vị chuộc tội cho nhân loại, những Vị tiên phong và tiền tiến của cả giống nòi.

Sự việc khiến cho ta phải chú ý trước nhất trong sự lập hạnh của người đệ tử để đi đến sân ngoài, là tính cách hết sức quả quyết của nó. Đây không phải là lúc có những sự kích thích nhất thời, sự xây dựng tùy ý thích, lúc thì bị bỏ rơi, lúc thì được bắt đầu làm lại theo sự ngẫu nhiên của hoàn cảnh, những cố gắng đột khởi, lúc theo chiều hướng này, lúc theo chiều hướng khác. Giờ đây không phải là lúc đi tìm một mục đích ở khắp mọi nơi. Tất cả những sự do dự lúc ban đầu đều thuộc về dĩ vãng: con người đã nhìn nhận được mục đích của đời sống, sự cố gắng phải theo chiều hướng nào, điều này đã được ấn định rõ ràng. Đây là một sự xây dựng đã được suy nghĩ chín chắn của một người biết mình có đủ thời giờ cần thiết và không việc gì trong thiên nhiên mà bị mất cả. Đây là một sự xây dựng có tính toán, bắt đầu với những vật liệu mà kiến trúc sư có sẵn trong tay, với tánh nết đang có hiện thời.

Con người bình tĩnh nhận xét tất cả khả năng cùng những khuyết điểm của mình, bắt đầu làm



việc để tăng cường khả năng và sửa chữa những khuyết điểm. Phải xây dựng một cách đúng đắn, theo một đồ hình đã được nhận định kỹ càng, phải kiên nhẫn đục chạm trong tảng đá hoa cứng rắn và vững chắc cái pho tượng kiểu mẫu đã được vẽ xong. Điều đầu tiên mà người ta nhận thấy ở những thí sinh nơi sân ngoài là sự minh bạch của mục đích đang theo đuổi và tính cách tự do của công việc. Từ nay con người biết rằng bất cứ một việc gì đã được bắt đầu thì sẽ được tiếp tục; biết rằng sẽ mang theo mình từ kiếp này qua kiếp khác những của cải đã tích trữ; biết rằng một sự khiếm khuyết mới được khám phá ra, tuy chưa có thể được bỏ tức một cách hoàn toàn trọn vẹn, song cũng đã được bỏ tức đến một mức nào rồi và một phần công việc đã được làm xong; biết rằng khi đã phát triển được một quyền năng mới mẻ thì quyền năng này vĩnh viễn thuộc về y, nó trở thành một phần cố hữu của linh hồn, thấm nhuần vào bản chất của cá nhân, và không bao giờ có thể mất đi được nữa.

Thí sinh tự ý xây dựng tánh nết mình và đức tin vững vàng vì đã hiểu biết đúng đắn tường tận; biết rằng dưới mọi khía cạnh của thiên nhiên, chỉ có một định luật mà thôi. Khi hiểu được định luật là bất di bất dịch, chắc chắn mình có thể hoàn toàn

triệt để tin cậy nơi định luật đó, kêu gọi định luật giúp đỡ, vì biết định luật sẽ không làm cho thất vọng, cầu khẩn định luật vì biết định luật sẽ phán xét; không còn một chút do dự, một chút nghi ngờ nào. Những sức mạnh mà đã tung ra nhất định thế nào cũng phát sinh những kết quả, và mỗi một hạt giống đã gieo, chắc chắn sẽ đơm bông kết trái theo loại của nó, và sau này sẽ gặt hái được cái kết quả tương đương, chớ không có gì khác được. Vậy không tập luyện một cách hấp tấp vội vàng, không nóng lòng sốt ruột trong khi cố gắng. Nếu quả chưa chín thì sau này sẽ hái được, nếu cái hạt giống chưa được sẵn sàng thì sẽ chờ đợi; biết rằng định luật đang tuân theo vừa có tính cách lành thiện, vừa có tính cách bất di bất dịch; biết rằng định luật sẽ mang đến mỗi sự vật đúng với giờ khắc thích hợp, và đối với thế gian cũng như đối với chính bản thân, giờ đó là giờ tốt nhất.

Vậy thí sinh sẽ bắt đầu tập luyện với những tài liệu đã có sẵn. Đối với những tài liệu đó đủ rồi, vì đó là kết quả của dĩ vãng, mà định luật đã mang đến; và hoàn toàn hài lòng với những tài liệu này, vì chỉ cần phải làm việc với chúng, chớ không phải với những tài liệu khác. Dù hành lý phong phú hay khiếm khuyết, đầy đủ hay thiếu thốn cũng nắm lấy và bắt đầu sửa soạn. Biết rằng mặc dầu

bây giờ y rất nghèo nàn, nhưng sau này sự viên mãn, sự phong phú sẽ vô bờ bến; biết rằng mặc dầu những khả năng hiện giờ rất thấp kém, nhưng rồi theo thời gian, sự phát triển của chúng sẽ bao la rộng rãi, vô tận vô biên; biết rằng sẽ thành công; sự thành công này không phải là một sự mơ hồ, có thể xảy ra được, mà là một sự hoàn toàn chắc chắn; đây không phải là một công việc làm gập sao hay vậy, mà là một sự thật rõ ràng. Định luật phải mang một kết quả tương xứng đền bù những sự cố gắng, và nếu chỉ cố gắng ít, thì một ngày kia sẽ chỉ gặt hái được kết quả nhỏ mà thôi, và kết quả này sẽ dùng để làm căn bản cho những sự xây dựng về sau.

Càng thêm vào số vốn của mình mỗi ngày một ít thì mỗi sự gắng sức mới mẻ, mỗi sự thành công mới mẻ đều sẽ nâng đỡ con người lên một trình độ cao hơn trước.

Chúng ta đã biết một phần nào phương pháp lập hạnh. Chúng ta biết rằng thí sinh phải bắt đầu bằng những tư tưởng từ thiện. Ở chương II chúng ta vừa nghiên cứu về cách tập luyện tư tưởng, sự tập luyện này rất cần thiết cho con người nếu muốn tập làm lành, lánh dữ. Luôn luôn cố gắng làm chủ tư tưởng như vậy, và biết rõ những điều kiện của sự tập luyện, thông hiểu những định luật

chi phối sự phát sinh ra tư tưởng, sự tác động của chúng trên thế gian cùng sự phản ứng của chúng đối với người đã sinh ra chúng, từ nay trở đi người thí sinh được tự do lựa chọn tư tưởng lành thiện mà xây dựng tánh nết mình. Đó là một trong những nhiệm vụ đầu tiên phải làm khi đi ngang qua sân ngoài.

Phải làm việc này vì hai lý do: Lý do đầu tiên là vì tư tưởng tốt lành ảnh hưởng đến đồng loại, và tất cả những thí sinh muốn vào thánh điện đều có một lý do chánh yếu là phụng sự nhân loại. Vì vậy nên khi lựa chọn tư tưởng, dù muốn tự mình phát sinh ra những tư tưởng ấy, hay muốn thu nhận vào tâm thức mình những tư tưởng do kẻ khác sinh ra, lý do chánh yếu vẫn là ảnh hưởng của những tư tưởng đó đối với kẻ khác chứ không phải đối với mình. Trước hết mọi sự, y là thí sinh muốn phụng sự trên mọi cảnh giới. Vì thế cho nên khi lựa chọn những tư tưởng sẽ trút thêm thần lực vào để làm cho chúng thêm linh động, sẽ tính toán đến ảnh hưởng của chúng đối với người ngoài đời; sẽ dự đoán xem chúng có thể giúp đỡ, thêm sức, tinh luyện kẻ khác như thế nào; sẽ đem những tư tưởng hữu ích cho kẻ khác mà đặt vào cái dòng tư tưởng mãnh liệt đã tự phát sinh, và

mục đích đã được ấn định rõ ràng là phụng sự các huynh đệ và giúp đời tiến bộ.

Lý do thứ nhì là phải xem xét bản chất của những tư tưởng của mình, chúng sẽ ảnh hưởng đến, sẽ phản ứng như thế nào, để xây dựng tánh nết, chút nữa chúng ta sẽ biết sự tối quan trọng của nhận xét này, vì thật sự đây là khí cụ dùng để xây dựng tánh nết con người. Và không những sẽ xem xét ảnh hưởng của tư tưởng mình đối với tánh nết mình, mà còn được trông thấy rõ ràng những tư tưởng ấy một khi sửa đổi lại tánh tình, sẽ biến đổi tánh tình ấy thành một cục đá nam châm thu hút tất cả những tư tưởng đồng bản chất. Cho nên khi con người hành động như trung tâm điểm của những tư tưởng cao thượng (chúng ta hi vọng trung tâm này từ nay sẽ không còn chứa đựng những tư tưởng xấu xa nữa) sẽ tự biến đổi lương tri mình thành một cục đá nam châm thu hút tất cả mọi điều tốt lành. Những mãnh lực xấu xa sẽ bị tan rã khi đụng chạm phải linh hồn dũng mãnh, và những lực tinh khiết, tốt lành sẽ chảy tuôn cuồn cuồn vào lương tri như những làn sóng để được bồi dưỡng, được thêm sinh khí và sức mãnh liệt. Những tư tưởng của kẻ khác cũng đến, rồi lại từ giã mà ra đi cùng khắp thế gian với một sức mạnh được tăng cường. Như vậy không những chỉ là

một nguồn thần lực giúp đời do những tư tưởng phát sinh ra, còn là một con kinh tràn ngập những ân huệ thiêng liêng, nhờ những tư tưởng mà y nhận được, rồi tăng cường truyền đạt đi. Tất cả những ảnh hưởng này đều dự phần vào việc xây dựng tánh tình, cho nên ngay từ khi mới xây dựng, tư tưởng chơn chánh này sẽ là ảnh hưởng chủ yếu của trí; sẽ luôn luôn coi chừng tư tưởng, theo dõi chúng một cách thận trọng, để cho thánh điện nội tâm không có chút gì ô trược có thể xen vào. Nếu điểm này không được canh chừng, thì tất cả sẽ bị mở rộng ra để cho quân thù xâm nhập. Chính đây là nơi doanh trại của thành trì, mà cũng là cái cửa duy nhất để cho những ngoại vật đi vào trong.

Thúc đẩy công việc lập hạnh của mình xa hơn nữa, nếu chưa biết sẽ học cách coi chừng lời nói của mình. Lời nói chơn chánh, trước hết phải thật đúng, hết sức đúng. Chỉ đúng một cách tầm thường như ở ngoài đời thôi thật là chưa đủ, tuy được như vậy cũng đã là khá lắm rồi. Người đệ tử phải nói hết sức đúng với sự thật, phải nói thật một cách tuyệt đối, đó là một đức tánh cần thiết hơn hết đối với ai muốn đi theo con đường huyền bí học: phải thật đúng trong khi nhận xét sự việc, trong khi tường thuật lại mọi việc, trong tư tưởng,

trong lời nói, trong việc làm, trong hành động. Nếu không ngót tìm kiếm sự thật, nếu không quả quyết triệt để trở thành một người tự mình đứng với sự thật thì không thể nào đi theo đường huyền bí học được, huyền bí học sẽ là một sự nguy hiểm, sự sa ngã mà thôi, sự sa ngã này càng đáng sợ, càng đau đớn khi sinh viên càng lên cao. Vì đối với nhà huyền bí học, sự đúng thật vừa là một người chỉ đường đưa lối, một người hướng đạo, vừa là một bộ áo giáp để che chở ta. Sự đúng thật là người hướng đạo vì nhờ nó mà nhà huyền bí học có được trực giác khiến có thể phân biệt được con đường chơn chánh và con đường sai lầm, chánh đạo và tà đạo. Nó là một bộ áo giáp, vì nếu nhà huyền bí học không mặc bộ áo giáp chơn thật đó, thì không thể nào tránh khỏi sẽ là nạn nhân của những ảo ảnh và những hình thù quái đản của những cảnh giới phải đi qua. Áp dụng sự đúng thật trong tư tưởng, lời nói và việc làm sẽ lần lần thức tỉnh được các trực giác tinh thần làm thủng tất cả tấm màn ảo tưởng và không bao giờ bị một thế lực nào ở đời lừa dối được. Những tấm màn che mắt giăng khắp mọi nơi. Trong cõi đời ảo tưởng này, những hình dáng giả dối từ tứ phía đều nổi lên cho đến ngày trực giác tinh thần với tia mắt nhìn thẳng thắn và không sai lầm đi xuyên qua được mọi tấm màn nạ che giấu sự vật. Ta

không thể đạt được trực giác đó nếu không tập luyện để có được sự đúng thật trong tánh tình, trau dồi sự đúng thật trong trí, phát triển sự đúng thật trong tâm mình. Không có sự đúng thật, ta sẽ thất bại, sẽ lâm lạc không bao giờ tránh khỏi.

Vậy lời nói trước hết phải đúng thật, sau nữa lời nói phải dịu dàng, vì sự đúng thật và sự dịu dàng không đối chọi nhau như người ta vẫn thường tưởng.

Lời nói có thể trọn vẹn đúng thật mà vẫn hết sức dịu dàng, nhã nhặn và từ ái. Khi nó càng đúng thật bao nhiêu thì nó lại càng phải dịu dàng bấy nhiêu, vì chính ngay trong trung tâm của sự vật, chân lý và lòng từ bi vẫn hằng sống đòi đòi bên cạnh nhau. Vậy cho nên lời nói đã phản chiếu cái tinh hoa sâu kín nhất của vũ trụ thì không thể vô cớ làm mích lòng một sinh vật nào, hay sinh ra một chút ngờ vực nào cả. Vậy lời nói phải đúng thật, dịu dàng và nhã nhặn, đó là sự khắc kỷ về lời nói, sự hãm mình thiệt thọ trong ngôn ngữ, sự hy sinh mà mỗi người chí nguyện phải làm.

Sau hết, tư tưởng, lời nói đã được chơn chánh, thì lẽ tự nhiên, việc làm cũng sẽ thành chơn chánh. Cái nhân đã như vậy, cái quả cũng sẽ phải như vậy, không sao khác được. Vì hành động tức là biểu lộ những sức mạnh nội tâm, khi nào tư tưởng



đã trong sạch, khi lời nói đã đúng thật và ngay thẳng, thì hành động sẽ tất nhiên là cao thượng. Phát nguyên từ một ngọn suối dịu dàng và ngon ngọt, dòng nước cũng dịu dàng ngon ngọt, chớ không thể nào khác được; phát sinh từ một tấm lòng và một khối óc tinh khiết, hành động chỉ có thể là chơn chánh, từ thiện mà thôi.

Đó là ba sợi dây liên kết người chí nguyện một mặt với nhân loại và một mặt với Sư Phụ; trong những tôn giáo lớn, ba sợi dây này là dấu hiệu của sự hoàn toàn tự chủ, tự chủ về tư tưởng, lời nói và việc làm; đó là ba sợi dây liên kết con người với sự phụng sự cao siêu, liên kết người đệ tử với bàn chân của Sư Phụ - ba sợi dây không dễ gì mà cắt đứt được.

Khi đã hiểu những điều trên đây, người thí sinh phải vừa cố gắng mang áp dụng chúng vào đời sống hằng ngày, vừa bắt đầu thực hiện cách tập luyện đúng phương pháp, đã được ấn định rõ ràng, để xây dựng tánh tình mình, thoát đầu phải xây dựng lên một "lý tưởng." Cố gắng trong phạm vi riêng biệt, trí khôn phải tạo nên một hình ảnh nội tâm, một hình ảnh mà phần lớn những yếu tố được mượn ở ngoại cảnh, theo với đà phát triển của con người. Tuy những vật liệu được mượn ở ngoại cảnh, nhưng ý tưởng chánh vẫn

phát sinh từ trí chọn lựa, xếp đặt những tài liệu ấy trong nội tâm. Hiểu theo ý cao cả nhất thì một ý tưởng là một vật trừu tượng, vô hình; nếu chúng ta có thể hiểu sự phát sinh ra một ý tưởng trừu tượng trong lương thức của khối óc, thì chúng ta sẽ hiểu được một cách rõ ràng minh bạch một lý tưởng nghĩa là gì.

Ta lấy ý tưởng trừu tượng giáo khoa về một hình tam giác làm thí dụ: trong đầu óc một em nhỏ, ý tưởng về một hình tam giác có thể thành hình thoát đầu do sự nghiên cứu về nhiều hình mà người ta nói với em đó là những hình tam giác. Em sẽ nhận thấy những hình này có dáng vẻ rất khác nhau, những đường cạnh của chúng xoay theo đủ chiều hướng. Khi nhận xét chúng riêng từng cái, với trí óc thơ ngây của mình, em nhỏ thấy những hình này không giống nhau. Thoạt đầu, em cho rằng đó là những hình khác nhau và không thể nhìn thấy những tính đồng nhất, khiến cho tất cả những hình này được gọi là những hình tam giác. Nhưng khi tư tưởng em càng tiếp tục làm việc thì em sẽ lần lần học được có vài ba đặc tính bất di bất dịch làm nền tảng cho ý niệm duy nhất về hình tam giác, đó là hình này bao giờ cũng có 3 đường cạnh thẳng và 3 góc, và tổng số 3 góc

này bao giờ cũng có một giá trị nhất định, không thay đổi, 3

đường thẳng được gọi là 3 cạnh của hình tam giác, chúng có một mối tương quan với nhau, v. v... Khi càng nghiên cứu, trí khôn càng hiểu rõ tất cả những ý niệm khác nhau này, rồi do một sự lựa chọn tổng quát, trí khôn trích ra được một ý niệm trừu tượng về hình tam giác, ý niệm này không có hình dáng kích thước đặc biệt, một khi người ta tách rời những góc của nó ra thì những góc này không có một giá trị đặc biệt nào cả. Và ý niệm trừu tượng này được thành hình là nhờ trí khôn đã nghiên ngẫm, suy tưởng về vô số những hình tam giác rõ rệt có thật, ít nhất là đối với khối óc xác thịt, tôi xin tạm bỏ một bên ý niệm cao cả hơn ý niệm vừa được nói ra trên đây chỉ là một phản ảnh. Trong khối óc, ý niệm trừu tượng không màu sắc, không hình dáng được tạo thành theo cách đó, người ta không thể dùng hình ảnh đặc biệt nào để diễn tả những đặc tính của ý niệm ấy, tuy nhiên ý niệm ấy vẫn chứa đựng điều gì giống nhau khiến cho vô số hình tam giác khác nhau được hợp nhất lại.

Lý tưởng chúng ta phải xây dựng cũng là một ý niệm trừu tượng, có tính chất giống thế. Lý tưởng này là sản phẩm của khả năng tưởng tượng của trí ta, khả năng này gạn lọc lấy tinh hoa của tất cả

những ý niệm liên quan đến những đức tánh cao thượng, mỹ lệ, chơn chánh, tiết điệu, điều hoà, lòng từ bi, đến tất cả những gì thoả mãn đến cực độ những ước vọng cao thượng nhất của tinh thần và tâm hồn. Trí khôn gạn lọc lấy tinh hoa tất cả những ý niệm khác nhau ấy, giống như khi chúng ta tự biểu lộ một cách bất toàn, rồi xây dựng và phóng ra trước mặt một hình ảnh oai hùng vĩ đại trong đó mỗi vật đều được tận thiện, tận mỹ, mọi vật đều được phát hiện đến mức cao siêu và toàn vẹn nhất. Nơi đây, thần trí không xem xét những vật có thật, mà xem xét ngay sự thật, tức là chân lý vậy; nó không xem những sự vật đẹp đẽ, mà xem chính sự mỹ lệ; nó không xét những vật mạnh mẽ, mà xét chính sự mạnh mẽ oai hùng; không xem xét những sự gì mềm mại, dịu dàng, trìu mến, mà xem xét ngay sự mềm mại, dịu dàng, trìu mến vậy; nó không xem xét những kẻ thương yêu, mà xem xét ngay tình thương yêu. Và đây là một hình ảnh hoàn toàn, oai nghiêm mà lại điều hoà trong mọi kích thước của nó, cao siêu hơn mọi điều chúng ta đã nhìn thấy ở trần gian, chỉ kém những tia sáng của sự mỹ lệ tuyệt vời trong những lúc cảm hứng hiếm có thượng trí chiếu rọi từ cảnh cao xuống dưới hạ trí của chúng ta mà thôi – đó là lý tưởng toàn thiện toàn mỹ mà người chí nguyện phải tự xây đắp cho mình, lý tưởng hết sức hoàn

toàn có thể tưởng tượng được, hiểu rõ ràng, tuy nhiên, giấc mơ cao siêu nhất chỉ là cái bóng mờ nhạt, rất mơ hồ của chân lý, mà nó muốn phản chiếu. Vì trong cảnh giới của chân lý, kiểu mẫu tuyệt vời vô thủy vô chung làm bằng ánh sáng linh động, bay lượn trên tầng trời cao thăm thẳm vô tận vô biên trên những đỉnh núi tuyết phủ, tượng trưng cho ước vọng của nhân loại, mà cõi hạ giới này con người chỉ nhìn thấy một phản ảnh yếu ớt với những màu sắc mờ nhạt. Tất cả những gì hoàn toàn hơn hết, cao siêu hơn hết mà linh hồn con người có thể tưởng tượng được, tất cả những gì có thể nghĩ về Thượng Đế tối cao mà nó đang tìm kiếm, tất cả những điều đó chỉ là những cái bóng và cái bóng chỉ là phản ảnh của chân lý vô biên. Cái lý tưởng mà con người tự xây dựng cho mình rất bất toàn, vì không thể làm sao khác được. Nhưng dù có bất toàn đến đâu, cũng vẫn là cái lý tưởng, lý tưởng theo đó y phải xây dựng tánh nết của mình.

Nhưng tại sao phải xây dựng một lý tưởng? Những ai trong chư huynh đã theo dõi tôi từ trước đến nay, xuyên qua những tác động của tư tưởng con người, sẽ hiểu tại sao lại cần có một lý tưởng. Tôi xin trích hai đoạn trong thánh kinh, một đoạn của Ấn Độ, một đoạn của Cơ Đốc Giáo để chư

huynh thấy rằng các Vị đã được điếm đạo cùng nói về một sự việc, mặc dầu các Ngài dùng ngôn ngữ nào, các Ngài nói với giống văn minh nào. Trong những kinh Upanishad, có một cuốn thần bí nhất, cuốn Chandogya, trong đó có ghi: “Con người là một sinh vật biết suy tưởng. Nghĩ đến điều gì thì nó tự biến hoá ra điều đó. Vậy người hãy suy nghĩ đến Thượng Đế.”<sup>10</sup> Mấy ngàn năm về sau một Vị đại sư khác, một trong các Vị tông đồ đã xây dựng nên Cơ Đốc Giáo cũng tuyên bố giống tư tưởng trên, nhưng bằng từ ngữ khác: “Vậy tất cả chúng ta, được chính mắt mình chiêm ngưỡng sự vinh quang của Chúa, như trong một tấm gương, chúng ta được biến thành cái hình đó, từ sự vinh quang này đến sự vinh quang khác.”<sup>11</sup>

“Chiêm ngưỡng như trong một tấm gương,” vì trí ta là một tấm gương phản chiếu những hình ảnh đã in hình trong đó, và linh hồn đang chiêm ngưỡng sự vinh quang của Chúa trong tấm gương của cái trí, càng ngày càng được vinh quang và biến thành hình ảnh thiêng liêng ấy. Vậy chỉ có một giáo lý duy nhất của Quần Tiên Hội được truyền đạt đến cho ta, qua lời nói của Vị hiền triết

---

<sup>10</sup> *Chandogya, III, XIV, 1.*

<sup>11</sup> *Thơ viết cho dân chúng thành Corinthe III, 18.*

xứ Ấn Độ và qua lời nói của Vị thánh Cơ Đốc, trong kinh thánh phương tây cũng như trong kinh thánh phương đông cổ kính; chư huynh phải có một lý tưởng trước mắt để có thể phản chiếu nó, và tâm trí con người không ngót tham thiền suy ngẫm về cái lý tưởng nào thì lẽ tự nhiên, y sẽ biến hoá thành chính cái lý tưởng ấy vậy.

Chúng ta phải làm sao xây dựng toà lâu đài đức hạnh của ta lên đến mức cao của lý tưởng. Đó là vấn đề còn lại mà chúng ta phải xem xét ngay đây.

**Do sự chiêm ngưỡng.**- Người chí nguyện đang tìm cách lập hạnh phải tự ý mình lựa chọn một giờ nhất định sẽ không thay đổi, và sẽ chiêm ngưỡng lý tưởng của mình đã xây dựng từ ngày này qua ngày khác. Sẽ tập trung tư tưởng và lương tri để phản chiếu lý tưởng đó không ngừng. Từ ngày này sang ngày khác, cứ lặp đi lặp lại mãi những nét đặc biệt của lý tưởng thân mến, cứ lấy tư tưởng của mình mà tham thiền và suy ngẫm mãi. Khi y càng chiêm ngưỡng, tất nhiên càng thấy nảy nở trong tâm, tấm lòng tôn kính và sự kích động thánh thiện là dấu vết của sự tôn thờ, đó là năng lực vĩ đại có tính cách biến hoá cho con người trở thành lý tưởng mà nó thờ phụng.

Sự chiêm ngưỡng này vừa có tính cách tôn thờ, vừa có tính cách nguyện ước, mong muốn. Khi

con người càng chiêm ngưỡng thì những tia sáng của lý tưởng thiêng liêng sẽ càng tuôn xuống, và để tiếp nhận những tia sáng này, sự mong muốn ước vọng sẽ mở rộng cánh cửa của tâm hồn ra. Cho nên những tia sáng sẽ chiếu rọi nội tâm, và rồi cũng chiếu sáng ra ngoài. Lý tưởng sáng ngời luôn luôn bay lượn trên mình và trong tâm, chỉ vạch cho y thấy con đường phải theo.

Muốn có thể chiêm ngưỡng như vậy, con người phải học tập về cách tập trung tư tưởng. Cái trí không được lo ra như thường lệ. Phải học cách định trí, và một cách quả quyết. Đối với chúng ta sự tập trung tư tưởng phải là mục đích của sự tập luyện không ngừng. Phải cố gắng định trí trong khi đang làm những công việc tầm thường hàng ngày. Muốn thế, ta chỉ cần làm một việc trong một lúc thôi, cho đến khi nào khối óc ta vâng lời ý chí một cách dễ dàng. Chỉ cần làm đầy đủ mỗi bốn phần của mình với tất cả khả năng của trí thông minh tập trung vào một điểm duy nhất. Thế nào chư huynh cũng biện bác những công việc chư huynh phải làm, phần nhiều có tính cách tầm thường. Điều này không quan hệ gì cả. Trong sự tự luyện tập để làm cho quý huynh trở thành đệ tử, cốt yếu không phải là ở bản tính công việc mà chư huynh làm, nhưng chính là cách thức làm việc



của chư huynh. Điều phải coi chừng không phải là loại công việc đã giao phó cho chư huynh ở ngoài đời mà là cái phương pháp làm việc của chư huynh, tư tưởng chư huynh dành cho công việc, những năng lực mà chư huynh tập trung vào, cùng là sự thuần thực, thành thạo, khéo léo mà chư huynh thu lượm được. Một lần nữa, xin nhắc lại, dù đời sống của chư huynh như thế nào, điều này không quan hệ gì, chư huynh có thể cứ để nguyên đời sống của mình và sử dụng nó để tự tập luyện lấy mình. Mặc dù công việc đang làm có vẻ tầm thường đến đâu dưới mắt chư huynh, chư huynh vẫn có thể dùng nó làm khí cụ để tự luyện tập tư tưởng. Hiện giờ, mặc dù chư huynh đang bận rộn điều gì, vật gì, chư huynh cũng có thể nhờ sự chú ý không ngớt mà luyện cho cái trí của mình có thói quen tự tập trung lại một cách tự nhiên dễ dàng. Chư huynh hãy nhớ một khi đã có được thói quen ấy rồi, chư huynh sẽ tha hồ tự do mang áp dụng nó vào việc gì cũng được. Khi chư huynh đã học được cách làm chủ tư tưởng của mình rồi thì chư huynh có thể khiến cho tư tưởng đó chú định vào vấn đề nào cũng được, phát ra theo đường lối nào cũng được.

Nhưng trong khi chờ đợi, chư huynh có thể tập luyện và hoạch đắc sự làm chủ tư tưởng này trong

những công việc nhỏ nhất cũng như trong những việc lớn lao. Thật thế, chư huynh sẽ tập luyện được nhiều hơn, vì lúc nào, giờ nào cũng có những công việc nhỏ nhất ở xung quanh mình, chỉ thỉnh thoảng chư huynh mới gặp những việc lớn lao mà thôi. Đứng trước một việc lớn lao, tâm trí liền tập trung những khả năng của nó lại ngay tức khắc; trước một việc lớn, tất cả những sức lực của linh hồn đều được triệu tập để có thể làm tròn nhiệm vụ cao cả cần phải làm. Nhưng giá trị thiệt thòi của linh hồn tự biểu lộ trong những sự việc bé nhỏ, nơi mà không có gì khiến cho người đời chú ý, không có ai khen ngợi, cổ vũ ta, nơi mà con người phải tự mình làm việc để đạt được kết quả đã định trước và sử dụng trọn vẹn những gì chung quanh mình như là những phương tiện để tự chủ.

**Kỷ luật con người tự bắt buộc mình phải theo là bí quyết của tất cả những phương pháp.** Chư huynh hãy tổ chức đời mình theo một chương trình nhất định. Chư huynh hãy đặt ra vài ba quy tắc rồi tự bắt mình phải theo đó mà sống. Một khi những quy tắc này đã có rồi, xin chư huynh hãy tuân theo chúng. Nếu chư huynh thấy cần phải thay đổi chúng, thì chư huynh cứ sửa đổi chúng một cách tự do như trước kia chư huynh đã

đặt ra. Thí dụ, chúng ta hãy lấy một việc rất giản dị, mỗi sáng phải thức dậy đúng giờ (quy tắc này cũng quan hệ, vì ta cũng phải làm chủ cả xác thân nữa). Chư huynh hãy ấn định một giờ thức giấc mà chư huynh cho đó là giờ tốt nhất cho công việc làm của mình, một giờ thích hợp nhất với sự tổ chức đời sống của chư huynh trong gia đình. Một khi đã ấn định giờ đó rồi, chư huynh hãy tuân theo. Chư huynh đừng cho phép xác thịt tự ý muốn thức dậy giờ nào cũng được, tùy theo sự kích thích trong chốc lát. Chư huynh hãy tập cho xác thân phải vâng lời ngay tức khắc, một cách máy móc, chỉ như thế xác thân mới trở thành một kẻ đầy tớ hữu ích của trí khôn. Nếu sau khi thực hành một thời gian, chư huynh thấy mình đã chọn giờ sai lầm thì hãy thay đổi giờ đó đi. Đừng ương ngạnh giữ mãi, lấy cố ràng như thế để rèn luyện cho ý chí được cứng cõi. Khi có sự gì không thích hợp, chư huynh hãy sửa đổi ngay, nhưng phải đổi lấy một giờ thuận tiện một cách hữu lý. Đừng tùy theo đắm mê, sự xúc cảm hay một dự vọng về xác thịt mà thay đổi giờ ngủ, thức. Chư huynh đừng thay đổi giờ vì bản tánh thấp hèn đòi hỏi, ta phải làm chủ bản tánh này. Nhưng chư huynh hãy thay đổi giờ khi chư huynh thấy mình đã chọn nó sai cách. Bởi vì chư huynh không bao giờ nên sống theo quy tắc làm trở ngại những người ở chung

quanh để làm chủ lấy mình, chư huynh không bao giờ nên lựa chọn những phương pháp có thể làm trở ngại người khác, hoặc làm cho họ bức mình, thay vì liên quan đến sự tập luyện riêng của mình mà thôi. Một khi đã hiểu rõ phương pháp lập hạnh, chư huynh phải tìm hiểu về tánh nết mình. Vì không được luyện tập một cách mù quáng, phải luyện tập theo cách hiểu biết rõ ràng. Để có thể tự xét đoán lấy tánh nết của mình, chư huynh hãy xem xét một cách khôn ngoan về đôi ba tánh tốt mà những vĩ nhân đã đề trước mặt chư huynh, tất cả những đức hạnh ấy tổng hợp lại sẽ dẫn dắt chư huynh đến thêm thánh điện. Thí dụ chư huynh có thể lấy những đức tánh mà đức Shri Krishna nói cho Arjuna viết trong chương 16 của kinh Bhagavad Gita, những đức tánh cần thiết để tạo lập một tánh tình siêu phàm. Chư huynh có thể lấy sự miêu tả ấy làm kiểu mẫu để noi theo trong khi lập hạnh. Có một bảng danh sách những tánh tốt để chư huynh tập trung tư tưởng và sự cố gắng không ngừng của mình vào đó. Chư huynh hãy nhớ muốn lập hạnh, trước nhất ta phải chiêm ngưỡng tánh tốt rồi thực hành nó trong ngôn ngữ và hành động hàng ngày, đức tánh này sẽ trở nên một phần tử cố hữu của tư tưởng.

Bảng danh sách dưới đây: (Dù những đức tánh này có nhiều đến đâu chẳng nữa, chư huynh

vẫn có đủ thời giờ để thực hành), “tánh vô úy (không sợ hãi), tấm lòng trong sạch, sự bền chí trong pháp môn minh triết, lòng nhân đức, sự tự chủ, lòng hy sinh, và sự ham học những kinh thánh, sự khắc kỷ và tánh ngay thật, tánh ngay thơ, tánh chơn chánh, tánh không giận dữ, tánh dứt bỏ, sự an lạc, tánh không nói xấu và nói hành, lòng từ bi đối với mọi sinh vật, tánh không ham muốn, tánh dịu dàng, tánh khiêm nhượng, tánh không hay thay đổi bất thường, không nhẹ dạ, tánh can đảm, tánh khoan dung, tánh đại lượng, tánh thẳng thắn, tánh yêu mến, tánh không kiêu ngạo – đó là phần sở hữu của kẻ sinh ra với những đức tánh thiêng liêng.” Chưa hoạch đắc được tất cả những đức tánh đó một lượt, nhưng lần lần, nhờ sự lập hạnh, sẽ có đủ những đức tánh đó. Trong lúc nhàn hạ, nếu chư huynh cẩn thận đọc lại bảng danh sách này, chư huynh sẽ thấy những đức tánh đó có thể được xếp từng loại rõ rệt, ta có thể thực hành mỗi đức tánh, thoát đầu một cách bất toàn, nhưng đều đều không đứt khoảng, từ ngày này sang ngày khác, dù chưa thành công cũng không bao giờ nản lòng. Chỉ nên vui mừng vì biết được mục đích ở ngay trước mắt ta, mỗi bước đi là mỗi bước tiến về mục đích mà sau này thế nào ta cũng đạt được. Chư huynh hãy để ý, những sợi chỉ vàng của lòng vô tư lợi, của tình yêu

mến, của tánh thơ ngây được dệt cùng với lòng can đảm, với sức mạnh, với sự nhẫn nại khiến cho tánh nết được thẳng bằng một cách tuyệt diệu. Đó là một tánh tình vừa cứng cõi, vừa dịu dàng, vừa can đảm, vừa từ bi, một tánh tình oai nghiêm bất di bất dịch, sẵn sàng hết lòng cứu giúp kẻ yếu đuối, một tánh tình rất sùng đạo, rất tinh khiết, một tánh tình có kỷ luật, vì vậy mà được điều hoà. Thí dụ chư huynh lấy một tánh tình như thế làm lý tưởng để dìu dắt tư tưởng mỗi ngày, chư huynh đã bắt đầu mang tánh tình đó ra áp dụng từng chi tiết. Chúng ta hãy nhận xét một điểm thường hiện ra luôn luôn trong khi ta cố gắng, một điểm bao gồm nhiều đức tánh và đã nhiều lần bị hiểu lầm. Chúng ta hãy nhận xét đức tánh tập hợp trong chốc lát và thử nhìn nhiệm vụ của nó trong sự lập hạnh là gì. Đức tánh này có tên mà người tây phương cho là rất trái tai: tánh lãnh đạm. Thỉnh thoảng người ta nói một cách rõ ràng hơn, đó là tánh lãnh đạm đối với những nỗi vui buồn, sự nóng, lạnh, lời khen ngợi hay chê bai, yêu hay ghét. Vậy tánh lãnh đạm là gì?

Trước hết tánh này là sự hiểu biết về luật tương đối, lẽ tất nhiên nó xen vào đời sống của những ai đã thoáng thấy chân lý giữa những vật phù du cùng là ánh sáng thiêng liêng ẩn mình dưới những

bóng trôi qua. Khi đã hiểu được sự rộng rãi bao la của mục đích, khi đã công nhận con người phải sống trong vô số kiếp, người chí nguyện biết rằng có cả một thời gian vô tận vô biên trước mặt mình, khi hiểu được tất cả vẻ cao cả của công việc phải làm và những khả năng vô tận đang chờ đợi, tuy rằng hãy còn ẩn tàng dưới lớp màn bí mật của tương lai; khi con người đã trông thấy ánh sáng chân lý, thì mọi sự của một kiếp sống ngắn ngủi chỉ choán vị trí tương đối xứng đáng, đúng theo mục thước khi đem so sánh với đại thể. Vì thế khi có một thử thách đưa đến thì thử thách này không có vẻ nghiêm trọng như khi con người tưởng kiếp sống này chỉ là kiếp sống duy nhất. Vì bắt đầu hiểu rằng đã trải qua nhiều thử thách rồi, khi vượt qua được chúng, con người trở nên mạnh mẽ và an tĩnh hơn. Khi có sự vui mừng đưa đến thì biết rằng đã trải qua nhiều sự vui mừng rồi, chúng dạy nhiều bài học và trong số đó sự vui mừng đã dạy cho biết những niềm vui đó cũng có tính cách phù du. Cho nên sự vui hay buồn đến, không phải là sẽ trơ trơ không cảm thấy nỗi vui hay nỗi buồn ấy, mà cảm thấy chúng một cách thấm thía hơn là người thường ở ngoài đời. Nhưng đặt để chúng vào đúng vị trí và đánh giá chúng theo đúng giá trị trong cái đại thể của đời sống rộng lớn.

Khi con người tập luyện để có được tánh lãnh đạm ấy, ta không nên tưởng rằng trở nên vô tri vô giác, không biết cảm động nữa. Trái lại càng ngày càng cảm thấy một cách rõ rệt những sự rung động nhỏ của sự sống ở trong người và ở ngoài cảnh. Vì càng ngày càng tự điều hoà với vạn vật, cho nên tự nhiên phải trở nên càng ngày càng nhạy cảm đối với mọi sự thay đổi nhẹ nhàng của mỗi tiết điệu trong vạn vật. Nhưng không một sự thăng trầm nào có thể lay chuyển, có thể quấy rối sự hoàn toàn an tĩnh, vì đời sống thiết thọ đã chìm cội rễ nơi không hề có đông tố, không hề có sự thay đổi nào xảy ra và trong khi cảm biết các sự biến thiên, thì không bao giờ chúng có thể ảnh hưởng đến ý chí nữa. Mỗi việc đều choán vị trí tương xứng với nó trong cái chu kỳ bao la của đời sống của linh hồn. Sự lãnh đạm này, sự lãnh đạm thiết thọ đồng nghĩa với sức mạnh, chư huynh sẽ phát triển nó theo cách nào?

Thoạt đầu chư huynh sẽ phát triển bằng cách tham thiền hằng ngày về ý nghĩa của đức tánh này theo phương pháp đã được chỉ dẫn, bằng cách nghiên cứu đức tánh đó từng chi tiết một, cho đến khi hiểu được trọn vẹn, nghiên cứu tỉ mỉ từng chút để xem coi dưới mắt chư huynh đức tánh ấy là cái gì. Rồi sau này, khi chư huynh sống chung với



đồng loại, chư huynh sẽ áp dụng đức tánh đó trong đời sống hằng ngày. Chư huynh sẽ thực hành tánh lãnh đạm, không phải bằng cách trở nên cứng rắn, nhưng bằng cách tăng trưởng lòng thiện cảm của mình, không phải bằng cách ẩn mình trong một cái vỏ cứng khiến chư huynh phải xa cách đồng loại, nhưng bằng cách ứng đáp với những sự rung động nhỏ nhất ở bên ngoài. Cùng một lúc, chư huynh giữ lấy sự thẳng bằng nội tâm mà không một sự gì có thể ảnh hưởng tới, dù sự rung động có làm lay chuyển đến cả đáy lòng.

Đó là bài học nhọc nhằn và khó khăn, nhưng cho ta không biết bao nhiêu hy vọng và vui mừng, khiến cho sự hoạt động của ta lại được hồi sinh nồng nhiệt, và chỉ vì những sự lợi ích này mà thôi, cũng đáng cho ta tập luyện có được tánh đó vậy. Vì khi linh hồn tự cảm thấy mình trở nên quá mạnh mẽ không bao giờ còn bị lay chuyển nữa, mà vẫn nhạy cảm đối với mỗi rung động ở phía ngoài, sẽ thấy đời sống của mình được mở rộng ra một cách kỳ diệu; thấy sự tiết diệu, sự hoà hợp càng ngày càng trở nên trọn vẹn hơn, thấy lương thức càng ngày càng phát triển, càng ngày càng rõ rệt sự hợp nhất với đại thể mà linh hồn là một thành phần. Khi mà cảm giác chia rẽ tan mất đi, sự vui mừng ngự trị nơi trung tâm vạn vật sẽ tràn

ngập linh hồn và ngay chỗ người đời trông thấy những đau khổ, thì người đệ tử lại không trông thấy có gì là khó khăn. Bởi vì có thể nói người đệ tử cảm thấy những sự khó khăn này như là thành phần của đời sống của vũ trụ. Với người đệ tử, chúng chỉ là một vần chữ trong cái ngôn ngữ bao la của vũ trụ hữu hình; có thể học hỏi ý nghĩa của sự đau khổ mà tấm lòng vẫn được tự do thông thả, không hề đau khổ, vì sự an lạc là kết quả của sự hiểu biết càng ngày càng rộng lớn, đã đền bù, và đền bù rất nhiều nữa, có thể nói rằng sự an lạc này làm thay đổi thái độ đối với tất cả những kinh nghiệm của ngoại giới mà người ta cho là những sự đau khổ và mất mát, thiệt thòi. Tư tưởng và hành động theo lối đó, chư huynh sẽ thấy tăng trưởng nơi mình tư tưởng bình tĩnh an lạc, trầm tĩnh. Thế nên chư huynh dường như ở một nơi yên tịnh, mặc dầu bão tố đang nổi lên ở ngoài đời. Chư huynh sẽ thấy và cảm trận bão, nhưng chư huynh sẽ không bị lay chuyển.

Một sự an lạc tuyệt vời và sâu xa, mà không sự gì có thể quấy rối được, đó là dấu hiệu một đời sống tinh thần. Đời sống này thoát đầu tự biểu lộ bằng sự yên tịnh, rồi đến sự hoan hỉ của tâm hồn và khiến cho đời sống của người đệ tử trở thành một sự phát triển liên tiếp mà mục đích là luôn luôn

tiến về phía trước cho đến khi đi đến trung tâm của sự vật, chính là tình thương yêu vậy. Điều này là nảy sinh cảm tưởng rằng: Chúng ta là những người tự chủ, Chơn Nhơn nơi ta mạnh mẽ hơn những sự thay đổi bên ngoài. Chơn Nhơn muốn những sự tiếp xúc bên ngoài được vang động lên trong nội tâm, nhưng nó không muốn để cho cõi lòng xao xuyến. Lúc đó, từ tánh tự chủ và tánh lãnh đạm bỗng nảy sinh tánh không thù ghét ai, người ta nhấn mạnh nhiều lần về đức tánh này trong khi người chí nguyện lập hạnh để trở nên đệ tử. Không được thù ghét một điều gì cả. **Phải thấu gồm tất cả trong phạm vi của tình thương yêu.** Dù bề ngoài của mọi vật có đáng ghê tởm đến đâu chẳng nữa, điều đó cũng không quan hệ gì, sự sống và tình thương ngự nơi trung tâm của vạn vật. Vì vậy, người đệ tử đang học hỏi không loại trừ một vật gì ra ngoài lòng từ bi của mình; bao gồm mọi sinh linh trong tấm lòng thương yêu của mình và chú ý đến sự nhạy cảm của chúng, trở thành người bạn của vạn vật, thương yêu tất cả những sinh vật có tri giác.

Khi lấy những đức tánh đó xây dựng tánh tình mình, người chí nguyện trở nên một người can đảm; can đảm vì không thù ghét cái chi cả, thì không có cái chi có thể làm hại được. Sự ác độc từ

bên ngoài đến với chúng ta chính là sự phản ứng của những gì ác độc, khiêu khích từ nơi tâm ta; vì chúng ta thù ghét kẻ khác nên kẻ khác mới thù ghét ta. Chúng ta đi khắp thế gian gieo rắc sự ác, nên các sinh vật, đến lượt chúng, chúng đối xử độc ác lại với chúng ta. Chúng ta có bốn phận yêu thương mọi sinh vật, vậy mà chúng ta tung ra khắp mọi nơi sự chết chóc, bạo ngược, thù hận, ta tìm kiếm đồng loại để hành hạ họ chớ không phải để dạy dỗ họ - làm như con người ở cõi trần này không có bốn phận dạy dỗ các em còn nhỏ dại của mình và không dùng tất cả lòng trù mến, lòng từ bi của mình để nâng đỡ họ... Chúng ta đi khắp thế gian, hành hạ kẻ khác, dù đó là người hay vật, mỗi khi chúng yếu đuối hơn ta - chúng càng yếu đuối bao nhiêu thì ta lại càng hành hạ chúng bấy nhiêu, và chúng càng tiêu tụy bao nhiêu thì ta lại càng bắt chúng mang nặng bấy nhiêu. Vì khi các sinh vật trốn tránh ta, trong thế gian kẻ yếu sợ hãi ta, kẻ mạnh thù ghét ta, ta lại lấy làm lạ lòng ngạc nhiên. Vì vô minh chúng ta không biết tất cả những sự thù hận của thế giới bên ngoài đối với ta chỉ là cái phản ảnh của điều ác đang có trong lòng ta, và đối với tấm lòng yêu mến thì không có cái gì là đáng ghét, không vật gì làm hại được cả. Con người lòng dạ nhân từ có thể đi qua rừng sâu mà không bị nguy hiểm, có thể đi vào hang thú

dữ mà không bị vồ, có thể lấy tay mà bắt rắn, vì tấm lòng tràn ngập tình thương nên không nhìn thấy ở đâu là thù hận cả. Tình thương phóng những tia sáng khắp cõi đời và thu hút mọi vật để phụng sự chúng, chớ không phải để làm hại chúng, và do sự thu hút này làm thức tỉnh tình yêu, chớ không phải lòng thù hận nơi vạn vật. Vì vậy, nên con cọp lăn mình dưới chân nhà tu sĩ Đô Ghi như một người bạn thân, con vật hung dữ nhất mang con đến gởi cho vị thánh nhân, nhờ Ngài che chở và cứu giúp; thế cho nên tất cả mọi sinh vật đều đến với người có lòng nhân đức thương mến, vì vạn vật cùng có một nguồn cội thiêng liêng. Tình yêu là thiêng liêng, khi nào con người thương yêu trọn vẹn thì thu hút vạn vật.

Như vậy, chúng ta học tiến bước mà không sợ hãi, tuy rằng chúng ta còn phải chịu đau khổ! Vì - chúng ta biết - nếu người ta làm cho chúng ta đau khổ, đó là chúng ta trả một món nợ của quá khứ đen tối, mỗi khi trả nợ, chúng ta lại cảm thấy giảm bớt đi cái tổng số nợ nần của mình đã bị ghi ở cuốn sổ lớn của thiên nhiên.

Chúng ta sẽ không sợ hãi vì chúng ta đã hiểu biết, sự sợ hãi chỉ phát sinh từ lòng nghi ngờ và lòng thù hận mà thôi. Con người hiểu biết đã lìa bỏ sự nghi ngờ ở phía sau mình và bước đi một cách

chắc chắn ở nơi nào biết rằng có thể đi được, chân chỉ đạp lên trên một miếng đất cứng chắc, và dọc đường không gặp chướng ngại. Vì vậy có một ý chí cương quyết không hề bị lay chuyển, căn cứ nơi sự hiểu biết mà tình thương yêu đã khiến cho tin cậy. Khi đi qua sân ngoài, bước chân của người đệ tử trở nên cứng cáp hơn, sự quyết định trở nên mạnh mẽ và vững vàng hơn. Tánh nết bắt đầu có một vẻ nhất định rõ ràng, minh bạch, vì linh hồn đã sắp trưởng thành.

Lúc đó con người không còn ham muốn gì nữa, những sợi dây ràng buộc chúng ta với cõi đời bên ngoài được lần lần bứt bỏ; kinh nghiệm của những tiền kiếp đã chứng minh cho ta thấy những sự thèm muốn không sao có thể làm cho linh hồn thoả mãn, nên nay ta lần lần loại trừ chúng ra; lúc đó ta không còn ý muốn và dục vọng riêng tư nữa, ta lần lần hợp nhất với vạn vật. Vì người chí nguyện tự phát triển không còn muốn để cho những sợi dây hồng trần trói buộc mình vào bánh xe luân hồi sinh tử nữa. Con người phải tái sinh vì bị ràng buộc với địa cầu, bị sợi dây dục vọng trói cột vào bánh xe sinh tử. Nhưng con người mà ta vừa nói trên đây đã muốn được giải thoát. Con người sắp được giải thoát phải tự mình cắt đứt sợi dây dục vọng. Chỉ còn một sự có thể trói buộc mà

thôi, chỉ còn một sự có thể khiến cho còn phải luân hồi mà thôi; ấy là tình thương yêu đồng loại và ý muốn phụng sự họ; không bị trói buộc vào bánh xe sinh tử, vì được tự do, nhưng y có thể trở lại thế gian một lần nữa để quay bánh xe pháp, vì lòng thương yêu những kẻ hầy còn bị trói buộc, để đứng bên cạnh họ cho đến khi tất cả mọi linh hồn đều cắt đứt được tất cả những xiềng xích của mình. Khi được giải thoát, cắt đứt tất cả mọi dây trói buộc cần thiết. Như vậy học được sự hoàn toàn vô tư lợi, vì kinh nghiệm đã cho thấy rằng điều gì tốt lành cho tất cả mọi người thì đó cũng chính là điều đang tìm kiếm cho mình, và mục đích riêng tư với sự lợi ích của đại thể vẫn in như nhau. Rồi học được cách tự tin ở nơi mình. Con người muốn lên cao về phía ánh sáng nên học cách để trở nên mạnh mẽ hơn trước để có thể giúp đỡ kẻ khác; học cách tin tưởng nơi Chơn Nhơn trong lòng mình, đó cũng là chơn tánh của vạn vật, khi tự phát triển, càng ngày càng rạn hợp nhất với chơn tánh đó vậy.

Người chí nguyện còn cần phải đương đầu với một thử thách và ta cần phải nói qua về điều này, vì đó là một trong những giai đoạn khó khăn nhất trong khi đi qua sân ngoài. Một khi bước vào sân này biết và nhìn thấy sự vui vẻ bao la đang ngự ở

trên cao, không còn tha thiết đến những sự việc mà đồng loại cho rằng đó là những thú vui ở đời. Nhưng có khi linh hồn phải trải qua một thời kỳ lo ngại rất mệt nhọc, vì đã phóng mình lên cao, đã nhảy lên khoảng trống không mà từ trên cao vẫn chưa thấy có bàn tay nào đưa xuống để nắm tay mình; bóng tối bao phủ, và chân thì lơ lửng không nơi nương tựa. Trong những giai đoạn phát triển của linh hồn, có những lúc tất cả những gì có tính cách hồng trần đều không có thể làm thoả mãn, hài lòng nữa; những tình bằng hữu thâm niên hình như đã phai nhạt, nỗi vui của cõi trần đã mất hết mùi vị, chúng ta chưa cảm thấy được những bàn tay đang chờ đợi chúng ta – tuy trong lúc ấy những bàn tay đó đang nắm chúng ta; tảng đá mà chúng ta đang đặt chân lên hình như không còn được vững vàng bất di bất dịch nữa – tuy rằng bàn chân ta đang đặt lên đó; linh hồn bị một tấm màn ảo tưởng bao phủ, tưởng mình bị bỏ rơi và không biết cầu cứu với ai. Người chí nguyện nào cũng phải lao mình vào khoảng trống rỗng đó; người đệ tử nào cũng phải vượt qua hố sâu đó. Khi hố sâu này mở ra rộng lớn trước linh hồn, linh hồn lùi bước. Khi hố sâu này hiện ra, bề ngoài dường như tối om và sâu thẳm, người chí nguyện đứng ở miệng hố sợ hãi liền lùi lại phía sau. Tuy nhiên, sự sợ hãi này thật là phi lý. Chư huynh hãy mạnh



dạn lao mình vào khoảng trống rỗng, chư huynh sẽ tìm thấy ở đó một sự viên mãn, tràn đầy. Chư huynh hãy nhảy ngay vào bóng tối và chư huynh sẽ thấy chân mình được đặt lên trên một tảng đá. Chư huynh hãy gỡ những tay đang níu mình lại, sẽ có những bàn tay mạnh bạo hơn nắm lấy bàn tay chư huynh và kéo chư huynh về phía trước. Những bàn tay này không bao giờ rời bỏ chư huynh. Những cái siết tay của cõi trần thỉnh thoảng có thể dường như yếu ớt, bàn tay một người bạn có thể lìa bỏ bàn tay chư huynh và để cho nó trôi, nhưng những người bạn ở bên bờ sông giác không bao giờ rời bỏ tay chư huynh, mặc dù xảy ra những sự biến thiên ở cõi trần. Vậy chư huynh hãy mạnh dạn tiến thẳng vào bóng tối. Chư huynh sẽ thấy sự cô đơn của mình chỉ là một ảo tưởng dày đặc nhất, và sự tối tăm ấy lại là một ánh sáng không bao giờ bị tắt mất. Một khi vượt qua được sự thử thách này rồi, thì dường như quả thật là một ảo ảnh, và nếu người đệ tử dám lao mình vào đó, thì sẽ tự thấy mình qua được bờ bên kia bình an vô sự.

Sự lập hạnh cứ như thế mà tiếp tục mãi. Cứ sẽ tiếp diễn, trải qua những kiếp vị lai, và cứ ở mỗi kiếp sống mới, lại càng trở nên cao thượng hơn trước. Những viên đá đầu tiên này chỉ là cái nền

nhà mà tôi đã chỉ cho chú huynh thấy qua, và nếu công việc có vẻ to tát vĩ đại, đó là vì trong trí tưởng tượng của kiến trúc sư, toà lâu đài bao giờ cũng được toàn vẹn. Ở ngay những nét bút đầu tiên của bản hoạ đồ, trí tưởng tượng đã trông thấy toà lâu đài được hoàn thành hiểu rõ mục đích việc làm đó.

Sau hết mọi sự sẽ ra sao? Ôi ngôn ngữ con người thật là bất lực, không sao miêu tả được đoạn chót của sự lập hạnh này. Những màu sắc tối tăm của trái đất không sao miêu tả nổi vẻ mỹ lệ của lý tưởng hoàn toàn ấy mà chúng ta hy vọng một ngày kia sẽ đạt được, chúng ta biết rõ một ngày kia sẽ thành tựu được. Có bao giờ lý tưởng này hiện rõ ra với chú huynh trong những lúc lặng lẽ không? Chú huynh có bao giờ trông thấy cái phản ảnh, trong sự an tĩnh của trái đất cũng như trong sự tịch mịch của bầu trời không? Chú huynh đã bao giờ trông thấy các vị Tiên Thánh còn sống và hoạt động không? Các Vị trước kia đã là người và bây giờ đã vượt qua trình độ của con người, trở thành những Vị siêu nhân cao cả oai nghiêm. Sau này nhân loại cũng sẽ được như các Ngài, tuy bây giờ chưa đi đến trình độ ấy, trừ ra ở những vòng trong của thánh điện.

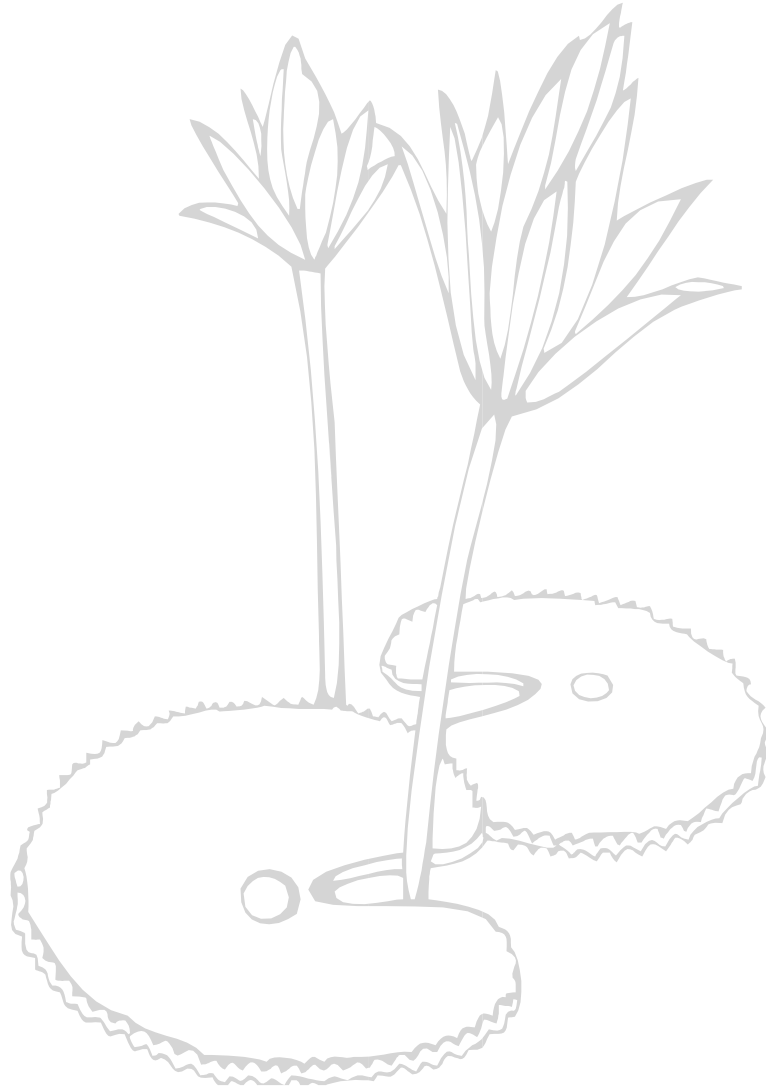
Nếu chư huynh đã thoáng nhìn được quang cảnh này trong những lúc yên tĩnh nhất, thì tất cả những lời mà tôi dùng để miêu tả đều là vô ích đối với chư huynh. Chư huynh đã biết tấm lòng từ bi nó hình như làm ra trọn vẹn cái bản thể của ta, rục rĩ trong sự toàn thiện toàn mỹ, trong sự thiêng liêng huy hoàng, chư huynh biết tấm lòng trìu mến dịu dàng bao la rộng rãi cho đến nỗi sẵn sàng cúi xuống với những kẻ thấp hèn nhất và bay lơ lửng trên những kẻ cao sang quyền quý nhất, sự dịu dàng trìu mến bao gồm cả sự cố gắng của kẻ yếu đuối nhất và sự thành công vĩ đại nhất; thật vậy đó là một sự dịu dàng trìu mến sâu xa hơn nữa đối với kẻ yếu, thay vì đối với kẻ mạnh, vì kẻ yếu cần được giúp đỡ nhiều hơn, cần được hưởng thụ không ngớt một tấm tình thiện cảm; duy chỉ có một tấm lòng thương yêu có bản tính con người là che lấp được cái bản tính thiêng liêng nơi các Ngài mà thôi, tấm lòng thương yêu này khiến cho ta cảm thấy con người và Thượng Đế đã được hợp nhất nơi các Ngài.

Sau sự dịu dàng trìu mến còn có một sức mạnh nữa - một sức mạnh mà không có cái gì có thể làm cho giảm suy, sức mạnh này cộng tác với các nguồn lực căn bản của vũ trụ, có thể dùng để làm nền móng cho các thế giới mà không hề bị lay

chuyên. Một sức mạnh vô biên liên kết với lòng từ bi vô lượng – làm sao cả hai đức tánh ấy lại có thể gặp được ở nơi một vị thánh nhân trong một sự điều hoà tuyệt diệu như vậy? Rồi đến sự vui tươi sáng rõ, sự vui mừng chiến thắng và muốn chia sẻ niềm an lạc tuyệt vời với vạn vật, đó là vàng thái dương chói rạng không bị lu mờ vì vàng mây áng, sự chiến thắng vinh quang hứa hẹn tất cả đều sẽ thành công; sự vui mừng vì đã thoáng trông thấy điều gì xa hơn là sự đau khổ hiện thời, vì biết mặc dù có sự đau khổ, tất cả mọi sự việc đều sẽ được hoàn thành trong niềm an lạc.

Một tấm lòng dịu dàng trù mẫn, một sức mạnh, một niềm vui, một sự an lạc tuyệt vời - cảnh yên tĩnh của mặt hồ êm ả, sự trầm lặng mà không một điều gì có thể phá rối được - đó là một vài nét của lý tưởng mà một ngày kia chúng ta sẽ thực hiện được ở nơi mình. Nếu chúng ta dám nhìn lên những đỉnh cao chói vót đó, chính là các vị Tiên Thánh vẫn hãy còn sống ở cõi trần này cùng với chúng ta. Các Ngài cao hơn chúng ta xa lắm nhưng các Ngài vẫn ở bên chúng ta, các Ngài vượt khỏi chúng ta nhưng các Ngài không bỏ rơi chúng ta, tuy rằng ở tất cả mọi phương diện, chúng ta không sao có thể hiểu nổi các Ngài. Vì trong trái tim của Chơn Sư, có đủ chỗ chứa toàn thể nhân

loại, và vào trình độ của nhân loại hiện giờ, chúng ta là con cháu của các Ngài, chúng ta có thể nghĩ đến sự hiện diện của chúng ta trong trái tim đó mà không một chút chi sợ hãi.



#### **IV - TINH THẦN HOÁ HAY LÀ KHOA LUYỆN KIM TINH THẦN**

Ba bài thuyết trình trước đây đã nói về những sự tiến bộ mà người chí nguyện phải thực hiện cùng một lúc để đi vào thánh điện như là tự tinh luyện dần dần, làm chủ tư tưởng và lập hạnh hay nói

cho đúng là xây đắp nền móng của hạnh kiểm mình. Đó là ba giai đoạn mà chúng ta đã xem xét xong. Chúng ta đã biết ai đã vào đến sân ngoài và đã lấy công việc vĩ đại này làm mục đích, thì phải cố gắng làm cả ba việc một lượt (tinh luyện, làm chủ tư tưởng, lập hạnh) thay vì làm xong việc này rồi mới làm đến việc kia, tìm cách làm chủ bản ngã lần lần, bằng cách sử dụng mà theo đuổi cái mục đích đã ấn định.

Sau khi đã xem xét liên tiếp ba giai đoạn này - cần phải làm như vậy để được rõ ràng minh bạch - chúng ta thí dụ bây giờ thí sinh lưu ý đến một phần khác của công việc lớn lao phải làm. Tôi gọi phần này là việc tinh thần hóa hay là sự luyện kim tinh thần, nghĩa là một phương pháp thay đổi biến hoá - dĩ nhiên nơi đây người ta ám chỉ đến việc làm của nhà luyện kim; biến đổi một miếng kim loại tầm thường thành một thứ kim loại quý báu hơn, thí dụ như làm cho đồng biến thành vàng ròng. Sự biến đổi mà tôi muốn nói, đang được thực hiện trên thế gian, xung quanh ta đây; tôi tin rằng nó đang được thực hiện một mức nào đó trong tâm trí và trong đời sống của bất cứ là ai vốn ưa suy nghĩ và sống theo đạo đức. Nhưng điều này tôi đã nhắc đi nhắc lại nhiều lần, nơi thí sinh, đó là một công việc hữu ý và tự nguyện.

Nhìn thấy rõ những phương tiện và mục đích và tự ý cố gắng thực hiện cái ý muốn của mình.

Theo ý nghĩa bao quát nhất, phương pháp luyện kim tinh thần này có thể được coi như là một sự biến hoá những mãnh lực. Ai ai cũng có nơi mình sự sống, năng lực, sức mạnh, quyền năng của ý chí, v. v... Đó là những sức mạnh mà con người phải sử dụng như là những khí cụ - đó là những khả năng sẽ khiến cho đạt được mục đích. Theo một phương pháp mà người ta có thể gọi là phương pháp luyện kim, biến hoá những mãnh lực này, bằng cách áp dụng chúng vào những mục đích cao thượng hơn, biến đổi những năng lực thô bạo thành những năng lực tinh thần đã được tinh luyện. Không phải chỉ thay đổi mục đích mà thôi - không phải là sự thay đổi mục đích là điểm tôi muốn làm nổi bật lên nơi đây - chính là đã thay đổi và tinh luyện sức mạnh đó mà không làm hư hoại bản tính cốt yếu của chúng. Giống như một nhà luyện kim lấy một vật chất thô sơ, bắt nó phải chịu một phương pháp tinh luyện thâm sâu; không những chỉ loại ra những cặn bã ngoài mặt mà để xúc tiến sự tinh luyện đến mức sâu xa hơn nữa, chuyển lên đến một trạng thái tinh vi hơn, khiến cho những nguyên tố tạo thành được một thứ kim loại quý báu thuần túy hơn. Chư huynh

có thể tưởng tượng ra nhà luyện kim tinh thần nắm lấy mọi mãnh lực trong bản tánh mình, nhìn nhận chúng như những sức mạnh đáng kể và biết rõ sự hữu ích, tính cách cần thiết của chúng - nhưng biến đổi chúng, tinh luyện chúng, một cách có phương pháp. Chúng ta sắp học lối tinh luyện này, và do đó ta có thể đạt được mục đích.

Sự tinh luyện tinh thần không phải chỉ có một mục đích duy nhất là biến hoá các mãnh lực, tuy điều này là mục đích chánh yếu, còn có mục đích thứ nhì nữa mà ta phải nói tới. Những linh hồn, chỉ vì những dục vọng của mình, mà phải bị trói buộc vào đời sống hồng trần, vào bánh xe sinh tử. Chúng bị sự vô minh cột chặt vào đấy, chúng bị ràng buộc bởi chúng thèm muốn hưởng thụ những thú vui vật chất, những niềm vui được nếm trải trong sự chia rẽ, trong cảnh cô đơn. Luôn luôn hoạt động, linh hồn tự trói buộc mình bằng những hành động của mình. Dù những hành động này là lành thiện hay tàn ác, cứu giúp hay là làm hại kẻ khác, luôn luôn ở nơi con người tâm thường, chúng có một tính cách chung này: nguồn cội của chúng là lòng ham muốn, và chính lòng ham muốn ràng buộc và trói cột con người.

Vả lại bao giờ con người còn sống trên cõi đời thì hành vi cần phải có, luôn luôn cần phải hoạt động.



Nếu không có, thì không còn cái gì tự biểu hiện ra được nữa. Khi sự cao thượng, sự khôn ngoan và sức mạnh tăng trưởng nơi con người, thì hành động trở nên một yếu tố càng ngày càng quan trọng trong sự tiến bộ của thế gian. Nếu những người tiến hoá nhất không hành động nữa thì sự tiến bộ của nòi giống chúng ta sẽ bị chậm trễ lại, và dĩ nhiên sự tiến hoá đó sẽ bị trì hoãn.

Phải làm thế nào để hành động được thực hiện mà con người vẫn được tự do? Đây cũng là một trường hợp luyện kim tinh thần. Nhờ sự luyện kim này, con người tiến hoá nhất sẽ hành động một cách hết sức linh hoạt để phụng sự đời - nhưng việc làm không ràng buộc, vì là một linh hồn đã được giải thoát. Đó là thí dụ lúc thoát đầu xem như là có vẻ mâu thuẫn: một sự giúp đỡ để cho người chủ được hoàn toàn tự do. Nay, khi đề cập đến một sự luyện kim tinh thần nó khiến ta được hoàn toàn tự do, tôi muốn nói đến định luật hy sinh căn bản - đó là định luật tối cao trong cõi thế giới hữu hình, là căn bản của mọi sự, luôn luôn được tuyên bố. Định luật này có những hình thức rất biến đổi, cho nên thường người ta không nhận ra, nó tác động một cách phức tạp đến nỗi người ta thường lầm lẫn một cách dễ dàng. Sự lầm lẫn mà người ta dễ phạm nhất là sự lựa chọn những

từ ngữ, vì nơi đây chúng ta phải đề cập đến sự thật muôn mặt, phần nhiều có hai trạng thái, tùy theo chúng ta từ trên cao nhìn xuống hay từ dưới đất nhìn lên. Là một định luật được phổ biến khắp vũ trụ, chi phối mỗi nguyên tử. Chính là đời sống thiêng liêng của Thượng Đế được biểu lộ ra.

Khi nói qua về một đề tài như thế này, có rất nhiều dịp khiến ta lăm lăm về những danh từ đối với người nói, trong sự hiểu đối với người nghe vì không thể lãnh hội được một tư tưởng trình bày không trọn vẹn. Vì thế trong buổi khảo học này, người ta có thể trở nên thiên lệch, tùy theo quan niệm đặc biệt choán tâm trí ta trong chốc lát - tùy theo ta đứng về phương diện vật chất hay tinh thần, tùy theo ta đứng từ bên ngoài mà nhìn vào trung tâm hay đứng trong trung tâm nhìn ra ngoài. Khi nghiên cứu về một đề tài rộng rãi bao la, làm nảy sinh ra một tư tưởng mà không lời nói nào có thể diễn tả được - một đề tài mà những kẻ kém phát triển như chúng ta không thể nào quan niệm nổi - đối với người nói cũng như người nghe, thật khó mà tránh được những hiểu lầm, sự nhấn mạnh vào điểm này rồi quên lãng một điểm khác, khó giữ được sự quân bình là điều duy nhất diễn tả trọn vẹn chân lý. Trường hợp định luật hy sinh

này thật là một trường hợp đặc biệt giống như trên đã nói.

Chúng ta hãy xem xét định luật này theo quan điểm thấp kém. Chúng ta không nên coi thường quan điểm đó, vì có nhiều điều có thể dạy chúng ta, tuy rằng trong khắp mọi cảnh giới, tính cách thấp kém được hiện ra rõ ràng. Chúng ta hãy xem xét định luật này như khi ta thấy được diễn tả trong vũ trụ hữu hình, in dấu trong thiên nhiên, tác động trong cảnh hồng trần, trung giới và thượng giới, bao gồm không những sự liên quan giữa những sinh linh như chúng ta thường thấy nơi hạ giới, mà còn có sự liên hệ đến những sinh vật khác thuộc về những cảnh giới bao vây xung quanh ta. Chúng ta hãy ngừng lại chốc lát ở quan điểm thấp này trước khi tiến lên cao, nơi này ta cũng còn học được một bài học quý hoá và đây đây ánh sáng giúp ta đi qua được sân ngoài.

Trong cõi hạ giới, sự hy sinh có thể được coi như là sự giúp đỡ lẫn nhau, sự quay chuyển không ngừng bánh xe đời, trong đó mỗi người thụ nhận và ban rải ra - con người không thể tránh sự không thụ nhận, và không thể khước từ sự không ban ra. Nếu chư huynh xem trong chốc lát sự hy sinh theo quan điểm thấp kém, thì hy sinh đối với chư huynh là làm quay chuyển bánh xe đời không

ngừng. Mọi vật đều dự phần vào đó, dù một cách hữu ý hay vô tâm. Sự hợp tác của chúng có tính cách hữu ý nhiều hay ít là tùy theo chúng đã tiến hoá đến đâu. Sự hy sinh theo cách đó đã được trình bày rõ rệt, còn rõ rệt hơn là ở bất cứ nơi nào khác, trong kinh Bhagavad Gita (khúc ca của Thượng Đế), một trong những thánh kinh của Ấn Độ, nói về bánh xe của sự sống trong đó chư huynh biết được điều cần biết, là cách thức hợp nhất sự hy sinh với hành động. Thượng Đế, Vị Sư Phụ cao cả nói:

“Thế gian bị ràng buộc bởi mọi hành động nào mà không có sự hy sinh làm mục đích. Vậy hỡi con cái của Kounti,<sup>12</sup> trong khi hành động nhà người phải lấy sự hy sinh làm mục đích và tự giải thoát ra khỏi mọi điều ràng buộc.”

Ngược dòng thời gian để hoàn thành sự tuần hoàn của sự hy sinh do sự giúp đỡ lẫn nhau, đại Từ Phụ nói tiếp:

“Trong thời gian xưa, xa xôi, sau khi đã do một hành động hy sinh khiến cho nhân loại tự bản thể Ngài sinh ra, Thượng Đế, Chúa Tể của sự sinh hoá nói: “Do việc này, các người sẽ sinh con cái, truyền

---

<sup>12</sup> Kounti: Mẹ của 3 vị thần minh Ardjouna, Bhima và Souddhichthrita.

tử lưu tôn; đối với các người việc này là kamaduk (nghĩa là dòng sữa của dục vọng); các người hãy lấy mà nuôi dưỡng những thần minh; cầu mong các thần minh cũng lấy đó mà nuôi dưỡng các người. Tự nuôi dưỡng lẫn nhau như thế, các thần minh và các người sẽ có được an phúc tối cao. Vì các thần minh được sự hy sinh nuôi dưỡng, sẽ ban cho các người những điều mà các người mong muốn thụ hưởng.” Thật vậy, kẻ nào thụ hưởng những món của thần minh ban phát cho mà không có gì để trả lại các Ngài, thì kẻ đó chính là một tên trộm cắp.... Các sinh vật cần có đồ ăn mới sống được; nhờ có mưa mới có đồ ăn; nhờ hy sinh cúng lễ mới có mưa; nguồn cội của hy sinh là hành động. Biết rằng sự hy sinh phát sinh từ đức Brahma, đức Thượng Đế và nguồn cội của đức Thượng Đế là Brahman, trường tồn bất diệt, Ngài thấm nhuần vạn vật, thế nên Ngài vẫn có mặt trong sự hy sinh. Kẻ nào ở cõi hạ giới này mà không tuân theo sự vận chuyển tuần hoàn của sự sống thì sẽ phạm tội trong cách sống của mình, mặc dù sung sướng theo giác quan, kẻ đó đang sống một cuộc đời vô ích.”<sup>13</sup>

Chư huynh có trước mặt cái bánh xe luân chuyển của sự sống, làm ra nền tảng của sự hy sinh trong

---

<sup>13</sup> *Bhagavad Gita*, iii,9-16.

các tôn giáo. Tôn giáo càng tinh khiết, càng cao thượng bao nhiêu thì ý niệm hy sinh thấm nhuần lại càng tinh khiết và cao thượng bấy nhiêu. Chư huynh hãy chú ý, ở đây, chúng ta đã thấy tư tưởng luyện kim là luôn luôn biến đổi đã thực hiện đến mức độ nào. Đồ ăn biến thành những sinh vật, nhưng muốn có đồ ăn thì phải có mưa, muốn có mưa thì phải cúng kiến thần minh và thần minh sẽ nuôi dưỡng các sinh vật.

Chư huynh luôn luôn gặp sự vận chuyển rõ ràng theo vòng tròn này trong những tôn giáo cổ, thời xưa. Thí dụ: Người Bà La Môn ném lễ vật vào lửa, vì người ta nói: Thần Agni (Hoả Đức Tinh Quân) là miệng của các Đấng thần minh. Ngày xưa, người ta ném lễ vật vào lửa và đọc những câu thần chú, những câu chân ngôn<sup>14</sup> do những Vị minh triết đặt ra, các Ngài cho những lời nói của câu thần chú có ảnh hưởng đối với những mãnh lực thấp của thiên nhiên, cách dâng lễ vật như vậy khiến cho những sức mạnh thiên nhiên (mưa gió) được thuận hoà, ảnh hưởng đến trái đất, sinh ra rau trái, thực phẩm cho con người. Tuy dâng lễ

---

<sup>14</sup> Thần chú đây là một phương thức cầu đảo mà người ta đọc trong khi dâng lễ vật cúng tế. Những lời nói trong khi hành lễ của Cơ Đốc Giáo là những câu chân ngôn đối với người Ấn Độ.

vật này chỉ là một hành động tượng trưng, nhưng tượng trưng cho điều có thật, và sức mạnh được thốt ra tự miệng của nhà tu sĩ hành lễ tinh khiết cũng có thật nữa. Sự tượng trưng này dạy cho dân gian biết đời sống chuyên động theo vòng tròn, họ phải hiểu trong bản chất của nó, sự hành động phải là sự hy sinh, và tất cả mọi hành động đều bắt buộc phải có tính cách hy sinh, nói theo cách khác, ta phải hành động vì đó là điều lành, chớ không phải vì lý do nào khác; phải hành động để cho con người được điều hoà với định luật; phải hành động vì đây là cách con người ứng đối với định luật, đó là phần cộng tác trong công nghiệp chung. Theo thuyết này thì sự hy sinh là sợi dây bằng vàng liên kết vạn vật trong thế giới hữu hình này. Và hành động là căn bản của sự hy sinh, hành động phát sinh nơi đức Thượng Đế sáng tạo, Ngài tự biểu lộ trong vũ trụ, nên người ta nói rằng Brahman, đức Thượng Đế ngự trị trong mỗi sự hy sinh. Từ đó mỗi bốn phận đều được coi như là một bốn phận đối với thế gian, không ham muốn gì cho cá nhân mình, không muốn điều lợi ích riêng tư, không mong mỏi kiếm được cái gì cho bản ngã chia rẽ - chính ở bản ngã này ta thấy lộ ra lý do thấp hèn ti tiện, ích kỷ ngự sau sự hy sinh - Đó là đặc tính của sự luyện kim, nó góp sức làm quay bánh xe của đời sống, làm đầy đủ bốn phận mình

vì mến yêu bốn phận, biến hoá sự hành động thành một sự hy sinh, đốt cháy những sợi dây ràng buộc của dục vọng và giải thoát con người đã được giác ngộ. Được ngọn lửa minh triết tinh luyện như vậy, sự hành động không còn ràng buộc được linh hồn nữa. Linh hồn hợp tác với Thượng Đế trong thiên nhiên, và mỗi hành động được hiến dâng lên bàn thờ của bốn phận đều trở thành một sức mạnh làm quay chuyển bánh xe của đời sống, nhưng không còn có thể trói buộc linh hồn được nữa.

Sự trao đổi bất biến, sự giúp đỡ lẫn nhau này là hình thức của định luật hy sinh. Sự biến đổi đã xong, việc làm đã được thực hiện như là bốn phận, thì trở nên thành phần sự điều hoà của vũ trụ, thúc đẩy sự tiến hoá và giúp cho nòi giống tiến bộ một cách rõ ràng. Công việc của tân tín đồ ở sân ngoài là tự luyện tập lần lần để hành động trong tinh thần hy sinh đó, hiểu rõ ràng rằng làm như vậy mà không tìm kiếm, không mong mỏi một mỗi lợi gì, không nài xin một phần thưởng nào, làm việc vì bốn phận, chớ không vì một lý do nào khác. Hành động như vậy là thực hiện khoa luyện kim tinh thần, tinh luyện mỗi hành động trong ngọn lửa của sự minh triết; vì đã tự điều hoà một cách có ý thức với thiên ý trong vũ trụ hữu hình



đề trở thành một sức mạnh thúc đẩy sự tiến hoá, một năng lực nâng đỡ sự tiến bộ. Tất cả nhân loại đều hưởng được quả tốt của sự hành động này; nếu nó không có tính cách hy sinh thì sẽ chỉ đem lại cho kẻ chủ động một kết quả cá nhân mà thôi, và kết quả này, đến lượt, lại trở thành sợi dây ràng buộc linh hồn, làm giảm bớt những khả năng tiềm tàng trong điều thiện. Đó là lối tác động của định luật hy sinh được xem xét theo quan điểm thấp kém.

Nay ta hãy nghiên cứu trên quan điểm cao siêu. Để tránh mọi sự hiểu lầm, tôi cố gắng trình bày vấn đề một cách cẩn thận, minh bạch, vì tôi biết sự lầm lộn có thể sinh ra rất dễ dàng, nếu sự trình bày của tôi khiếm khuyết, và đó là lỗi của tôi, tôi phải chịu trách nhiệm. Tôi muốn ngưng lại một chút ở bản tính của sự hy sinh và tìm kiếm cùng với chư huynh xem thiệt ra nó là gì. Đây là tư tưởng tôi xin chư huynh có ngay lúc ban đầu là xem xét sự hy sinh trong bản chất sâu kín, theo quan điểm của ta khi ta càng sống một cuộc đời thiêng liêng thánh thiện hơn, theo tôi dường như hy sinh có nghĩa là cho ra, ban rải ra phía ngoài. Lý do là ý muốn cho ra, tinh hoa của bản chất là muốn ban rải ra ngoài một vật sở hữu, một vật mà người chủ rất quý trọng, vì đó là một báu vật nên

người sở hữu muốn ban phát để giúp đỡ và làm vui lòng kẻ khác.

Vậy lần này, từ một quan điểm nội tâm, chớ không phải theo bề ngoài, ta phải coi sự hy sinh trong thiên nhiên như sự cho ra, sự ban rải ra ngoài để làm cho kẻ khác được sung sướng. Vậy sự hy sinh, trong căn bản, là một niềm vui chớ không phải là một nỗi đau khổ; có thể nói đặc tính của sự hy sinh là niềm vui vì được tự hiến dâng.

Chúng ta hãy dẹp lại vấn đề tìm hiểu sự hy sinh được phát sinh ra theo cách nào, sau này ta sẽ bàn đến; bây giờ chúng ta hãy bắt đầu thừa nhận sự hy sinh chính là một sự hiến dâng. Sự hiến dâng này được nảy sinh từ nơi một tâm hồn muốn cho ra, một tâm hồn khao khát tự ban rải ra ngoài, muốn mang trọn vẹn hạnh phúc của mình mà chia sẻ với kẻ khác, chỉ có lý do duy nhất để hành động như vậy mà thôi, đó là ước vọng duy nhất làm sao tự ban rải ra trong tấm lòng kẻ khác để được hợp nhất với họ trong một niềm vui chung. Chư huynh sẽ hỏi tôi: Tại sao trong một niềm vui? Tôi đã xin chư huynh đi theo tôi đến tận trái tim và trung tâm của cõi đời hữu hình này. Tôi đã

dám nói trong một quyển sách khác<sup>15</sup> rằng: Sự hy sinh cao cả là hành động, do đó đức Thượng Đế, tức là đời sống duy nhất, tự hạn định lấy mình, do đó Ngài đã sinh ra Thượng Đế hữu hình, dưới hình thức năng lực. Nay, tôi nhận thấy điều này là lẽ tự nhiên, trong khi nghiên cứu về cách tiến triển và cách hành động của Ngài trong vũ trụ, tôi đã nhấn mạnh nhiều trên một trong những quan điểm, tôi nhận thấy lối xét đoán sự hy sinh như thế đã được coi như là “sự hấp hối của Thượng Đế.” Theo tôi thì “hấp hối” và “Thượng Đế” là hai danh từ mâu thuẫn với nhau. Thượng Đế là gì? Là Thượng Đế hữu hình. Và chúng ta đã thấy trong những kinh sách cổ kính phát sinh từ một khoa thần học rất lâu đời, người ta đã nhiều lần nhắc đi nhắc lại Thượng Đế là niềm chí phước, là hạnh phúc tuyệt vời. Không thể có một quan niệm nào khác được nếu chư huynh rón lấy tư tưởng mà đi đến những gì cao hơn là thế giới hữu hình. Thượng Đế là niềm chí phước, đó là âm thanh chánh yếu của tôn giáo Aryan cổ kính nhất. Trong khi con người tiến lên cao để đi đến Thượng Đế, thế cao nhất để bao bọc linh hồn được gọi là thế chí phước (the sheath of bliss). Chư huynh hãy

---

<sup>15</sup> *La Sagesse Antiquie (Minh Triết Cổ Truyền) chương X: Định luật hy sinh.*

nghiên cứu trong pháp môn Raja Yoga của Ấn Độ về những thể giúp cho linh hồn tự biểu lộ được trong những cảnh giới khác nhau. Chư huynh sẽ thấy khi lìa bỏ cõi hạ giới, linh hồn cởi bỏ những thể thấp hèn. Linh hồn cởi bỏ xác thân, phách, vía, trí. Chư huynh thấy sự luôn tiến lên cao đó, linh hồn càng ngày càng đến gần Thượng Đế - Ngài chính là bản thể của linh hồn - và càng ngày càng tìm được bản chất cốt yếu của mình (phản bản hoàn nguyên) - Chư huynh thấy sau cùng, linh hồn còn một thể duy nhất, cao cả nhất, tế nhị, thanh bai đến nỗi khoác thể này lên mình, linh hồn chỉ hơi khác biệt chút ít với Thượng Đế mà thôi - đó là tấm màn che trong suốt khiến cho cá nhân được tồn tại, tấm màn cần thiết để chứa đựng trọn vẹn những sự thu hoạch của thời đã qua. Thể này có một tên, đó là thể chí phước (the sheath of bliss), gọi thế để nhắc nhở những ai trong cõi đời này còn vấp vể trong sự vô minh ràng buộc con người, như để nhắc nhở cho mọi người nhớ rằng những sự tiến bộ trong pháp môn Yoga, trong sự hợp nhất với Thượng Đế phải được thực hiện từng giai đoạn một, cho đến khi linh hồn chỉ còn có một mình trong thể chí phước (hạnh phúc tuyệt vời) bao bọc mà thôi. Vì thế, nên người ta nói: “Thượng Đế là chí phước.”

Dù chư huynh hiểu được rất ít về giáo lý cao cả này, chư huynh cũng biết ở những cảnh giới cao cả này, mỗi sự hy sinh đều chỉ là một hành động vui mừng, một hành động tinh khiết đầy hạnh phúc tuyệt vời ban rải ra ngoài. Chính cái tinh hoa của tư tưởng này là - dù tôi có diễn tả nó một cách bất toàn đến đâu, điều này cũng không quan hệ gì - vũ trụ mà được thành hình là do tự niềm chí phước, tự bản tính cao siêu ấy, vì Thượng Đế vô hình, tự ý hạn định nên mới có Thượng Đế hữu hình, mà Thượng Đế hữu hình thì chính là Thượng Đế vô hình vậy. Mục đích của Thượng Đế tự ý hạn định để ban rải hạnh phúc cố hữu của bản thể Ngài, sau khi chu kỳ của sự sống được hoàn tất, có một đám đông những sinh linh cùng nhau chói sáng và vui vẻ, có thể chia sẻ hạnh phúc tuyệt vời của Ngài, chia sẻ niềm chí phước luôn luôn tăng trưởng của Ngài khi chúng càng lại gần Ngài. Chỉ vì màn vô minh bao bọc linh hồn cho nên con người tưởng rằng xa cách Thượng Đế, đó là điều duy nhất khiến cho con người đau khổ!

Theo chư huynh ý niệm căn bản sẽ là: định luật hy sinh có nguồn gốc nơi bản tánh thiêng liêng. Sự hy sinh cao cả sinh ra vũ trụ, chính là thiên nhiên chí phước tự hiến dâng, vì vậy tất cả đều có mục đích chia sẻ, ban rải hạnh phúc. Sau chót, cội

rễ của sự hy sinh của Thượng Đế là niềm vui, vì được tự ban rải ra ngoài để có thể hợp nhất nhiều linh hồn lại với Ngài - hiệu quả của sự hợp nhất này là sự “an lạc tuyệt vời” không thể quan niệm được.

Khi được hiểu rõ, thì ý tưởng này khiến ta nhận thức rõ ràng được định luật hy sinh và nhìn thấy hai khía cạnh của nó: trong sự cho ra, trước nhất có sự vui; nhưng bản ngã thấp hèn lại tham lam hơn là rộng lượng, cho nên theo quan niệm của bản thể thấp hèn, sự hy sinh không ngọt là đau khổ vậy. Chúng ta hãy nhận xét điểm này một cách kỹ lưỡng hơn. Như vậy, chúng ta sẽ tránh được mọi sự mâu thuẫn, và có lẽ sẽ nhận xét sự bí mật cao cả này, tức là định luật hy sinh bằng cặp mắt sáng suốt hơn. Chúng ta nên hiểu sự cho ra là một niềm vui rất cao cả, vì chính là bản tánh của Thượng Đế. Sau chúng ta nên hiểu rằng khi “phản bốn hoàn nguyên” nghĩa là sau khi trở nên thánh thiện, thiêng liêng một cách có ý thức, thì con người sẽ tìm thấy ở nơi mình một niềm vui càng ngày càng lớn, một niềm vui càng ngày càng phong phú đối với kẻ khác. Khi bản tánh cao thượng phát triển thì hạnh phúc hay là niềm chí phước cũng tăng trưởng theo. Sự đau khổ chỉ phát sinh vì sự bất hoà và vì những sự loạn động của

bản ngã thấp hèn - bản ngã này thật ra chỉ là một với Chơn Nhơn, nhưng hiện nay đang bị vô minh đè bẹp và đang bị những ảo ảnh bao vây. Khi xúc tiến sự học hỏi này, chúng ta sẽ thấy sự đau khổ này có mục đích giải thoát chúng ta ra khỏi sự vô minh, tất cả sự tăng trưởng và sự tiến hoá diễn ra có mục đích đánh tan sự vô minh của chúng ta. Đối với chúng ta, sự tiến triển này là sự đau khổ; là những mối lo âu, là những sự chiến đấu - đó là cảm giác thường xuyên của bản ngã thấp hèn. Tuy vậy trình độ tiến hoá của linh hồn, con người thiết thọ, mức độ hoạt động có ý thức của nó, khả năng tự biểu lộ của nó đến mức nào trong phạm tánh, sự kiện đó được nhận định đúng với cách hiểu biết rằng tất cả những sự cố gắng của linh hồn là cứu giúp cõi đời đang chìm đắm trong sự buồn khổ, khi nó tỏ ra vui vẻ và an tịnh.

Rồi lần lần con người sẽ in sâu được quan niệm của Chơn Nhơn mình xuống bản ngã thấp hèn của mình, tinh luyện cho khỏi bị vô minh và mở mắt ra cho thấy sự thật, từ nay sự thật sẽ thay thế cho những vẻ bề ngoài gạt gẫm.

Người ta có thể hỏi một cách hữu lý rằng: tại sao cứ nói đến sự hy sinh là con người thường hay nghĩ đến sự đau khổ? Tại sao hai ý tưởng này lại liên kết đến nỗi mỗi khi nghĩ tới hay đọc tới chữ

hy sinh thì con người có ngay một tư tưởng về sự bị hành tội? Dường như quan niệm sai lầm này có nguyên nhân nơi bản ngã thấp hèn mà những sự hoạt động đầu tiên luôn luôn tìm cách chiếm đoạt, nắm lấy, giữ lấy điều gì cho cái “tôi” riêng biệt chia rẽ. Ở ngoại cảnh, cái “tôi” tìm cách gom góp những kinh nghiệm. Nhưng Chơn Nhơn, con người cao cả chưa được phát triển bao nhiêu, Chơn Nhơn hãy còn có tính cách ấu trĩ nên gần như không có ảnh hưởng đến bản thể thấp hèn. Vì vậy bản ngã này lặn xuống dưới thế giới của sự cảm xúc, giờ bàn tay tham lam ra tứ phía, để giữ lấy tất cả những sự quyến rũ, không hiểu biết về bản tánh của đồ vật, không hiểu biết về hậu quả của những hành vi, chỉ hành động theo vẻ bề ngoài và không biết bộ mặt lòng gạc này chứa đựng những gì bên trong. Những kinh nghiệm đầu tiên, được lặp đi lặp lại nhiều lần nơi bản ngã thấp hèn, nhắm tìm không ngừng những niềm vui giả tạo, và luôn luôn khám phá ra những niềm vui này không làm thoả mãn ta như trước kia ta thường tưởng. Có lẽ chư huynh cũng nhớ rằng trước kia tôi đã giảng giải tỉ mỉ về ý nghĩa và sự hữu ích của sự đau khổ lần lần chỉ cho con người thấy, cùng với một bản chất của định luật, cái tính cách nhất thời, chóng tàn của các dục vọng giác quan và những thú vui riêng của thú tánh.



Như thế, sự đau khổ dẫn dắt chúng ta đến sự hiểu biết; như thế, sự vui sướng cũng dẫn dắt chúng ta đến sự hiểu biết. Khi học biết được hai khía cạnh của đời sống hữu hình, lần đầu tiên linh hồn hiểu biết được sự thật phụ thuộc nữa. Đã có kinh nghiệm có lẽ thường là đau khổ, linh hồn biến kinh nghiệm của mình thành ra sự hiểu biết, rồi lại biến hoá sự hiểu biết ra thành sự minh triết, sự minh triết này từ đây sẽ dẫn lối cho mình. Khi mà sự hiểu biết được thêm nhiều - đó là vật sở hữu của con người thiết thọ - thì Chơn Nhơn đang phát triển bắt đầu hiểu được bản thể của mình; biến hoá sự hiểu biết thành ra minh triết, và từ lúc này, sự minh triết đối với y là một nguồn vui hoàn toàn thuần khiết. Sự minh triết đang phát triển này luôn luôn đi đôi với tâm nhìn sâu rộng hơn, một sự bình tĩnh, sức mạnh cứ tăng trưởng mãi. Vì thế, chấp nhận những gì mà bản ngã thấp hèn cho là đau khổ; vì coi những đau khổ là một nguồn kinh nghiệm. Khi Chơn Nhơn nhìn thấy sự vui sướng mà ta thèm thường khao khát chỉ đem lại cho ta thất vọng và mỗi mệt thì lúc đó liền biến hoá sự hiểu biết này thành ra minh triết. Hiểu theo cách đó, chính sự đau khổ cũng có khía cạnh vui vẻ, vì trong kinh nghiệm này, con người chú ý đến ích lợi đã thực hiện được về sự hiểu biết nơi Chơn Nhơn, chớ không chú ý đến sự đau khổ thoáng

qua của bản ngã thấp hèn; hiểu rằng nhờ tất cả những kinh nghiệm này mà sự hiểu biết và quyền năng tăng trưởng; chọn lựa những kinh nghiệm đó, chọn lựa một cách hữu ý thì luôn luôn có tính cách vui vẻ, vì trông thấy mục đích cuối cùng và sau khi đốt cháy, lửa sẽ chỉ còn để lại vàng ròng cho ta mà thôi.

Bây giờ, chúng ta hãy nhận xét con người vì vô minh nên bị mù quáng nơi cõi hạ giới. Chúng ta hãy thí dụ y phải lãnh những bài học mà thiên nhiên luôn luôn mang ra để dạy, những bài học nghiêm khắc và đau khổ; tìm những thú vui xác thịt không để ý đến những đau khổ đã gây ra cho những kẻ xung quanh, giẫm lên đồng loại mà chiếm lấy đồ vật thềm muốn. Khi nhìn thấy đồ vật ấy tan nát trong tay mình, thì chắc chắn cảm giác đầu tiên là sự đau khổ ghê gớm, sự thất vọng sâu xa, một cảm giác mệt mỏi chán chường. Đứng ở quan điểm này mà nhận xét thì kinh nghiệm đó thật là đau khổ, tuy rằng đứng ở một quan niệm cao cả hơn thì ta nên có sự kinh nghiệm này, vì cho ta sự minh triết, giúp ta có nhiều khả năng hơn để đi sâu vào sự vật của thiên nhiên và hiểu biết định luật một cách rõ ràng hơn; hậu quả của kinh nghiệm là như vậy. Nhưng còn có những điều khác nữa. Bản ngã thấp hèn và Chơn Nhơn

cao cả xung đột nhau. Chơn Nhơn cao cả tự ấn định cho mình một mục đích, muốn đạt mục đích ấy, Chơn Nhơn phải nhờ đến bản ngã thấp hèn, bản ngã này không hiểu Chơn Nhơn muốn gì và không nhìn thấy mục đích như Chơn Nhơn đã thấy. Nếu không có sự hợp tác của bản ngã thấp hèn thì Chơn Nhơn không sao đi tới đích được. Do đó có sự chiến đấu với bản ngã thấp hèn, bản ngã lúc thì ta phải thúc đẩy, lúc thì ta phải kềm hãm. Đối với bản ngã thấp hèn đang bị vô minh bao phủ, tất cả những sự kiện này phát sinh ra một cảm giác khó chịu, vì bị bắt buộc phải lìa bỏ những đồ vật mà ta thèm muốn. Nhưng rồi lần lần, khi Chơn Nhơn cao cả ảnh hưởng đến bản ngã một cách hữu hiệu thì tự bản ngã thấp hèn đó, nảy sinh ra một sự hiểu biết càng ngày càng rõ ràng: “Nên làm một việc như vậy.” Nếu do đó mà bị đau khổ thì cái lợi được hưởng đáng cho ta chịu đau khổ, và nếu có phải cố gắng, có phải đau khổ mới vượt qua được nỗi khó khăn, thì sức mạnh được tăng thêm cho đến đôi, trong niềm vui vì đã thành công, người ta quên mất sự đau khổ nhất thời của sự gắng sức. Khi linh hồn phát triển, trong cái trí, trong sự khôn ngoan của con người, có hai việc được thực hiện - và điều này cũng xảy ra đối với bản ngã thấp hèn nữa; tự ý mình, con người tự lựa chọn lấy mục đích khó đạt được, vì thấy mục đích

này hết sức tốt đẹp - Tuy nhiên, muốn đạt được, phải hy sinh vài thứ dục vọng thấp hèn. Vậy phải hy sinh chúng và đốt cháy chúng trong ngọn lửa của sự hiểu biết. Rồi y nhận thấy cùng một lúc, cũng đốt cháy những chướng ngại và những sợi dây ràng buộc, đốt cháy những nhược điểm ngăn cản không cho tiến bước; và có cảm giác rất phồng, thoát đầu đau đớn, chỉ là hiệu quả của ngọn lửa đốt những xiềng xích của mình. Vậy rất vui mừng mà nhận lấy sự giải thoát này. Kinh nghiệm lặp đi lặp lại nhiều lần, và con người càng ngày càng trông thấy sự giải thoát và bớt đau khổ; phải trả giá sự giải thoát bằng sự đau khổ! Vậy theo quan điểm nội tâm, sự đau khổ được biến đổi thành sự vui mừng, và chính ở nơi đây thuật luyện kim tinh thần đang tác động. Con người thấy trong khi bản chất cao cả nhập với bản thể thấp kém, thì cái bản thể trên giúp cho bản chất dưới chia sẻ được với mình niềm vui và hưởng thụ được hạnh phúc tuyệt vời một cách sâu xa hơn; hạnh phúc này không bao giờ thay đổi và luôn luôn tăng trưởng. Khi linh hồn đi đến gần cửa thánh điện, mục đích của tất cả những bài học ấy hiện ra rõ ràng, bắt đầu nhận thấy tất cả những bài học đó đều nhằm giải thoát linh hồn ra khỏi những ràng buộc - những dây ràng buộc này là nguyên nhân duy nhất của sự đau khổ, vì chỉ

chúng ngăn cản, không cho linh hồn hợp nhất với anh em của nó là những linh hồn khác, và hợp nhất với Thượng Đế. Khi sự tin chắc như thế càng ngày càng thêm, khi bản thể thiêng liêng tức là Chơn Nhơn càng tự ban rải ảnh hưởng xuống, thì người ta sẽ luôn luôn cảm thấy một nguồn vui thiêng liêng trong sự huỷ diệt những điều kiện hạn chế, người ta sẽ thấy nguyên do của sự đau khổ chỉ là sự chia rẽ, mà nguồn cội của sự chia rẽ là sự vô minh, và một khi tiêu diệt được sự vô minh thì tự nhiên sự đau khổ cũng sẽ chấm dứt ngay. Còn một điều nữa: Khi ta nhìn được những sợi dây trói buộc chỉ là những ảo ảnh, hữu danh, vô thực, không thể tồn tại được trong cảnh giới của Chơn Nhơn, thì Chơn Nhơn liền quả quyết bắt đầu biến hoá những năng khiếu của bản ngã thấp hèn, và do hành động tinh thần hoá này mà tinh luyện chúng, như tôi đã nói ở đoạn trên.

Chúng ta lấy một vài thí dụ và nhận xét công việc biến hoá này được thực hiện như thế nào. Trước hết, chúng ta hãy tìm học về một trong những nguồn cội lớn nhất của sự đau khổ nơi hạ giới này, là tìm kiếm thú vui cho cái tôi riêng biệt, không chú ý đến những ý muốn và tình cảm của kẻ khác - dục vọng muốn thụ hưởng một mình, thụ hưởng trong phạm vi chật hẹp, xa cách hẳn cõi đời bên

ngoài, một phạm vi để dành riêng cho sự thoả mãn của cái “tôi” thấp hèn. Linh hồn sẽ cư xử ra sao đối với cái bản năng cứ thúc đẩy ta đi tìm thú vui. Bản năng này có một yếu tố gì mà ngọn lửa có thể tinh luyện và biến hoá được không?

Sự tìm kiếm thú vui luôn luôn có sự đau khổ đi theo sau, có thể trở thành khả năng ban rải sự vui mừng và chia sẻ với tất cả mọi người điều mà một người đã hoạch đắc được. Linh hồn sẽ khám phá ra có thể thực hiện sự biến hoá này bằng cách loại bỏ dần dần yếu tố chia rẽ trong cái bản năng cứ muốn kiếm thú vui nơi ngoại giới, luôn luôn cố gắng xua đuổi ý muốn tự độc chiếm, bằng cách làm đổ bức tường vô minh nhỏ bé bao vây linh hồn trong những cõi hạ giới này, nơi đó linh hồn đang tự biểu lộ bằng cách đốt cháy bức tường thấp kém có thể ngăn cách linh hồn với kẻ khác. Cứ làm như vậy cho đến khi mỗi lúc tưởng tượng và thu lượm được một thú vui, bản ngã liền tự ban rải ra ngoài, giữa các huynh đệ và chia sẻ với họ niềm hạnh phúc mà nó đã tìm thấy. Làm như vậy, không mất đi gì cả, vì tuân theo định luật, linh hồn tìm thấy một niềm vui sâu xa. Trong thế giới mà định luật ngự trị khắp mọi nơi, nếu ta sống điều hoà với định luật thì chắc chắn ta sẽ được sung sướng và yên ổn. Chỉ có một âm phù sai điệu cũng

đủ chỉ cho ta thấy không có sự điều hoà với định luật. Nhưng linh hồn đang được phát triển này, nhận biết mình đã hoạch đắc được đôi ba mảnh lược, đôi ba kiến thức, đôi ba chân lý thiêng liêng sẽ có thói quen cảm biết nỗi vui thiết thọ của sự sở hữu không phải là sự chiếm hữu, mà chính là sự ban rải, và việc linh hồn phải làm là đập đổ tất cả những bức tường mà xưa kia chính tay đã xây dựng, khi hãy còn vô minh để cho niềm vui có thể toả rộng một cách tự do, xuyên qua thế giới của loài người và loài vật. Bản năng hay tìm kiếm thú vui có thể biến đổi thành khả năng ban rải sự vui mừng; con người xưa kia đã tìm thú vui trong cảnh riêng rẽ, nay sẽ hiểu rằng: chỉ chia sẻ cho kẻ khác thì ta mới vui được, và những của cải đáng thu thập là những của cải mà người ta có để ban rải ra mà thôi. Sự vui mừng vì được cho ra, thật vậy, đó là sự hy sinh thiết thọ, sự ban rải tràn trề mọi điều cho tất cả mọi người, nếu không ban rải như vậy thì những vật sở hữu sẽ không có giá trị gì cả, vì chứa đựng trong một cái “tôi” riêng biệt. Chúng ta hãy lấy một cảm tình khác làm thí dụ, cảm tình này có thể được thay đổi cũng nhờ thuật luyện kim tinh thần ấy; cảm tình ấy là bản năng đi tìm thú vui, vì riêng chữ “tình yêu” đã ít nhất bao hàm ý tưởng cho ra, nếu không thì đâu phải là tình yêu! Nhưng tình yêu có thể rất ích kỷ, tìm

cách thụ hưởng hơn là cho ra, trước hết nghĩ đến cái gì, mà những vật yêu thương mang lại, chớ không phải cái gì có thể ban cho chúng. Chính vì điểm muốn được lời nên tình yêu này có những nét đáng buồn của sự độc quyền, của tật ghen tuông, của ý muốn xua đuổi kẻ khác ra phía xa, có ý muốn giữ lại cho riêng mình, và tôi có thể nói muốn lấy cái mái nhà mà úp chụp lên mặt trời, để mặt trời chỉ soi sáng riêng nhà mình thôi, và khiến cho mọi nhà khác không được hưởng những tia sáng nhân từ đó. Tình yêu ích kỷ này, ta phải làm cách nào để tinh luyện? Chắc chắn không phải bằng cách thu hẹp lại như một số người đang tìm cách làm, không phải bằng cách làm cho nó trở thành lãnh đạm hơn, cứng rắn hơn, vì tình yêu không bao giờ có thể trở nên lãnh đạm và cứng rắn được. Phải tinh luyện bằng cách khuyến khích tình yêu và đồng thời phải loại bỏ ra ngoài những yếu tố ti tiện. Phải coi chừng bản ngã thấp hèn, khi mới bắt đầu xây dựng lên một bức tường chia rẽ nhỏ, thì ta phải đập tan bức tường ấy ngay; nếu muốn giữ lấy một mình đồ vật quý báu, đẹp đẽ, ta phải tìm cách chia sẻ đồ vật ấy ngay với kẻ khác; nếu muốn cho kẻ khác không có đồ vật mà ta yêu dấu, ta phải ban rải đồ vật ấy ngay ra ngoài và chia sẻ với kẻ khác. Linh hồn hiểu rằng phải chia sẻ với người khác điều gì phát sinh ra mỹ lệ và



vui mừng, để có thể nếm được hạnh phúc mà xưa kia chỉ có một người tìm thấy được ở đồ vật mến yêu. Như vậy, tất cả những yếu tố thô trược sẽ dần dần biến mất. Nếu lòng ích kỷ mới vừa nảy sinh sẽ bị dẹp qua một bên ngay. Tánh ghen tị có bắt đầu nảy nở, nó sẽ bị chặn đứng lại ngay. Vì thế nơi nào trước kia có ý nghĩ: “Chúng ta hãy ở riêng rẽ một mình và thụ hưởng,” người ta sẽ thấy một tư tưởng khác được nảy sinh: “Chúng ta hãy cùng nhau đi khắp thế gian và chia sẻ với những người khác niềm vui mà chúng ta đã cùng nhau tìm kiếm được.”

Như thế, theo thuật luyện kim đá, tình yêu sẽ biến đổi thành lòng từ bi thiêng liêng và tự ban rải ra khắp nhân loại, và kẻ xưa kia đã ưa thích thu nhận những món quà của vật mình yêu, nay lại hết sức vui mừng ban rải cho mọi người những điều mà y đã tìm được. Có thể xưa kia tình yêu này ích kỷ. Đã hợp nhất một người nam với một người nữ. Rồi được mở rộng ra mà bao gồm phạm vi gia đình, xã hội và đời sống của dòng giống, sau cùng sẽ lan rộng và bao quát cả mọi sinh linh, trong một vũ trụ mà mọi vật đều chứa đựng sự sống. Tình thương này không hề mất vẻ sâu xa, nồng nàn, nhiệt thành và sốt sắng; nhưng được lan rộng ra khắp vũ trụ, thay vì tập trung vào một

tâm lòng thôi; sẽ thành một đại dương của sự từ bi bao gồm tất cả mọi sinh linh biết cảm xúc. Phép luyện kim tinh thần được áp dụng vào tình thương là vậy.

Chư huynh có thể theo lối này mà lần lượt lấy tất cả những tánh của bản ngã thấp hèn và tinh luyện chúng. Nói tóm lại phương pháp này nhằm việc tự giải thoát ra khỏi tánh chia rẽ và lấy ý chí, sự hiểu biết và tánh phân biệt mà tiêu diệt. Chư huynh cũng sẽ thấy trọn cả công việc này là một niềm vui cho Chơn Nhơn, cho con người thiết thọ, tuy bản ngã thấp hèn, trong khi mù quáng, có thể tỏ ra vô minh. Khi tin chắc được như vậy, điều mà ta gọi là đau khổ sẽ mất vẻ cực nhọc, khó chịu và trở thành một niềm vui.

Nơi mà trước kia, có cảm giác đau khổ ngự trị, thì nay niềm vui đang tràn lan và biến đổi sự đau khổ, vì linh hồn đã nhìn thấy, và bản ngã thấp hèn đã bắt đầu hiểu được cứu cánh và mục đích của kiếp người.

Khi tiếp tục nghiên cứu như vậy, chúng ta thấy sự biến hoá này còn có thể thực hiện theo một lối khác. Khi ngọn lửa minh triết và mến yêu, bản tánh thiêng liêng nơi con người càng ngày càng thấm nhuần bản ngã thấp hèn và đốt cháy mọi giới hạn mà tôi vừa nói, biến bản ngã thấp hèn

giống hệt hình ảnh của bản tánh thiêng liêng, Chơn Nhơn liền tự biểu lộ ra nơi bản ngã thấp hèn, những năng lực và những năng khiếu hình như được phát sinh từ sự tiến triển mà chúng ta đã nghiên cứu, đó cũng là một sự lạ lùng. Nhờ thuật luyện kim đã có sẵn trong thiên nhiên, khi linh hồn do ngọn lửa mến yêu và minh triết mà tự biểu lộ trong nhân loại, thì dường như chỉ một việc đốt cháy những yếu tố thấp hèn cũng đủ khiến cho ở một cảnh giới cao hơn, có một số thần lực tế nhị, thanh bai được phóng ra.

Hiệu quả của sự đốt cháy này là giải thoát cho đời sống tinh thần, giải thoát điều mà trước kia bị trói buộc, không thể tự biểu lộ ra được, nay vì cái vỏ bên ngoài đã bị đốt cháy nên điều đó sẽ sẵn sàng tác động một cách mạnh mẽ trong thế gian. Trong khi linh hồn vượt lên đến những cảnh giới cao siêu hơn, nơi đó càng ngày càng nhìn thấy rõ ràng, sự hợp nhất với vạn vật, chúng ta liền hiểu được một cách mơ hồ rằng còn có một chân lý vĩ đại nữa. Vì đã được hợp nhất với các linh hồn khác, nên linh hồn ta có thể chia sẻ với mọi người những điều mà ta có và giúp đỡ theo nhiều đường lối; bằng sự hy sinh vui vẻ, có thể cho ra những vật sở hữu mà đáng lẽ giữ lại cho mình, nhưng vì đã hợp nhất với vạn vật nên phải mang ra mà ban

phát cho đời. Theo đó, những kết quả của công phu luyện tập, khả năng an dưỡng tinh thần, sự hưởng được chí phúc, và sự phát triển tinh thần, thật ra thì mấy điều này không san sẻ cho ai được; nhưng linh hồn từ khước chúng do một hành động vui vẻ và cần thiết hầu để cho thành ra của cải chung cho nhân loại để thúc đẩy sự tiến hoá.

Người ta nói với chúng ta về những đệ tử hy sinh, không màng lên cõi thiên đàng, các vị Chơn Tiên hy sinh từ khước cảnh niết bàn. Vậy chúng ta phải hiểu - mặc dù chúng ta cảm thấy điều này một cách mơ hồ - tất cả những vị này đã hợp nhất với các huynh đệ của mình cho đến mức chia sẻ kết quả của những sự cố gắng của các Ngài với kẻ khác là một bổn phận thiêng liêng của các Ngài vậy; phần thưởng thiệt thòi của các Ngài không phải là niềm vui ở thiên đàng, không phải là những hạnh phúc tuyệt vời không thể tưởng tượng được ở cảnh niết bàn, các Ngài chỉ muốn hưởng một niềm vui duy nhất: cởi bỏ những sở hữu của các Ngài, cởi bỏ tất cả những gì mà các Ngài có thể thụ hưởng, đặt chúng vào một nơi để làm của chung cho tất cả mọi người. Theo lối đó, các Ngài thúc đẩy sự tiến hoá tổng quát; các Ngài dự một phần vào công việc thúc đẩy sự tiến bộ

của nhân loại trong đó các Ngài cũng là những phần tử.

Bây giờ chúng ta lại thấy một chân lý khác, chúng ta bắt đầu hiểu được cách thức giúp đỡ một người nào đó. Khi một người bị quả báo dồn dập mà chính y đã tạo nên, khi một định luật nghiêm khắc khiến cho linh hồn y phải chịu đau khổ - vì chính xưa kia đã gieo cái nhân - đối với ai mà trước mắt không còn trông thấy sự chia rẽ nữa và đã biết ở trên cảnh giới cao siêu của thực tại, mình được hợp nhất với linh hồn đang đau khổ, vì đó có thể, không phải là tự mình hứng chịu lấy sự đau khổ ấy, hứng lấy cái quả không thể nào tránh khỏi, để cho con người đã gieo nhân kia khỏi phải chịu quả báo nặng nề, nhưng vị đó có thể đứng ở bên cạnh người đang gặt quả báo, và tiếp cho một sức mạnh, một nguồn sống, một sự hiểu biết mới mẻ. Như vậy người ta có thể giúp đỡ linh hồn đau khổ trong khi đang phải trả quả báo nặng nề, bằng cách ảnh hưởng, không phải đến bản tánh của quả báo, mà ảnh hưởng đến cái thái độ của kẻ phải trả quả, không phải bằng cách biến đổi gánh nặng, mà chính là biến đổi những mãnh lực của linh hồn dùng để chịu đựng được gánh nặng ấy. Một trong những niềm vui cao cả nhất, một trong những phần thưởng cao quý nhất mà linh hồn đang phát

triển có thể nhận được - linh hồn này không đòi hỏi một điều gì cho riêng mình, ngoại trừ khả năng được phụng sự - khi gặp một linh hồn khác yếu đuối hơn đang bị bản chất yếu đuối đó đè bẹp thì linh hồn đang phát triển có thể truyền qua linh hồn yếu đuối này một chút lòng can đảm cao siêu, khiến cho gánh nặng trở nên nhẹ nhàng, khiến cho hiểu biết, vì vậy mà hy vọng có cùng sức mạnh để chịu đựng mọi sự. Khi linh hồn yếu đuối được cứu giúp, có đủ sức mạnh để làm tròn phận sự của mình. Sự cứu giúp này không giải thoát cho linh hồn khỏi mang gánh nặng mà tự tay đã tạo ra, mà chính mình phải gánh vác lấy, vì điều này hữu ích, nhưng sự cứu giúp này truyền đạt cho linh hồn yếu đuối một sức mạnh phát sinh từ sự thông hiểu mọi điều. Nhờ sức mạnh này, sự đau khổ của một hình phạt bỗng biến thành một sự an phận trầm lặng chịu đựng những nỗi đau đớn có sức giáo hoá con người. Một linh hồn được giúp đỡ như vậy trở nên vui vẻ, dù phải chịu đựng sức nặng của quả báo. Món quà này làm cho trở nên mạnh mẽ. Ấy là sự sống thiêng liêng đã chiếu rọi, phát sinh từ cảnh giới cao siêu nơi đó tất cả những linh hồn đều chỉ là một. Ở cảnh giới này luôn luôn tràn ngập thần lực, thần lực này thành ra sự giúp đỡ mạnh mẽ do những sự hiến dâng không ngớt của những vị đã khám phá ra được niềm vui thiêng

liêng của sự cho ra. Đối với các Ngài phần thưởng duy nhất của các Ngài là được nhìn thấy các em nhỏ tiến lên đến ánh sáng mà các Ngài đã đạt được.

Nhưng nếu quả thật như vậy, tại sao ta lại có một tư tưởng thường hay quấy nhiễu mà chúng ta đều biết. Chắc chắn là người ta đã nói điều đó với kẻ chí nguyện; ngay từ lúc khởi đầu những sự thử thách trong thời kỳ chuẩn bị đã cảm thấy tư tưởng đó rồi, có lẽ đã tưởng rằng tư tưởng này chỉ ngự trị trong sân ngoài mà thôi, khi vừa bước qua khỏi cửa. Tại sao đường đạo lại bị gọi là “con đường đau khổ,” nếu mỗi khi tiến lên một bước, một niềm vui thiêng liêng càng ngày càng chói sáng? Tuy nhiên, người ta có thể giải nghĩa từ ngữ này một cách dễ dàng. Như vậy, chỉ cần hiểu trước hết, con đường này có vẻ đau khổ đối với ai. Phải hiểu sự leo ngay lên sườn núi, ý chí quả quyết tiến lên cao một cách nhanh chóng, lòng nhất quyết phải vượt qua mức tiến hoá bình thường của nhân loại - lẽ tự nhiên sẽ khiến ta tập trung trong vài ba kiếp ngắn ngủi những kết quả, nếu ta không cố gắng như thế, sẽ phân phối ra trong nhiều kiếp luân hồi. Quả báo của dĩ vãng đột nhiên tuôn xuống, vì giờ đây, linh hồn phải đương đầu và trả quả trong một thời gian thật ngắn, và những nỗi

khó khăn sẽ nổi lên một cách đáng sợ và mãnh liệt. Sự tấn công đầu tiên này có thể vô cùng tàn bạo khiến ta ngạc nhiên, có một sức mạnh khiến ta phải lấy làm lạ lùng và khiến cho linh hồn phải đau khổ đến một mức mà xưa kia chưa bao giờ ngờ tới được. Nhưng ngay ở lúc đó, không phải linh hồn đang thật sự chịu đựng sự đau khổ đâu, đó là cái bản ngã thấp hèn hầy còn mù quáng và luôn luôn bị Chơn Nhơn cao cả thúc đẩy phải luôn luôn tiến về phía trước. Ngay ở trong giờ phút bị thử thách một cách đau đớn, khi tất cả những quả báo đã tích trữ trong biết bao nhiêu tiền kiếp bỗng nhiên rơi tới tấp lên đầu một kẻ có gan dạ dám kêu gọi quả báo đến. Ngay chính lúc đó, linh hồn vẫn luôn luôn an tịnh, vui vẻ mà thực hiện một cách lẹ làng việc, mà chẳng vậy, phải kéo dài trong nhiều kiếp tái sinh, vì linh hồn đã nhắm mắt theo một đời sống duy nhất mà cho là chánh đáng.

Cho nên, khi nhận xét từ dưới nhìn lên thì con đường này bị gọi là “con đường đau khổ.” Cũng bởi vì khi con người đặt chân lên con đường đó, thì từ bỏ biết bao nhiêu là sự vật, chúng là những thú vui, theo mắt của người đời: thú vui xác thịt, thú vui thế tục, những lạc thú đủ loại; mà đối với biết bao nhiêu người thì chúng là những bông hoa mọc ở hai bên vệ đường đời. Nhưng linh hồn đã



nhất quyết lên cao không còn thích những thú vui ấy nữa, không còn ham muốn chúng; tìm kiếm những thú vui trường tồn, không bao giờ phai nhạt. Từ phía ngoài nhìn vào, con đường này dường như là con đường đoạn tuyệt, dứt bỏ, nhưng nhìn từ một quan điểm bên trong, thì sự đoạn tuyệt này là sự vui mừng, sự an lạc và hạnh phúc được tăng trưởng. Vì người ta không đón rước sự đau khổ đến vì thích chịu đau đớn, mà người ta chỉ loại trừ một hạnh phúc phù du để có được hạnh phúc tuyệt vời bất diệt, mang những sự vật mà những hoàn cảnh ngoại giới có thể cướp mất của chúng ta, và đổi chúng lấy những sự quý báu nội tâm, những vật sở hữu của linh hồn, những kho tàng mà không một tên trộm nào có thể rò mó tới được, những niềm vui mà không một biến cố hồng trần nào có thể làm giảm bớt, phá quấy hay làm cho lu mờ.

Khi linh hồn càng tiến bước trên đường đạo, niềm vui càng ngày càng trở nên sâu xa hơn, vì ngay lúc đầu, sự phiền não đã chứng tỏ rằng nguồn cội là sự vô minh. Dĩ nhiên, trước khi được hiểu biết, con người phải chịu cay đắng và đau khổ; nhưng nguồn cội của đau khổ là sự vô minh, sự mù quáng. Vì thế cho nên sự buồn rầu ám ảnh những người có lẽ vì buồn rầu ấy nên mới đi tìm đường

đạo, khi nhìn khắp nhân gian thấy đâu đâu cũng đây đây sự khốn cùng và khổ não, một nỗi buồn làm cho lòng se thắt lại; khi nhìn thấy những người nam, người nữ cùng các trẻ em phải đầu thai xuống cõi hạ giới này để chịu đau khổ, cứ cách 100 hay 1.000 năm, khi nhìn thấy con người phải đau khổ mà không hiểu duyên do vì đâu đau khổ, vì bị sự vô minh thúc giục, châm chích, sự vô minh này chính là nguyên do của sự đau khổ! Khi nhìn vào thế giới bị những bóng tối bao phủ, nhìn vào nhân loại đang vùng vẫy và bị siết chặt trong sự vô minh, những ai sau này sẽ trở nên những Đấng cứu thế cảm thấy tất cả những nỗi cùng khổ của cõi đời này, cũng có ý muốn tìm con đường giải thoát để cứu đời. Khi nghiên cứu trong dĩ vãng về tiểu sử các Đấng cao cả ấy; trong dĩ vãng, chư huynh có bao giờ lưu ý đến vài ba tia sáng mà lịch sử hay truyền thuyết đã phóng ra để làm sáng tỏ đời sống của các Ngài trong thế giới loài người chẳng? Chư huynh có bao giờ chú ý đến sự việc này chẳng: trước khi tìm thấy ánh sáng, các Ngài phải trải qua giai đoạn khắc khoải lo âu? Sự khắc khoải lo âu này có căn nguyên ở sự bất lực, là tiếng vang của những sự buồn rầu mà các Ngài đã phải chịu đựng, nhưng vô phương cứu chữa. Nếu chư huynh nhận xét về nỗi đau khổ của một vị siêu nhân mà ngày nay cả trăm triệu con người tôn

kính như là một Đấng cao cả nhất, như là bông hoa của chính nhân loại chúng ta, nỗi đau khổ của đức Phật mà hiện giờ được 1/3 nhân loại sùng bái, tôi xin hỏi chư huynh có nhớ Ngài đã tìm kiếm cội rễ sự đau khổ theo cách nào? Ngài đã tham thiền như thế nào về sự vô minh và nỗi khốn cùng của thế gian mà Ngài không tìm thấy phương cứu chữa? Có lẽ câu nói này là một câu nói bóng dáng. Ngài đã lìa vợ con, bỏ lầu đài cung điện, bỏ gia đình, bỏ sơn hà xã tắc như thế nào? Ngài đã ra đi như thế nào, chỉ mang theo một cái bình bát, cô đơn, dấn thân vào rừng sâu hiu quạnh; vì lúc đó Ngài chưa được tỏ ngộ nên tấm lòng Ngài phải nặng trĩu vì đau khổ như thế nào? Người ta nói lại với chúng ta lúc đó Ngài chưa biết phải làm sao cứu nhân độ thế, và khi thế gian còn đau khổ, Ngài không thể an lạc được. Ngài đã phải trải qua biết bao nhiêu sự nguy hiểm, biết bao nhiêu sự đau đớn, biết bao nhiêu sự khổ hạnh; Ngài cũng đã trải qua trạng thái của một linh hồn đã hoài công tìm kiếm chân lý trong sự tối tăm và khắc khoải. Cuối cùng, một ngày kia, ngồi dưới gốc cây bồ đề thiêng liêng, Ngài tỏ ngộ và hiểu được nguyên nhân của sự đau khổ! Ngay lúc đó, sự đau khổ tiêu tan đi và nhường chỗ cho sự vui mừng hoan hỉ. Ngay hôm đó, sự chiến thắng, niềm hoan hỉ, cái hạnh phúc bất biến bùng nổ và reo vui

trong những lời châu ngọc của Ngài đã thốt ra, mà trải qua nhiều thế kỷ, nhân loại đã giữ gìn được cho chúng ta đến ngày nay. Có lẽ chư huynh hãy còn nhớ những lời một thi sĩ người Anh đã dùng để diễn tả những câu của Phật đã nói, chứng minh nguồn cội của sự đau khổ là sự vô minh, và nguồn cội của sự giác ngộ và của hạnh phúc là minh triết: “Ta, đức Phật, xưa kia Ta đã từng nhỏ lệ chung với các huynh đệ của Ta. Những nỗi đau khổ của trọn cả thế gian đã làm cho trái tim của các huynh đệ Ta tan nát. Giờ đây, Ta cười và hoan hỉ, vì thật có sự giải thoát, thật có sự tự do.”

Sự tự do, sự giải thoát, đó là sự vui mừng hoan hỉ. Sự vô minh và sự mù quáng làm cho ta phải nhỏ lệ. Sự đau khổ của thế gian khiến cho cõi lòng tan nát, cũng như bây giờ nó đang làm tan nát cõi lòng của bao nhiêu người vô minh. Nhưng có một sự giải thoát nhún nhủ ta như thế này: Nguồn cội của sự đau khổ là ở nơi ta chớ không phải ở nơi vũ trụ, trong sự vô minh của ta chớ không phải ở trong cõi đời. Như thế đó, khi ánh sáng chói rạng thì có ngay sự giải thoát, niềm vui, và tiếng cười của con người liền trở nên siêu phàm thoát tục, vì ánh sáng thiêng liêng đã tràn ngập linh hồn, đã giác ngộ, đã trở nên minh triết, và người minh triết thì không bao giờ buồn rầu,

vì trong linh hồn đã được giác ngộ một cách phi phạm, sự đau khổ đã bị hoàn toàn tiêu diệt.



## V - TRƯỚC THỀM THÁNH ĐIỆN

Giờ đây chúng ta đã đi đến bực thềm của kim môn (cửa bằng vàng), những cánh cửa mà ai ai cũng có thể mở được. Những cánh cửa một khi đã mở rộng ra rồi thì đưa con người đi vào thánh điện vĩ đại oai nghiêm, và những ai đã bước vào đó thì không bao giờ quay trở ra nữa. Giờ đây, nếu có thể được, chúng ta cố gắng hiểu điều kiện của người chí nguyện đang tiến bước lên thềm cửa mà biết chẳng bao lâu sẽ phải bước qua để nhập vào hàng ngũ của những kẻ phụng sự trên thế gian, đang làm việc để dìu dắt sự tiến hoá của giống nòi, để thúc đẩy sự tiến bộ của nhân loại chúng ta.

Chúng ta hãy dừng chân lại một lúc để nhìn xét những người đang ở sân ngoài, nơi mà chúng ta đã nói đến ở bốn bài thuyết trình đầu. Chúng ta

sẽ thấy nổi bật lên một nét đặc biệt làm căn bản chung cho những ai đang ở đó; khác nhau rất xa về trình độ lý trí và đạo đức, khác nhau rất xa về sự tiến bộ đã hoạch đắc được, khác nhau trong sự thực hiện những điều kiện bắt buộc phải có, về cái khả năng có thể tiến mãi lên cao; nhưng có một điều được tỏ lộ rõ ràng, một điều mà tất cả mọi người đều có: đó là sự thành thật;<sup>16</sup> đều có một mục đích nhất định trước mắt; hiểu một cách minh bạch rõ ràng điều ước vọng. Khi xem xét thế gian, con người có một sự quyết định thành thật ở nơi thâm sâu trong lòng. Đối với tôi đó dường như một nét đặc biệt rõ ràng nhất, chung cho tất cả, như tôi đã nói. Những ai trong chư huynh đã quen thuộc với thánh kinh của những xứ xa xôi sẽ nhớ đức tánh thành thật này rất quan trọng; và có

---

<sup>16</sup> Nguyên văn tiếng Anh là *earnestness*; chúng tôi không thể tìm thấy được một danh từ tương xứng mà dịch chữ này cho đúng với nghĩa của nó nơi đây. Chữ này có nghĩa là tinh hoa của lòng nhiệt thành, của sự chú ý, của lòng sốt sắng, của tánh ngay thẳng, của tánh trang nghiêm, của sự siêng năng nhanh nhẹn, v.v... Người ta sẽ có được một ý niệm đúng đắn về sự thành thật nếu coi nó như là tiếng vắn tắt để chỉ định câu: “Đức tánh của một người thành thật mà làm cái công việc ấy.” Một người như vậy không còn là một người làm việc theo sở thích riêng của mình, theo lối tài tử nữa. (Chú thích của dịch giả Pháp văn).

trước mắt mình một mục đích mà mình cố gắng để thực hiện được một cách quả quyết, đó là một điều quan trọng. Nếu chư huynh xem đôi ba quyển kinh sách cổ kính của các tôn giáo Ấn Độ, chư huynh sẽ thấy tật bê trễ, lười biếng bị coi như là một trong những tánh xấu nguy hiểm nhất, tánh thành thật như là một trong những đức tánh cần yếu nhất. Mặc dù ở trong tôn giáo nào, chư huynh cũng thấy một quan niệm duy nhất về điểm đó. Con người đã tiến đến trình độ này, cũng đã vượt qua ranh giới phân chia tôn giáo này với tôn giáo khác, đã hiểu nơi căn bản của mọi tôn giáo, có những giáo lý cao cả giống nhau; và tất cả những người sùng đạo đều hướng về mục đích cao cả duy nhất. Vì thế cho nên không ngạc nhiên khi thấy những kinh sách của những tôn giáo khác nhau - tất cả đều do Quần Tiên Hội ban hành - bắt buộc người chí nguyện phải có những đức tánh giống nhau và đều cho rằng tánh thành thật là một trong những đức tánh cần thiết nhất cho ai muốn làm đệ tử. Ở chương II của kinh Pháp Cú Dhammapada, chư huynh sẽ thấy đức tánh này được chỉ dẫn một cách rõ ràng và có lẽ với nhiều chi tiết hơn bất cứ đoạn nào khác. Tôi xin trích ra đây:

“Nếu con người thành thật bắt đầu hành động, nếu không thường quên lãng, nếu những việc làm trong sạch, nếu hành động một cách sáng suốt, nếu tự chủ, nếu sống theo giới luật thì sự vinh quang sẽ tăng trưởng.

Do sự hoạt động siêng năng, do tánh thành thật, do sự khắc kỷ và tánh trinh khiết, người minh triết có thể tự xây đắp cho mình một hòn đảo mà không một trận hồng thủy nào làm ngập lụt được.

Những kẻ điên khùng đều chạy theo hư danh, đó là những người hiểu biết không chân chánh, người minh triết gìn giữ tánh thành thật của mình như là một báu vật quý giá nhất.

Bạn đừng theo đuổi những sự vật phù vân, những niềm vui của sự thèm khát tham lam và của tình yêu giả dối. Con người thành thật và ưa suy ngẫm sẽ gặt hái được rất nhiều sự vui mừng.

Nhờ tánh thành thật, người có học thức đã xua đuổi được tánh khoe khoang, trở nên minh triết, đứng trên những đài cao siêu của sự minh triết, và nhìn những kẻ điên khùng đang ở phía dưới; bình tĩnh nhìn đám đông đang quay cuồng, giống như một người đứng trên một ngọn núi nhìn xuống những kẻ ở đồng bằng.



Chăm chú ở giữa đám đông người thường quên lãng, thức tỉnh giữa đám người đang ngủ say, người minh triết tiến bước như một con ngựa chạy đua, để lại phía sau bầy ngựa gầy ốm, vô giá trị.

Chính nhờ tánh thành thật mà đức Maghavan trở thành chúa tể của các thần minh. Con người ca tụng tánh thành thật, nhưng luôn luôn quở trách tánh bê trễ lười biếng.

Vị tỳ khưu<sup>17</sup> lấy tánh thành thật làm nỗi vui mừng an lạc, và ghê sợ tật bê trễ lười biếng, có thể di chuyển khắp mọi nơi giống như lửa, đốt cháy những sợi dây lớn nhỏ ràng buộc mình.”

Nếu chư huynh quay lại phía sau nhìn tất cả công việc chúng ta đã miêu tả, chư huynh sẽ thấy đức tánh thành thật là căn bản của mỗi giai đoạn trong công việc. Sự tinh luyện, sự kiểm soát tư tưởng, sự lập hạnh, sự biến đổi những xu hướng thấp hèn thành những đức tánh cao cả, trọn cả công việc này bắt buộc phải có một bản tánh thành thật đã nhận biết được mục đích của mình và nhất định đạt được.

Đó là nét đặc biệt căn bản chung cho tất cả những ai ở sân ngoài và cũng nên nhấn mạnh nét đặc biệt

---

<sup>17</sup> *Hành khất. Tên gọi của các vị tu sĩ Phật Giáo.*

này nổi bật lên một cách rất rõ rệt đối với những ai con mắt đã sáng. Chư huynh đã biết khi nhìn vào trạng thái của vòng hào quang, người ta đoán được gần hết tánh nết của con người. Ngoài ra một số người trong chư huynh cũng nhớ khi bàn về sự tiến hoá của nhân loại, tôi có nói: Linh hồn khi mới phát triển là một vật chưa có hình thái rõ ràng như một đám tinh vân không có chu vi nhất định, không có giới hạn rõ ràng. Khi linh hồn càng tiến hoá, thì đám tinh vân này càng có một hình dáng rõ ràng, và vòng hào quang của con người càng có một chu vi nhất định. Thay vì tan mờ đi trong không gian, thay vì lần lần biến mất trong vùng không khí xung quanh, lại nổi bật lên với một chu vi rõ rệt khi cá nhân được trưởng thành. Vậy nếu chư huynh có thể lấy thần nhãn mà nhìn vào những người ở sân ngoài, như vậy chư huynh sẽ ngạc nhiên vì vòng hào quang có một chu vi rõ ràng, đều đặn, biểu hiệu của sự minh bạch nội tâm mà linh hồn cá nhân đã đạt được. Tôi nói như thế để chư huynh hiểu rằng mỗi sự tiến bộ của linh hồn đều được ghi khắc bằng những dấu hiệu rõ ràng không bao giờ có thể lầm lạc được. Không phải do một đặc ân độc đoán mà linh hồn có được địa vị ngày nay, không phải do sự ngẫu nhiên hay tùy thuộc vào một sự việc bất ngờ có được địa vị đó. Trình độ tiến hoá là một trạng thái nhất định

gồm có những đức tánh và quyền năng đã được hoạch đăc rõ ràng. Người ta nhận biết được quyền năng này do những dấu hiệu nhất định, những chiêm nghiệm đã phát triển nơi mình khả năng có thể nhìn thấy những chất tinh vi tế nhị hơn là vật chất hồng trần, đều nhận rõ được những dấu hiệu đó. Vậy kết quả của tánh thành thật là phát triển cá nhân khiến cho vòng hào quang có một chu vi rõ rệt. Người ta có thể nói vòng hào quang rõ ràng này là dấu hiệu bên ngoài chỉ rõ một trạng thái nội tâm chung cho tất cả những ai ở sân ngoài, tuy rằng nét đặc biệt này có thể nổi bật ở người này nhiều hơn ở người kia, nhưng tất cả những ai ở sân ngoài đều có nét đặc biệt đó.

Quyển sách nhỏ rất hay, nhan đề: “Ánh Sáng trên Đường Đạo” đã nói một cách rất hữu lý rằng: Những người chí nguyện ở sân ngoài chỉ nhờ cuộc đời điếm đạo cho mình mà thôi. Đó không phải là những cuộc đại điếm đạo rõ ràng, thật sự, sau này mới có, không phải là những cấp bậc minh bạch ở bên trong thánh điện, cấp đầu tiên của những cấp bậc này chính là sự bước chân qua những kim môn, những cánh cửa bằng vàng. Ở sân ngoài, những sự điếm đạo nhỏ liên tiếp đến dạy dỗ người chí nguyện trong khi sống hằng ngày với thể tục. Người ta có thể nói theo một ý nghĩa rất

thực tế, chính đời sống là Đấng cao cả đã ban phép điễm đạo vậy. Tất cả những biến cố đều đến tấn công thí sinh để thử sức và phát triển những khả năng.

Khi đọc quyển sách nhỏ “Ánh Sáng trên Đường Đạo” chư huynh sẽ thấy một số điều kiện mà “những lời giảng lý” đã được ghi ở phòng ngoài, ở phía trước cửa thánh điện. Những điều này được bày tỏ trong một ngôn ngữ tuy thần bí nhưng ta cũng có thể hiểu được, mặc dù trong một ngôn ngữ thần bí thường có những sự khó khăn phát sinh từ cách hiểu đúng từng chữ theo nghĩa đen thay vì tìm hiểu những sự thật bên trong mà những chữ đó muốn diễn tả ra. Và 4 chân lý cao cả được ghi khắc trong phòng ngoài là:

“Trước khi thấy được, mắt phải ráo lệ.

Trước khi có thể nghe được, tai phải điếc, không còn nhạy cảm nữa.

Trước khi được nói trước Chơn Sư, lưỡi phải mất khả năng làm tổn thương kẻ khác.

Trước khi linh hồn có thể đứng trước mặt Chơn Sư thì chân phải được rửa sạch trong tâm huyết.”

Và chính cùng một Tác Giả xưa kia đã truyền đạt và công bố quyển sách “Ánh Sáng trên Đường

Đạo” sau này viết những lời giảng lý cho sách đó. Những lời giảng lý này cần được nghiên cứu thâm sâu, vì giảng giải một phần lớn những sự khó khăn cố hữu của quyển sách đó và có thể giúp cho sinh viên không hiểu theo nghĩa đen, vì như vậy là nguy hiểm như tôi đã nói. Theo những lời giảng lý này câu thứ nhất là:

“Trước khi nhìn thấy, mắt phải ráo lệ” nghĩa là linh hồn phải lìa bỏ đời sống của những cảm xúc để bước vào đời sống của sự hiểu biết; linh hồn không được sống mãi trong một nơi luôn luôn làm cho bị điên đảo vì những làn sóng dữ dội phát sinh từ những giác quan, nó phải lìa bỏ cảnh giới bất định đó đi vào cảnh giới an tịnh, không hề thay đổi của sự hiểu biết. Mắt là những cửa sổ của linh hồn, những cửa sổ này thường bị sương mù của cuộc đời che phủ. Nói theo cách khác, những xúc cảm mãnh liệt, vui hay buồn, bốc lên như một làn hơi sương mờ che phủ những cửa sổ của linh hồn, cho nên linh hồn không thể nhìn qua cửa sổ đó một cách rõ ràng. Cái sương mờ này phát sinh từ ngoại cảnh, chứ không phải từ nội tâm, phát sinh từ bản ngã chứ không phải từ linh hồn, là kết quả của một niềm xúc cảm mạnh mẽ, chứ không phải của một sự thông hiểu về đời sống. Vì lý do đó cho nên được tượng trưng bằng những giọt lệ,

biểu hiệu của một cảm giác mãnh liệt, vui hay buồn. Mắt của linh hồn không thể nào nhìn rõ ràng được, cho đến ngày chúng trở nên khô lệt, cho tới ngày những cửa sổ của linh hồn không còn bị sương mù nơi ngoại cảnh che phủ, cho tới ngày những cửa sổ này để cho ánh sáng của sự hiểu biết chiếu vào một cách rõ ràng. Người ta đã giảng giải: Như vậy không có nghĩa là người đê tử phải trợ trợ, lãnh đạm, không biết xúc cảm nữa, mà chỉ có nghĩa là: không một sức mạnh bên nào còn có thể làm mất thăng bằng. Như vậy không có nghĩa là không còn đau khổ nữa, không còn vui mừng nữa, bởi vì những đau khổ hay vui mừng sẽ trở nên sâu xa hơn là những sự vui buồn của người thường. Như vậy chỉ có nghĩa giản dị là: sự đau khổ cũng như sự vui mừng không còn có thể làm mất cái trạng thái thăng bằng phát sinh từ sự hiểu biết không hề bị lay chuyển đã hoạch đắc được. Và sự hiểu biết này chính là sự hiểu biết về những sự việc trường tồn, khiến cho mọi sự giả tạm phù du không còn có thể thật sự án mắt của linh hồn được.

Đối với chân lý thứ hai cũng vậy: “Trước khi tai có thể nghe được, phải điếc.” Phải đi đến cảnh giới của sự yên lặng. Về sau người ta có thể nói rằng tai con người chỉ có thể nghe tiếng nói của

các Chơn Sư luôn luôn vang rền trên thế gian khi không còn lóng nghe tiếng ồn ào của đời sống bên ngoài nữa. Không phải là Chơn Sư ngưng tiếng, vì Ngài vẫn nói luôn luôn không ngừng. Tiếng nói của Ngài vang rền trong tâm ta. Nhưng những tiếng động đang bao vây linh hồn của người đệ tử, âm ỹ ồn ào đến nỗi không thể nghe được lời nói của Chơn Sư, dịu dàng hơn, tiết điệu hơn, thâm sâu hơn, xuyên qua những âm thanh thô trước phát sinh từ giác quan cùng những mối xúc cảm thấp hèn. Vì thế nên trước khi rời bỏ sân ngoài, người đệ tử cần phải đạt đến một cảnh giới yên lặng để có thể nghe thấy trong chốc lát cái âm thanh của chân lý. Và khi đạt đến cảnh giới yên lặng này rồi, trong một thời gian, người ta có cảm tưởng như mất hết cảm giác, vì sự yên lặng ngự trị nơi đó, vì lần đầu tiên, linh hồn nhận thức được sự yên tĩnh liên tục, không bao giờ bị quấy phá.

Nơi đây, tác giả nói và nhấn mạnh vào những nỗi khó khăn và sự chiến đấu xảy ra khi lần đầu tiên ta nhận thức được sự yên lặng. Chúng ta đã quen sống ở giữa những tiếng xao động chung quanh, cho nên khi sự yên lặng bao trùm lấy linh hồn cũng mang lại một cảm giác trống rỗng hư vô. Giống như khi ta đi xuống một vực thẳm, không có một vật gì ở phía dưới để tựa chân, khi ta đi

vào trong những miền tối tăm bao phủ linh hồn như một tấm vải liệm xác chết; đó là một cảm giác hoàn toàn cô độc, triệt để trống rỗng, dường như mọi sự đều sụp đổ, dường như mọi đời sống đều bị tiêu huỷ cùng với sự ngưng ngang của tiếng ồn ào của các sinh vật. Người ta nói rằng lúc đó, tuy chính Chơn Sư có đứng đấy, cầm lấy bàn tay của người đệ tử, mà người đệ tử vẫn thấy mình như đang ôm khoảng trống rỗng của không gian, dường như y không trông thấy Sư Phụ cùng tất cả những Vị tiền bối đã đi trước trên con đường đạo, y tự thấy mình bị cô đơn ở giữa khoảng không trung không bám vào đâu được, phía trên, phía dưới, ở xung quanh cũng trống không chẳng có gì cả. Và trong lúc im lặng đó, đời sống hình như ngưng lại; trong lúc im lặng đó, dường như chính linh hồn cũng ngừng không sống nữa.

Và tiếng nói vang lên từ bờ bên kia sông, xuyên qua cái im lặng này; ta nghe được trong sự cô tịch, nổi bật lên giữa những tiếng ồn ào của thế gian. Một khi đã nghe tiếng nói này, thì lỗ tai sẽ luôn luôn nhạy cảm đối với tiết điệu du dương. Không một âm thanh nào của thế gian lại có thể làm tắt tiết điệu du dương này mà linh hồn đã nghe trong sự im lặng. Phải cảm thấy, phải nhận thức được



hai chân lý này trước khi có thể đi đến những kim môn, những cánh cửa bằng vàng thiết thọ.

Người chí nguyện phải sống với hai chân lý này trước khi có thể leo lên những nấc thang và đứng trước ngưỡng cửa, trước khi người ta cho phép bước vào thánh điện.

Theo như đã miêu tả trong sách, dường như hai chân lý còn sót lại thuộc về bên trong thánh điện hơn là bên ngoài. Vậy mà chúng vẫn được ghi ở phòng ngoài, vì ở phòng nhỏ này người ta còn ghi rất nhiều qui tắc chỉ có thể hoàn toàn thực hiện được ở bờ bên kia sông, những qui tắc dùng để dìu dắt người chí nguyện để y biết phải hướng những cố gắng của mình về chỗ nào để có thể tự chuẩn bị mà làm việc ở phía bên trong thánh điện. Theo sự miêu tả dường như hai chân lý vĩ đại sau này - liên quan đến sự có thể nói và có thể đứng trước mặt các Chơn Sư - chỉ có thể thực hiện sau khi bước qua những kim môn, những cánh cửa bằng vàng; tuy nhiên người tân tín đồ vẫn có thể cố gắng làm cho hai chân lý này được phát triển nơi linh hồn mình ngay ở sân ngoài. Vậy hai chân lý còn lại mà những dấu hiệu báo trước hiện ra trong người đệ tử đã đi đến thềm thánh điện là gì?

Chân lý thứ nhất: Có thể nói trước mặt các Chơn Sư - nghĩa là linh hồn cất tiếng kêu gọi Đấng Chí

Tôn chương quản cung của mình. Lời kêu gọi vùng lên đến chót đỉnh, rồi dội trở lại người đệ tử, vượt đi xa hơn nữa và truyền ra thế giới loài người. Người tân tín đồ cầu xin để được hiểu biết - đó là kêu gọi, và câu trả lời từ trên cao tuôn xuống có quyền năng truyền bá sự hiểu biết đã nhận được. Chỉ có thể nói trước mặt các Chơn Sư nếu thí sinh truyền đạt cho kẻ khác cái kiến thức đã hoạch đắc được, nếu y trở thành một cái khoen trong sợi dây xích nối liền nơi cao nhất với nơi thấp nhất, khiến cho những kẻ thấp hơn hiểu biết được những chân lý mà địa vị đã giúp lãnh hội được. Vì thế nên người ta nói ai muốn làm tân tín đồ thì ngay lúc đó phải trở thành kẻ phụng sự, vì chỉ có thể thụ hưởng nếu y bằng lòng cho ra.

Quyền năng của lời nói - không phải lời nói suông bên ngoài thuộc về những cảnh giới thấp, nhưng lời nói thiết thọ của linh hồn này nói với linh hồn kia và đã đưa đường chỉ lối cho ai đi tìm chân lý không phải bằng những câu nói suông, mà bằng cách khiến cho hiểu được chân lý mà những câu, những tiếng đã diễn tả ra một cách thật là bất toàn - quyền năng nói được từ linh hồn này với linh hồn kia chỉ ban cho tân tín đồ khi nào sẵn lòng đem quyền năng ấy ra sử dụng để phụng sự, khi nào nó muốn trở thành một trong những ngọn lửa

linh động đang di chuyển trong thế giới loài người và dạy cho biết điều huyền vi mà con người đang tìm kiếm.

Sau chót, chân lý cuối cùng dạy ta rằng chỉ ai mà bàn chân đã được rửa sạch trong tâm huyết mới được đứng trước mặt các Chơn Sư. Người ta đã nói rằng những giọt lệ tượng trưng cho hơi sương mờ của cuộc đời phát sinh từ những mối xúc cảm mãnh liệt. Đến lượt máu của trái tim tượng trưng cho chính đời sống vậy. Khi bàn chân của người đệ tử được rửa sạch bằng máu của trái tim, như thế, nghĩa là không còn coi đời sống là thuộc riêng nữa, mà chỉ muốn ban rải ra cho trọn cả thế giới hợp nhất vào đó. Vì sự sống là của cái quý báu nhất của con người nên phải ban rải ra trước khi có thể đứng trước mặt các Đấng đã hy sinh, đã cho ra tất cả; không còn muốn sống cho riêng mình nữa, y không còn muốn sinh ra đời để hưởng những lợi lộc hay những kinh nghiệm mà đời có thể mang đến cho mình nữa; đã rửa hai bàn chân của mình trong dòng máu của trái tim; không còn muốn sống cho riêng mình, coi đời sống của mình như là một kho dự trữ được giao phó cho, để làm điều ích lợi cho nòi giống, để phụng sự nhân loại. Phải cho ra tất cả những gì thuộc về quyền sở hữu

trước khi có thể đứng trước mặt các Đấng đã triệt để hy sinh.

Bây giờ chư huynh hiểu tại sao tôi đã nói hai chân lý cuối cùng này phải được áp dụng ở bên trong thánh điện hơn là ở bên ngoài, vì sự hy sinh trọn vẹn cả đời sống, sự giải thoát ra khỏi mọi dục vọng, sự từ bỏ mọi của cải tư riêng, từ bỏ bất cứ vật nào không thể biến thành một lễ vật để hiến dâng - sự hy sinh này, trong tính chất toàn thiện, toàn mỹ là dành riêng cho các Vị cao cả nhất trong các Vị đã đi đến thềm của quả vị Chơn Tiên cao siêu. Đó là một trong những sự chiến thắng cuối cùng của vị La Hán<sup>18</sup> chỉ còn phải vượt một bậc nữa để đạt được sự minh triết hoàn toàn, đi đến trình độ không còn phải học hỏi, không còn phải thu thập điều gì trong hệ thống vũ trụ của chúng ta nữa. Tuy nhiên, sự biết được chân lý này, về sau chân lý đó sẽ trở thành một sự thật linh động, chỉ có thể giúp sức dìu dắt đời sống tín đồ, vì thế cho nên ta thấy nó được ghi khắc nơi phòng ngoài, tuy rằng trong thời kỳ chuẩn bị này không ai có hy vọng thực hiện nó một cách trọn vẹn. Khi ta nhận xét về những cấp bậc này, chúng dẫn dắt đến thềm thánh điện, chúng ta bắt đầu hiểu đôi chút

---

<sup>18</sup> Xin đọc quyển “Sagesse Antique” (Minh Triết Cổ Truyền), chương XI “Ascension Humaine” (Sự tiến bộ của con người).

những kẻ đã đứng ngay thềm cửa, sẵn sàng bước qua những cánh cửa bằng vàng, những kim môn, phải là những người như thế nào? Còn có nhiều khuyết điểm, còn phải hoàn thành nhiều việc trong những kiếp vị lai, còn phải vượt qua 4 cấp bậc vĩ đại nữa trước khi đạt được quả vị Chơn Tiên cao siêu. Nhưng chúng ta thấy đều là những người có ý chí quả quyết, có tư cách nhất định, có đời sống tinh khiết, những dục vọng tàn rồi hay sắp sửa tàn, tự chủ và hăng hái muốn phụng sự - những người mà đời sống cao thượng đầy tràn những ước vọng trong sạch và cao siêu.

Giờ đây đi đến thềm cửa, chúng ta hãy thử nhìn vào phía trong đền trong chốc lát, để có thể hiểu một cách rõ ràng hơn sự gì đang chờ đợi con người ở phía sau những cánh cửa vàng, để hiểu tại sao lại bắt buộc phải có những điều kiện như vậy, tại sao ở nơi sân ngoài, người chí nguyệt phải thực hành những bài mà ta đã học. Chúng ta hãy nhìn chốc lát, tuy không được rõ ràng lắm, vào 4 đường đạo hay 4 cấp bậc của con đường duy nhất đang đứng xếp hàng ở phía trong thánh điện. Ở trước mỗi cấp bậc là một cửa lớn, và 4 cửa lớn là 4 sự đại điểm đạo. Sự điểm đạo lần thứ nhất mà chư huynh thấy được miêu tả như là sự điểm đạo của “con người nhập lưu” - từ ngữ này đã được dùng

trong quyển “Tiếng Nói Vô Thinh” và trong rất nhiều tác phẩm công truyền - là sự bước qua thêm thánh điện, sự bước qua rõ ràng, minh bạch, sự nhất quyết đi vào thánh điện, nơi đó người đệ tử đã được điếm đạo không bao giờ còn đi trở ra để lại quay về đời sống thế tục. Không bao giờ còn ra khỏi nơi đó nữa, mặc dù làm việc ở giữa nhân loại, vẫn luôn luôn ở trong trung tâm thánh điện.

Sự nhập lưu này là một cấp bậc nhất định, rõ ràng, và ở trong những tác phẩm công truyền, chư huynh sẽ thấy người đệ tử đi đến trình độ này hãy còn tái sinh 7 kiếp nữa. Trong một câu ghi chú trong quyển “Tiếng Nói Vô Thinh” người ta nói một người đệ tử được nhập lưu ít khi đạt được mục đích trong một kiếp sống, và thường phải cần đến 7 kiếp tái sinh nữa mới vượt qua được những cấp bậc cao nhất. Nhưng trong khi đọc sách, chúng ta nên nhớ rằng không nên hiểu những câu này đúng theo nghĩa đen: vì những kiếp sống chỉ là những hậu quả và không phải bao giờ cũng được đo lường bằng những sự sinh tử trần gian. Có lẽ những kiếp sống này không phải là những kiếp đầu thai ở cõi trần mà là những giai đoạn tiến bộ của con người - tuy nhiên chúng có thể hiểu theo nghĩa những kiếp sống hồng trần. Và những kiếp sống chót của người đệ tử kế tiếp nhau không

ngừng nghỉ. Y sống từ kiếp này sang kiếp khác, luôn luôn tiến hoá, bao giờ cũng thức tỉnh, không bao giờ lãng quên tiền kiếp. Trong khi những kiếp sống nối tiếp nhau như thế, tất cả những nhược điểm hãy còn sót lại trong bản chất con người phải được loại trừ lần lần từng cái một, một cách trọn vẹn và quả quyết. Đó không phải là những công việc làm dang dở ở sân ngoài, không phải là những sự cố gắng nửa chừng, những sự làm thử và bỏ dở nữa. Ở đây mỗi công việc được khởi đầu phải được hoàn thành trọn vẹn, và dạy chúng ta ở mỗi cấp bậc phải huỷ diệt một số chướng ngại nhất định, một số khuyết điểm của bản tính con người phải được loại trừ triệt để trong khi người đệ tử tiến bước về chỗ toàn thiện toàn mỹ hầu cho Đức Thượng Đế nơi y được biểu lộ hoàn toàn.

Người ta nói ai vượt qua được sự điếm đạo lần thứ nhì thì chỉ còn phải tái sinh một lần nữa thôi. Chỉ còn phải đầu thai một lần nữa, trước khi chấm dứt chu kỳ sinh tử cương bách; có thể tự ý mà tái sinh nữa, nhưng đó là tự ý muốn như vậy để phụng sự chớ không phải còn bị ràng buộc vào bánh xe luân hồi.

Vượt qua sự điếm đạo lần thứ nhì và đạt được sự điếm đạo lần thứ ba, người đệ tử “không còn cần phải đầu thai nữa,” vì cùng trong một kiếp sẽ lên

cấp bậc thứ tư nó sẽ dẫn đến thềm cửa niết bàn; và bắt đầu từ lúc này, không còn định luật nào có thể trói buộc linh hồn vào những cõi hạ giới, vì tất cả những dây trói buộc đã bị cắt đứt và linh hồn được tự do mãi mãi. Cấp bậc thứ tư là cấp bậc của vị La Hán, nơi đó những sự chướng ngại cuối cùng được hoàn toàn tiêu diệt.<sup>19</sup>

Chúng ta có thể cố gắng miêu tả những giai đoạn cuối cùng này của sự tiến hoá của nhân loại, tức là 4 cấp bậc của sự điếm đạo không? Chúng ta có thể nhận xét - dù một cách khiếm khuyết - sự tu luyện khiến cho con người có thể vượt qua 4 cái cửa lớn đó, sự cố gắng ở bên kia ngưỡng cửa biến đổi hoàn toàn đời sống của con người không? Chúng ta thấy thí sinh còn lâu lắm mới có được phẩm hạnh hoàn toàn. Một tia sáng từ bên trong thánh điện lọt ra ngoài và chiếu rọi vào những quyển sách nói còn 10 mối chướng trong tính chất yếu đuối của con người cần phải bị loại trừ từng cái một. Tôi không thể giảng giải chúng một cách tỉ mỉ cùng chư huynh, vì điều này sẽ dẫn chúng ta đi quá xa. Nơi đây tôi muốn miêu tả sân ngoài,

---

<sup>19</sup> Để khảo cứu về những giai đoạn khác nhau trong sự điếm đạo, xin coi “Con Đường của Người Đệ Tử” và chương XI của “La Sagesse Antique” (Minh Triết Cổ Truyền): “Sự tiến hoá của con người.”



chớ không miêu tả những điều huyền vi ở bên trong thánh điện. Không đi sâu vào những chi tiết, chúng ta thử đi theo những lời chỉ dẫn này và tìm hiểu xem tại sao những Vị giữ cửa điện lại nghiêm khắc như thế, tại sao các Ngài lại bắt chúng ta cố gắng nhiều như thế trước khi ưng thuận mở cửa đền thiêng cho chúng ta đi vào? Đường như người ta đã trông thấy dễ dàng những điều kiện đã được miêu tả trong những bài thuyết trình trước phải được thực hiện một phần nào trước khi người chí nguyện bước qua ngưỡng cửa. Một khi bước qua được một cấp bậc để đi về phía bên kia, thì người đệ tử nắm được ở trong tay những quyền năng càng ngày càng lớn. Ở phía bên kia, bên trong thánh điện, con mắt của y đã được mở ra, có thể sống và hành động theo một cách thức mà không bao giờ có thể thực hiện được ở phía bên ngoài thêm cửa. Cách thấy, nghe và hành động khiến cho thành một người khác hẳn những người chung quanh, một người có những quyền năng mà người khác không có, có một tầm mắt nhìn không ngờ được, có những kiến thức không hiểu nổi; phải di chuyển, làm việc mà thật ra không phải là một người trong bọn nữa, vì tuy có dự phần vào đời sống chung, là một kẻ khác biệt hẳn, do bản chất. Và nếu như vậy, việc bắt buộc người đệ tử phải có một hạnh kiểm vượt mức những

người thường, trước khi được người ta trao cho những quyền năng là một việc rất công bình. Vì một khi đã có những quyền năng đó, chúng hoàn toàn thuộc về người đệ tử, và có thể tùy ý sử dụng chúng.

Chư huynh hãy xem y còn có những nhược điểm rất thông thường của thế tục; như là: những lỗi lầm của những kẻ xung quanh hãy còn làm nổi giận, những việc thường xảy ra trong đời sống hàng ngày còn làm được cho nản lòng, bối rối; chư huynh thử thí dụ y không làm chủ được sự bình tĩnh của mình, không có tấm lòng từ bi luôn luôn tăng trưởng, tấm lòng thiện cảm bao la rộng rãi, chư huynh thử thí dụ khi bị chửi rủa, nổi giận chớ không phát tâm từ bi, quạu quọ chớ không tha thứ, nói tóm lại là hẹp lượng khoan hồng và không kiên nhẫn - nếu thu nhận một người như vậy vào trong thánh điện, nếu đặt vào tay, dù rất ít, những quyền năng phi phạm vượt mức người thường thì kết quả sẽ ra sao? Người ta sẽ lo ngại hay biết chắc chắn rằng những lỗi lầm bé nhỏ đó - rất thông thường đối với những người thế tục - sẽ xảy ra những tai hại kinh khủng. Nếu một người đệ tử hay nổi giận thì những quyền năng mới được nảy nở nơi linh hồn, sức mạnh của ý chí y, sức mãnh liệt của tư tưởng nếu không được ngự

trị thì sẽ là nguồn gốc của sự nguy hiểm cho các đồng loại. Thí dụ không lòng khoan dung, không biết thương xót, không thông cảm với những ai còn có những khuyết điểm đã nự trị được, không hiểu được sự sa ngã là một việc rất dễ dàng, thì người đã được điểm đạo sẽ sống như thế nào giữa nhân loại? Có thể nhìn rõ những tư tưởng, phân biệt những nhược điểm, nhìn thấy cái vòng hào quang mà chúng ta vừa nói đến ở trên, và có thể đọc ở đó như đọc một quyển sách mở rộng, mà biết những nét đặc biệt sâu kín của tánh nết mà con người thường phải giấu giếm nhau dưới lớp che đậy bề ngoài, người có thần nhãn nhìn thấy thực trạng của tâm hồn đồng loại mình, chớ không phải dáng điệu phô trương, một người như vậy rồi sẽ ra sao? Dĩ nhiên không phải là làm một việc chánh đáng hay hữu ích khi trao quyền năng như vậy - đó là quyền năng nhỏ bé nhất của kẻ đã được điểm đạo - cho một người mà những sự thử thách vốn chính mình đã trải qua chưa tập để biết thương xót những người yếu đuối hơn, một kẻ mà sự hồi ức lại những sự lầm lỗi cũ của chính mình không khiến tự cúi xuống để cứu giúp và tội nghiệp cho người tội lỗi nhất trong đám đông gặp trên đường.

Thật là một điều công bằng và tốt lành khi bắt buộc người đệ tử phải có đầy đủ những điều kiện gặt gao bất di bất dịch đó trước khi bước qua thềm thánh điện; bắt buộc phải loại trừ một phần lớn những lỗi lầm thông thường của con người trước khi được thu nhận vào thánh điện oai linh là nơi chỉ để dành cho những người phụ tá đã hiến mình cho công việc phụng sự và cõi lòng tràn trề tình yêu thương nhân loại. Công việc phải hoàn thành có vẻ vĩ đại đến nỗi ở bước đầu, phải thực hiện được một sự tiến bộ rõ ràng, đó là một điều cần thiết. Vì công việc này chính là việc tiêu diệt mọi dấu vết của những nhược điểm của con người, hoạch đắc tất cả những sự hiểu biết trong giới hạn vũ trụ của chúng ta, phát triển nơi bản thân những quyền năng có thể để sự hiểu biết ở trước mặt mình và cần tự chú định vào một phương hướng nào, thì ngay khi đó thu thập được tất cả những gì đáng hiểu.

Đó quả thật là trạng thái của vị Chơn Tiên. Vị Chơn Tiên là “Người không còn học hỏi về một điều gì nữa,” trong thái dương hệ này và quả vị Chơn Tiên chỉ là đoạn chót của đường đạo ở bên trong thánh điện mà hiện giờ chúng ta đang xem xét, chúng ta phải vượt qua trong vài kiếp ngắn ngủi – đó là công việc vĩ đại, một sự thực hiện cao

siêu đến nỗi nếu không có những người đã hoàn thành được nó trong dĩ vãng, nếu không có kẻ khác đang hoàn thành nó trong hiện tại, thì dường như không sao thực hiện nổi. Theo quan điểm của con người tầm thường, không thể nào làm được khi ấn định cho 5, 7 kiếp sống ngắn ngủi phải thực hiện một sự tiến bộ phi thường, đem người đệ tử từ một trình độ tương đối thấp kém của sự điếm đạo lần thứ nhất tiến lên đến chót đỉnh cao siêu của các vị Chơn Tiên toàn thiện, các Ngài là những đoá hoa, là kết quả rực rỡ của sự tiến hoá của nhân loại. Và nếu đó là công việc khó khăn mà chúng ta phải hoàn thành, nếu trong con người của vị La Hán sắp bước qua kỳ điếm đạo chót không còn một dấu vết gì của sự yếu đuối và sự vô minh của thể tục, thì thật không có gì là đáng ngạc nhiên khi phải cố gắng rất nhiều ngay từ khi chưa được bước qua thềm thánh điện, không có gì là đáng ngạc nhiên nếu những nền móng mà chúng ta đã nói đến ở trên kia – chúng phải chịu đựng sức nặng của một toà lâu đài khổng lồ - thì chúng phải thật chắc chắn vững vàng.

Chư huynh hãy tưởng tượng: khi mắt đã được mở sáng thì công việc phải làm lại có vẻ như rộng lớn, vĩ đại hơn là khi mắt còn bị mù quáng; đối với những người đã đi vào đường đạo, thì đường này có vẻ như cao và dài hơn đối với con mắt lò mò

của những kẻ chưa đi đến thềm thánh điện. Người đệ tử nhìn thấy những Vị đứng ở trên cao một cách rõ ràng hơn, phải đo lường một cách đúng đắn hơn khoảng đường phân cách đệ tử và các Ngài, những sự đã thực hiện được thật là vô cùng mờ tối; tất cả mọi sự cố gắng lớn lao thật là yếu đuối và bé nhỏ dưới ánh sáng của thần lực tuyệt vời của các Ngài; sự vô minh thật là không bờ bến trước ánh sáng của sự minh triết tuyệt diệu của các Ngài. Như vậy giữa y và các Ngài chỉ cách nhau có 4 cấp bậc mà thôi, 4 cấp bậc phải vượt qua trong 5, 7 kiếp nhanh chóng. Nhưng những tình trạng đã khác biệt nhau biết bao. Chỉ riêng điều này cũng khiến ta có thể chứng minh được rằng có thể thành đạo được. Vì chúng ta cảm thấy ngay sau khi bước qua thềm thánh điện, những ai đã thành đạo và những ai đang thành đạo, đều sống một cuộc đời rất khác biệt, cho nên điều không thể thực hiện ở phía ngoài có thể thực hiện được ở phía trong, điều xem dường như rất khó khăn lại được hoàn thành một cách tương đối dễ dàng.

Có thể chúng ta chưa được một cách trọn vẹn tất cả những điều kiện mới mẻ đang chờ đợi chúng ta ở phía bên kia ngưỡng cửa, chúng ta dường như cũng biết được vài ba điều kiện đó, chúng chứng minh đời sống bên trong thánh điện thật là

khác với đời sống bên ngoài. Sự kiện đầu tiên nổi bật lên, ấy là những người ở bên trong thánh điện đã hiểu - và chữ “hiểu” này bao gồm cả một thế giới. Chư huynh đã biết những câu mà tôi đã cố ý không nói đến ở chương trước, khi tôi thuật lại với chư huynh bài ca chiến thắng, do đức Phật đã thốt ra khi Ngài tuyên bố sự nô lệ đã được chấm dứt và sự giải thoát đã được thực hiện; chư huynh biết rằng lời ca này nói với những người ở thế gian nghe để cho họ biết nguyên nhân sự đau khổ của nhân loại và sự diệt khổ phát sinh từ sự minh triết đã nhận thấy chân lý!

“Hỡi các người đang đau khổ, các người hãy biết rằng: Chính các người tự mình hành tội mình, tự mình đày đọa mình. Không có một sức mạnh nào trói buộc các người đâu. Không có một ý chí nào khác ràng buộc các người vào bánh xe sinh tử.”

Ai đã bước qua thềm thánh điện đều biết những lời nói này rất đúng với sự thật. Con người tự làm khổ lấy mình chớ không có sự gì trói buộc y cả. Hiểu biết được sự kiện này, con mắt người đệ tử thấy cục diện thế giới được thay đổi hẳn; và tất cả những nỗi khó khăn của đường đạo đều biến đổi trạng thái. Một khi chúng ta cảm thấy được những nỗi lo buồn và những sự khó khăn của cuộc đời này sinh ra từ sự vô minh, con người phải đau

khô, vì không biết được phải luân hồi từ đời này sang đời khác, và vì vô minh cho nên tiến hoá chậm chạp như vậy; khi chúng ta biết rằng vì không hiểu biết nên đời sống không có hữu ích gì lắm, bị trói buộc vào bánh xe sinh tử luân hồi, bị mù quáng, vì y không biết rằng y có thể được giải thoát nếu muốn tin chắc như vậy; khi đã hiểu được những sự kiện này rồi (nơi đây không phải là tận mắt nhìn của một nhà hiền triết đã được giác ngộ, mà chính là một quan niệm khá rõ ràng để khiến ta vững lòng tin) cả thế giới đều thay hình đổi dạng trước mắt của người đệ tử đã bước qua thềm thánh điện. Và khi quay về phía sau nhìn đám đông nhân loại, với tất cả những nỗi buồn rầu và khốn cùng của họ, mắt tràn lệ thảm và cõi lòng tan nát vì đau khổ; biết những nỗi đau khổ này sẽ chấm dứt và tiêu diệt sự vô minh đem đến sự tiêu diệt các đau khổ. Nỗi khốn cùng của loài người không còn có tính cách nã nùng bi đát nữa; và tuy rằng hãy còn buồn rầu, người đệ tử không còn thất vọng nữa; còn hơn là hy vọng, ấy là sự tin chắc; còn hơn là chờ đợi buổi bình minh, ấy là sự nhìn ngay thấy ở nơi bản thể mình mặt trời ló dạng, huy hoàng rực rỡ, và chắc chắn về sau ánh dương quang chiếu diệu cho tất cả mọi người.



Còn nhiều sự thay đổi khác nữa nơi người đệ tử đã vượt qua thềm thánh điện. Một trong những ân huệ lớn lao nhất mà sự điếm đạo ban cho người đệ tử là có được một trạng thái ý thức luôn luôn sáng suốt không bao giờ bị đứt đoạn, sự chết cũng không có ảnh hưởng gì đối với ý thức đó, sự sinh cũng không làm cho nó quên lãng được. Xuyên qua những kiếp sống đang chờ đợi y, tâm thức cao cả khi đã hoạch đắc được không bao giờ có thể bỏ mất đi hay là mờ ám được. Sự thật là tâm thức cao cả của linh hồn một khi đã phát khởi nơi con người thì không bao giờ còn có thể bị mất đi, nhưng nó không thể hiện ra trong đầu óc của kẻ nào chưa bước qua thềm thánh điện. Còn ở phía bên kia, ở bên trong thánh điện, tâm thức cao cả là một sự hiểu biết không bao giờ đứt đoạn, nên linh hồn có thể ngó trước và xem sau, và tự cảm thấy mình mạnh mẽ vì đã biết được Chơn Nhơn trường sanh bất tử. Chư huynh thử xét coi đời người vì thế sẽ được thay đổi biết bao. Con người thường khó thoát khỏi hai mối đau khổ lớn của cuộc đời. Đó là gì vậy? - Hai mối đau khổ ghê gớm nhất đã làm tan nát và đang làm tan nát biết bao nhiêu tấm lòng, đó là nỗi đau khổ của sự sanh ly và sự tử biệt - sự sanh ly do không gian, khi hàng trăm nghìn dặm đường chia cách hai người bạn, sự tử biệt do thần chết buông tấm màn âm u giữa

người đang sống nơi hồng trần và người đã thác. Nhưng đối với ai đã vượt qua thêm thánh điện, sự sanh ly và tử biệt không còn nữa như khi xưa, như hồi còn sống nơi thế tục; có thể cảm thấy sự sanh ly, tử biệt này đến một mức độ nào đó, vì cái chướng ngại do sự vô minh chưa được hoàn toàn tiêu diệt, còn có thể bị đau khổ vì sự sanh ly tử biệt, nhưng sự đau đớn này không thể bao trùm trọn vẹn lên đời sống thiết thọ, nó không còn có thể làm cho tâm thức bị đứt quãng. Chỉ khi nào sống trong xác thân mới bị chia ly; và có thể tự ý lìa bỏ xác thân để đi đến nơi mà không gian và thời gian không còn ảnh hưởng được nữa. Cho nên hai mối đau khổ lớn lao của con người từ nay bị hoàn toàn xoá bỏ trong những kiếp vị lai; không còn mất một người bạn nào cả, sự chết không còn có thể cướp mất những người thân yêu đã liên đới nhờ những sợi dây liên lạc của đời sống thiết thọ. Đối với ta không có sự sanh ly, tử biệt; dưới hình thức đáng sợ nhất, hai nỗi đau khổ này của dĩ vãng đã bị hoàn toàn tiêu diệt.

Như vậy chưa phải là hết. Không những lương tri liên tục này làm cho sự phân ly không còn có thể xảy ra nữa, nhưng còn có nghĩa là trong những kiếp sống vị lai đang chờ đợi, không còn có thể trở lại trạng thái xưa kia trong dĩ vãng; sẽ không còn

trở về với đời sống thế tục, vô tâm lãng phí nửa kiếp người vì không biết là mình đang tìm cái chi; không còn tái sinh trong sự vô minh, không biết đến chân lý, không còn bị tấm màn vật chất che phủ làm cho mù quáng và không nhận thức được mục đích thiết thọ của cuộc đời. Quả thật, sẽ tái sinh nhưng tái sinh trong sự hiểu biết, và để tiến bộ; và bây giờ nếu sự tiến bộ bị chậm lại, nếu không tiến bước một cách liên tục, thì đó chính là do lỗi của mình; đã hoạch đắc được cái lương tri khiến cho có thể tiến bộ được; cho nên nếu có sự ngưng trệ hay chậm chạp, thì đó là vì tại ta, chớ không phải tại sự bắt buộc của cảnh ngộ.

Một sự thay đổi nữa phát sinh từ những mối tình bằng hữu mới mẻ mà người đệ tử tạo ra; không một đám mây nào có thể khuấy rối được những tình bằng hữu này, sự nghi ngờ và lòng hiềm nghi không thể phạm đến, nó bay lượn trên những đám mây mù của thế tục, ở nơi cao siêu này sự vật ở hạ giới không có chỗ đứng và không thể quấy nhiễu linh hồn nữa. Vì khi đi vào thánh điện, được giao thiệp với các đại Giáo Chủ, khi bước qua ngưỡng cửa, mắt được trông thấy các vị Chơn Sư, và chỉ một việc tiếp xúc thanh cao như thế cũng đủ thay đổi đời sống mãi mãi; đã tiếp xúc được với sự chân thật vĩnh cửu, những sự phù du

không có thể lung lạc như những ngày chưa biết được Thượng Đế vô thủy vô chung. Chân y từ đây đã được mãi mãi đứng vững trên tảng đá, và những làn sóng sẽ không còn có thể lôi cuốn đi và làm cho phải vùng vẫy dưới biển cả đang nổi sóng quay cuồng.

Vì thế ở bên kia thêm, dù công việc phải làm có vẻ vĩ đại đến đâu đi nữa, những điều kiện đã khác hẳn với thuở trước, cho nên người ta có thể thực hiện được công việc này, và chúng ta bắt đầu hiểu vì sao xưa kia đã được hoàn thành, và ngày nay đang được hoàn thành. Chúng ta bắt đầu hiểu được với những sự thay đổi lớn lao như thế, người ta có thể đi theo đường đạo đến cùng, dù có dài rộng, bao la bát ngát đến đâu; dù những cấp bậc trên sườn núi đất dẫn linh hồn lên đến những cảnh giới vô tận vô biên; người ta cũng có thể vượt qua một cách vô cùng nhanh chóng trong những điều kiện rất khác hơn trước, khi mà tất cả những quyền năng của linh hồn được phát triển, trong khi bóng tối tiêu tan và ánh sáng hiện ra.

Nhận xét những cấp bậc tối cao mà con người phải vượt qua, khi xem xét những chướng ngại cần phải được tiêu huỷ, chúng ta thấy những giai đoạn cuối cùng của sự yếu đuối của con người lần lần tan mất đi hầu để cho ánh sáng của linh hồn

mạnh mẽ, trầm tĩnh và trong sạch chiếu sáng. Cái huyền tường về bản ngã thấp hèn tiêu tan và tất cả mọi người đều được coi như là được hợp nhất với Chơn Ngã. Sự nghi ngờ biến mất và được thay thế bằng sự hiểu biết khi thần trí đã nhận biết được chân lý thì sự nghi ngờ không sao tồn tại được. Chẳng bao lâu, linh hồn sẽ không còn tùy thuộc vào những ngoại vật phù du chút nào. Trong khi được tiếp xúc sâu xa với những điều thực tế linh động, thì ngoại vật đều trở về với vị trí thật sự; vẻ bề ngoài không còn thật là quan trọng, và những sự việc xưa nay vẫn chia rẽ con người bây giờ là những bóng mờ, chớ không phải là những sự thật. Tất cả những sự sai biệt giữa các tôn giáo, lễ bái có ít nhiều hiệu quả, tất cả những tục lệ công truyền rất khác nhau đều thuộc về ngoại giới và chúng chỉ là những bức tường ảo ảnh dựng lên để chia rẽ các linh hồn mà thôi. Linh hồn đang tự học sẽ nhìn thấy các mối chướng ngại tối tăm này sụp đổ, và những dấu vết yếu đuối của con người tiêu tan và không bao giờ trở lại nữa.

Kế tiếp, những quyền năng của linh hồn, thị giác và thính giác được phát triển, sự hiểu biết mà từ trước đến nay không ai ngờ bỗng hiện ra tứ phía trong trí; cái trí trở nên hoàn toàn sáng suốt. Giác

quan không còn có giới hạn như ở cõi trần nữa. Không còn có sự biệt lập của một vũ trụ như xưa kia, chỉ thỉnh thoảng mới để lọt ra ngoài chỗ này, chỗ kia một mảnh vụn dưới hình thức là sự hiểu biết mà thôi. Từ mọi phía, sự hiểu biết liên hiện ra, và trọn cả bề mặt của linh hồn đều trở nên thọ cảm lệ làng, cho nên sự hoạch đắc sự hiểu biết giống như triều lưu sanh hoá luôn luôn dâng lên cao, như một bầu không khí chói sáng thấm nhuần linh hồn đang tự mở rộng ra tứ phía để thu nhận bầu không khí đó.

Xa hơn nữa, ta thấy linh hồn tự giải thoát những dục vọng cuối cùng hãy còn bám vào, đó là những đám mây mong manh, những bóng tối cuối cùng của đời sống hồng trần còn có thể ràng buộc linh hồn. Nhưng khi ta đã đi đến điểm đạo cuối cùng, sự điểm đạo này thấp hơn cấp tối cao một bậc và làm cho người đệ tử thành một vị La Hán, chúng ta thấy không thể nào quan niệm được ở một trạng thái cao siêu như thế mà còn có những mối chướng ngại và những điều không tinh khiết. Người ta đã viết một cách rất hữu lý rằng con đường của vị La Hán giống như đường của con chim bay trên không gian; giống như chim, Ngài đi mà không để dấu vết lại, dường như Ngài bay bổng mà không đụng chạm vào đâu, không gặp

những chướng ngại trong khi Ngài hành động trên tầng cao của không gian. Từ trên cảnh giới này, một cảm giác an lạc tuyệt vời được ban rải xuống. Người ta nói với chúng ta: không một sự gì còn có thể làm cho Ngài chinh lòng, hay làm lay chuyển Ngài được nữa, những trận đông tố của trần ai không phạm đến Ngài được. Ngài sống trong cảnh thanh tịnh vô biên, trong sự an lạc mà không một sự gì có thể phá khuấy được. Những ai đã biết được trạng thái đó đều đã rón miêu tả; đã nói về những đặc điểm của những người cao như vậy, dĩ nhiên là bằng những danh từ vựng về, thiếu thốn, như thường thấy trong ngôn ngữ của loài người, và những tiếng nói lên dường như chỉ phản chiếu trạng thái tối cao ấy một cách yếu ớt mà thôi. Biết rằng:

“Vị La Hán rộng lượng, khoan dung như quả địa cầu, như tiếng sét của thần Indra. Ngài giống như một cái hồ trong vắt không có bùn nhơ, Ngài không còn phải tái sinh nữa. Tư tưởng của Ngài yên tĩnh, lời nói và hành động của Ngài cũng bình tĩnh, Ngài nhờ sự thông hiểu chân lý mới được giải thoát, trở thành một người trầm lặng.”

Và dường như từ sự trầm lặng này, chúng ta cảm thấy một cảm giác an lạc, yên tịnh, bình thản, bất biến ban rải xuống; không một sự gì có thể thay

đôi hay phá rối được nó, và chúng ta nên hiểu tại sao một người như thế được miêu tả như sau:

“Người nào đã hoàn thành cuộc du lịch của mình và đã lìa bỏ sự đau khổ; người nào đã tự giải thoát trên mọi phương diện và đã loại trừ mọi chướng ngại, thì không còn phải đau khổ nữa.”

Đó là vị La Hán đứng trên chót vót của đường đạo, đó là vị trí cần phải bước thêm một bước nữa đến trình độ không còn cái chi để học hỏi trong thái dương hệ này; đó là mục đích của đường đạo mà tất cả mọi người đều có thể noi theo; đó là đoạn chót của sự chiến đấu, và đoạn chót này là sự an lạc hoàn toàn.

Trong khi miêu tả những giai đoạn của đường nhập môn, những danh từ vựng về nói về những điều đang chờ đợi chúng ta ở phía bên kia những kim môn, những cánh cửa bằng vàng, đôi khi tôi tỏ ra quá nghiêm khắc chăng? Có đôi khi tôi đã miêu tả đường đạo với những màu sắc đen tối quá chăng? Nếu có như vậy, đó là lỗi tại tôi, chớ không phải tại đường đạo; nếu có vậy thì tại diễn giả bất tài chớ không phải tại những điều mà tôi rón miêu tả một cách khuyết điểm. Vì tuy có khó khăn, có sự chiến đấu và có sự đau khổ, nhưng thật vậy, ai đã vào sân ngoài - chớ không cần phải nói gì về những người đã vượt qua cửa kim môn - một khi



đã vào đến sân ngoài thì tất cả các kho tàng của trần gian cũng không còn quyền năng cám dỗ họ phải đi trở xuống vị trí cũ? Đối với ai đã bước qua thêm cửa, thì hỏi có một niềm vui nào, một lời hứa hẹn nào của trần gian lại còn có thể sai khiến họ quay nhìn lại cõi đời mà họ đã bỏ, dù chỉ trong giây lát? Vì những nỗi khó khăn của đường đạo đang ở trước mắt ta còn đáng giá hơn là những niềm vui của hồng trần, những sự đau khổ của đường này còn vinh quang hơn những sự thịnh vượng của thế gian. Nếu chư huynh có thể thấu hết, trong một kiếp người, tất cả những niềm vui mà cõi trần có thể hiển dăng, nếu chư huynh để cho trọn đời chứa toàn thú vui với cái khả năng thụ hưởng không ngừng, không nghỉ, nếu trong một kiếp người, chư huynh có thể thu góp mọi thú vui của giác quan, của trí thức mà con người có thể hưởng được; nếu chư huynh có thể xoá bỏ được mọi dấu vết của sự đau khổ và mệt mỏi. Nếu chư huynh có thể lấy điều đó làm một đời sống lý tưởng như là cõi đời có thể cung cấp cho chư huynh một lý tưởng như vậy; nếu chư huynh mang tất cả những thứ ấy mà so sánh với những cấp bậc của đường đạo, mặc dù ở phía ngoài nhìn vào, những cấp bậc này có vẻ như nghiêm khắc, khó khăn đến đâu đi nữa, đời sống đây những thú vui hồng trần này có vẻ ti tiện và đen tối, những

tiết điệu du dương của cõi trần giống như những âm thanh hỗn độn nếu đem so sánh chúng với những cung đàn tuyệt diệu đang vang lên ở cõi cao siêu. Vì trên đường đạo này, mỗi khi tiến về phía trước thì không sao còn lùi lại phía sau được nữa, mỗi sự đau khổ mà ta phải chịu, dù sâu xa đến đâu mặc lòng, cũng là điều tốt lành, vì đã dạy cho ta được bài học.

Khi sự vô minh được giảm bớt đi, đường đạo trở nên sáng suốt hơn trước, khi sự yếu đuối tiêu tan đi, thì đường đạo được trở nên yên tĩnh hơn trước; khi những làn rung động hồng trần không có thể quấy phá và làm mất lòng ta nữa, thì đường đạo trở nên bình thản êm ả hơn. Riêng chỉ có những Đấng đã thành đạo mới có thể nói rằng ở mức cao nhất của con đường này có những gì; chỉ riêng những Đấng cao cả đang đứng ở chót đỉnh để đợi chờ chúng ta trải qua những thế kỷ mới có thể nói lên điều đó được. Nhưng những kẻ mới đặt chân lên những giai đoạn thấp đều biết những nỗi buồn của đường đạo lại là những niềm vui khi ta so sánh chúng với những thú vui hồng trần và bông hoa bé nhỏ nhất mọc lên trên đường đạo có giá trị tương đương với tất cả những bảo vật ở thế gian. Và ánh sáng luôn luôn soi tỏ đường đạo là như thế, khi người đệ tử càng ngày càng tiến bước và

chỉ một tia sáng thôi cũng đủ làm cho lu mờ ánh sáng của thái dương hệ ở trần thế. Những ai đi trên đường này đều biết sự an tịnh không thể tưởng tượng được, sự hoan lạc mà không một nỗi khốn khó nào của cõi trần làm cho tiêu diệt được; hưởng một sự nhàn hạ vô biên trên một tảng đá mà không một trận địa chấn nào có thể làm cho tan vỡ và niềm chí phước tức là hạnh phúc tuyệt vời luôn luôn đang ngự trị trong thánh điện.

### **HỘI THÔNG THIÊN HỌC CÓ BA MỤC ĐÍCH**

1. Tạo một tình Huynh Đệ Đại Đồng không phân biệt chủng tộc, tín ngưỡng, nam nữ, giai cấp hay màu da.

2. Khuyến khích việc học hỏi và đối chiếu tôn giáo, triết lý và khoa học.

3. Nghiên cứu những định luật thiên nhiên chưa giải thích được và những quyền năng ẩn tàng trong con người.

Muốn gia nhập Hội, bạn chỉ cần thừa nhận mục đích 1 và xin liên lạc với Hội nơi quốc gia bạn cư ngụ; hay với một bạn hội viên nào bạn biết.